

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN



DONG A CLASSICS

JONATHAN SWIFT

Đỗ Đức Hiếu & Phan Thái dịch

Gulliver du kí



LỜI GIỚI THIỆU

"Gulliver du ký" là cuốn sách được cả thế giới đọc trong mấy thế kỷ qua và đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng. Đặc biệt, bạn đọc nhỏ tuổi rất yêu thích những câu chuyện phiêu lưu tưởng tượng kỳ thú, đưa các em đến thế giới của những người tí hon, bé chỉ bằng ngón chân cái, nhưng có cuộc sống chẳng khác gì những người bình thường, rồi lại được đến đất nước của những người khổng lồ, một thế giới kỳ diệu nơi những con người đầy lòng nhân ái, ngay thẳng. Ở đó, con khỉ to bằng con voi và có lần Gulliver phải rút kiếm ra chiến đấu với hai con chuột định xông vào ăn thịt mình... "Gulliver du ký" là cuốn sách của mọi lứa tuổi. Trẻ em tìm thấy ở đó những câu chuyện kỳ lạ, có người tốt, kẻ xấu. Người lớn thì rút ra được những bài học về cách xử thế ở đời. Những nhà tư tưởng thì tìm thấy những lời phê phán chua chất cái xã hội nhỏ nhen là nước Anh đã đương thời, đúng như tầm vóc tí hon của người nước Lilliput và ca ngợi tâm hồn trong sáng, cao đẹp của những người khổng lồ xứ Brobdingnag.

"Gulliver du ký" của Jonathan Swift (1667-1745), được in lần đầu năm 1726 và nhanh chóng được cả thế giới biết đến. Cuốn sách ra đời đã gần ba thế kỷ nhưng đến nay vẫn được nhiều thế hệ độc giả yêu thích và tìm đọc. "Gulliver du ký" là cuốn sách chiến đấu. Nó chống lại những kẻ thống trị là giai cấp phong kiến và tư sản xấu xa, tàn ác, phản kháng chế độ xã hội bất công, ca ngợi lòng khoan dung, độ lượng và chủ nghĩa nhân đạo. Nhưng tất cả những ước mơ của tác giả chỉ là những tưởng tượng trong thế giới ảo nên ông dễ đi đến bi quan, chán nản.

"Gulliver du ký" là một tác phẩm châm biếm. Tác giả dùng tiếng cười, nhiều khi chua chất, để phê phán thói hư tật xấu của triều đình Lilliput. Nhiều lúc tưởng như ông bênh vực, ca ngợi nước Anh: "*Tổ quốc vinh quang*", "*niềm tự hào của vũ trụ*"... nhưng sự thật đó là những lời mỉa mai, chỉ trích sâu sắc. Cũng có khi, tưởng như ông chê bai người nước Brobdingnag "dốt nát", "thiển cận", nhưng sự thật lại là những lời ca ngợi lòng nhân ái, trung thực của những người khổng lồ.

"Gulliver du ký" là một cuốn chuyện "du ký" kể về những cuộc phiêu lưu của Gulliver, có nhiều cảnh tượng hấp dẫn, kỳ thú, nửa như thật, nửa như tưởng tượng, những câu chuyện dí dỏm nhưng mang ý nghĩa sâu xa. Những cảnh tả con tàu trong bão tố hay những con vật khổng lồ, thành phố và cung điện tí hon, chứng tỏ tài năng, óc quan sát tinh tế và trí tưởng tượng phong phú của tác giả. Chính vì vậy, tất cả mọi người - nhất là trẻ em - sẽ còn đọc mãi "Gulliver du ký" của Jonathan Swift.

ĐỒ ĐÚC HIỂU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN - 2008

Dịch từ: bản tiếng Pháp: "Voyages de Gulliver" do André Desmon dịch từ Tiếng Anh - Nhà xuất bản: "Leclub Francais du livre", 1949

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

PHẦN I: CUỘC DU LỊCH ĐẾN XỨ LILLIPUT

CHƯƠNG 1

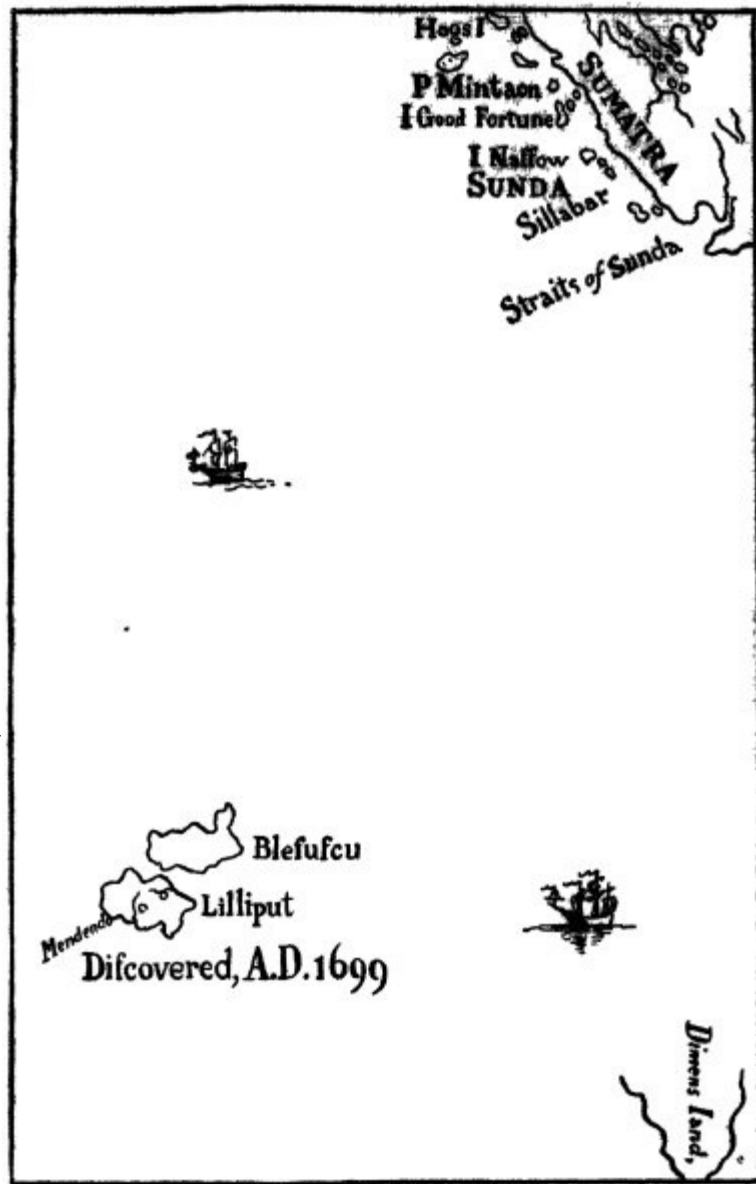
Tác giả kể vài ba câu chuyện về bản thân và gia đình - Ông đã ham thích du lịch như thế nào - Đắm tàu - Tác giả thoát chết - Ông bơi được vào bờ biển nước Lilliput - Ông bị cầm tù và giải vào nội địa.

Cha tôi có một trang trại nhỏ tại vùng Nottingham. Cha tôi có năm con trai, tôi là thứ ba. Năm mười bốn tuổi, tôi đến Cambridge theo học trường Emanuel. Ba năm trời, tôi học chăm chỉ. Chẳng may, số tiền nuôi tôi ăn học tuy chẳng đáng là bao, nhưng số tiền ấy cũng đã trở thành một gánh nặng cho gia đình vốn nghèo túng. Thế là tôi bị gửi đi tập việc tại nhà giải phẫu danh tiếng của ông James Bates, một nhà giải phẫu nổi tiếng ở Luân Đôn. Tôi tập việc ở đấy bốn năm. Thỉnh thoảng, cha tôi gửi cho tôi ít tiền. Tôi dùng số tiền này để học nghề hàng hải và những môn toán cần thiết cho người đi biển, bởi vì tôi luôn luôn nghĩ rằng, một ngày mai đây, đó phải là số mệnh của tôi. Sau khi từ biệt ông Bates, tôi trở về nhà. Cha tôi, chú tôi là John cùng vài ba người họ hàng thân thân nữa gom góp cho tôi món tiền bốn mươi *sterling*¹ và hứa hằng năm sẽ cung cấp cho tôi ba mươi *sterling* để tôi ăn học ở Leyden. Tôi học ngành thuốc trong thời gian hai năm, bảy tháng, tôi biết rằng nghề chữa bệnh này rất cần thiết cho những cuộc du lịch lâu dài.

Ở Leyden về nhà chẳng được bao lâu, tôi được ông Bates giới thiệu cho làm một chân thầy thuốc trên tàu Con Nhạn, dưới quyền chỉ huy của thuyền trưởng Abraham Pannel. Tôi làm việc với ông ta ba năm rưỡi, đi một vài chuyến sang vùng biển phương Đông và vài ba nơi khác trên thế giới. Về đến nhà, tôi quyết định ở lại Luân Đôn. Ông Bates khuyến khích tôi ở lại, giới thiệu cho tôi nhiều bệnh nhân của ông. Tôi thuê một ngôi nhà nhỏ ở xóm Jewry. Nghe lời mọi người khuyên nên lấy vợ, tôi cưới cô Mary Burton, con gái thứ hai ông Edmund Burton, một người làm nghề khâu mũ vải ở phố Newgate. Tôi được hưởng của hồi môn trị giá bốn trăm *sterling*.

Nhưng hai năm sau, ông Bates - thầy học của tôi - qua đời. Tôi vốn ít giao thiệp nên công việc bắt đầu sút dần, vì lương tâm không cho phép tôi bắt chước dùng những mảnh khốe như một số bạn đồng nghiệp. Sau khi bàn bạc với vợ tôi và mấy người bạn, tôi quyết định lại đi biển. Tôi nhận chân thầy thuốc trên hai con tàu. Và trong sáu năm trời, tôi đã đi nhiều chuyến sang Nam Dương và sang Mỹ. Nhờ vậy mà số tiền tôi để dành đã được kha khá. Những lúc rỗi, tôi có đọc các tác giả cổ kim hay nhất, vốn lúc nào tôi cũng mang theo sách bên mình. Khi lên đất liền, tôi quan sát phong tục tập quán của người địa phương và học tiếng nói của họ, vì trí nhớ của tôi rất tốt nên tôi học khá dễ dàng.

Chuyến đi cuối cùng của tôi không may mắn lắm, nên tôi chán nghề đi biển và quyết định ở nhà với vợ con. Tôi dời nhà khỏi khu Old Jewry, sang khu Fetter Lane, rồi sang khu Wapping, với niềm hy vọng kiếm được nhiều việc làm với anh em thủy thủ. Nhưng tôi đã tính toán sai.



Sau ba năm cố gắng thu xếp công việc không có kết quả, tôi nhận lời thuyền trưởng William Prichard, chỉ huy tàu Antelope đi về biển phương Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 1699, chúng tôi rời bến Bristol. Thoạt đầu, chuyến đi rất thuận buồm xuôi gió.

Tôi sẽ làm bạn đọc khó chịu nếu tôi kể tỉ mỉ với các bạn những cuộc phiêu lưu trên mặt biển phương Nam. Bạn đọc chỉ cần biết rằng, khi chúng tôi đang tiến về phía quần đảo Nam Dương, thì một cơn bão dữ dội cuốn thuyền chúng tôi về hướng tây bắc miền Van Diemen. Khi định được phương hướng, chúng tôi thấy mình đang ở vĩ tuyến nam 30 độ 2 phút. Mười hai người trong đoàn thủy thủ đã chết vì kiệt sức và thiếu ăn, những người còn sống trông rất thảm hại. Ngày 5 tháng mười một nghĩa là vào đầu mùa hè ở cái phần quả địa cầu này, qua màn sương mù dày đặc một thủy thủ bỗng thấy một mỏm đá cách tàu có một sai tay. Nhưng gió thổi mạnh quá, tàu đâm sầm vào tảng đá. Sáu anh em chúng tôi thả được chiếc sà-lúp xuống biển, cố sức bơi xa con tàu và mỏm đá. Chèo mãi, chèo mãi, chúng tôi đi được ba dặm². Nhưng kiệt sức vì những công việc chống chọi trên con tàu lúc trước nên chúng tôi không còn hơi để chèo nữa và chúng tôi mặc cho sóng cuốn đi. Khoảng nửa giờ sau, một cơn gió giật lật úp sà-lúp.

Số phận năm người bạn và những thủy thủ mắc ở mỏm đá, tôi không biết ra sao. Nhưng chắc họ chết cả rồi. Một mình tôi cứ thế bơi theo hướng gió thổi và thủy triều. Nhiều khi tôi đưa chân quờ quạng xem đã tới đất chưa, nhưng chẳng thấy gì. Đúng lúc tôi đã kiệt sức, định bỏ cuộc chiến đấu, thì chân tôi chạm tới đất, lúc này bão đã ngớt. Dốc thoải thoải kéo dài nên tôi phải lần đi gần một dặm mới tới bờ. Lúc ấy chắc đã tám giờ tối. Tôi tiếp tục đi gần nửa dặm nữa mà chẳng thấy dấu vết nhà cửa hay bóng người. Hoặc, vì mệt quá nên tôi chẳng trông thấy gì. Đã kiệt sức lại thêm nóng bức, và tôi đã uống nửa chai rượu mạnh lúc rời bỏ con tàu, nên lúc này tôi buồn ngủ quá. Tôi nằm lăn xuống bãi cỏ rất mịn, ngủ một giấc say như chết khoảng chín tiếng đồng hồ, vì lúc thức dậy, trời đã hừng sáng. Tôi cố ngồi dậy nhưng không sao động dậy được. Đúng thế, lúc ấy tôi nằm ngửa, tôi thấy hai tay hai chân tôi bị trói chặt xuống đất, cả cái mỏ tóc dài và rậm của tôi cũng bị buộc chặt xuống đất. Cả mình tôi, suốt từ nách đến đùi, đầy những dây rợ mỏng manh chẳng chít. Tôi chỉ có thể nằm ngửa nhìn trời mà thôi. Mặt trời đã lên cao làm tôi chói cả mắt. Tôi nghe thấy tiếng rì rầm, nhưng tôi nằm kiểu ấy nên chẳng thấy gì ngoài bầu trời. Một lát sau, tôi thấy một cái gì động dậy, bò bò trên chân trái tôi, nhẹ nhàng tiến lên đến ngực, rồi đến cằm. Tôi cố hết sức cúp mắt nhìn xuống thì thấy đó là một người bé tí xíu cao độ 6 inch³, tay cung, tay tên, lưng đeo một cái ống đựng tên. Cùng lúc ấy, tôi đoán phỏng chừng bốn mươi người khác, cũng cỡ ấy đang đi theo anh ta.



Kinh ngạc hết sức, tôi gào lên làm cả toán khiếp hãi bỏ chạy tán loạn. Sau này, người ta kể cho tôi biết số người tí hon ấy xô nhau nhẩy từ sườn tôi xuống đất đã bị thương. Nhưng rồi họ quay trở lại và một người liềm mình đến tận mặt tôi xem cho rõ, rồi mắt nhìn lên trời, hai tay giơ cao lên, ra vẻ thần phục lắm và kêu lên một tiếng tuy the thé nhưng rõ ràng: *Hekinah degul*. Những người khác nhắc lại nhiều lần những tiếng ấy, nhưng tôi chẳng hiểu gì hết. Trong khi ấy, tôi cứ nằm trong cái thế rất bất tiện, như bạn đọc có thể hình dung được. Sau cùng, tôi lấy hết sức bình sinh để tự giải phóng, may thay những dây trói và cọc buộc tay trái tôi đứt bung. Tôi giơ tay lên mặt và biết cách họ đã trói tôi như thế nào. Cùng lúc ấy, tôi lắc đầu mạnh một cái và thấy đau điếng. Những dây buộc tóc tôi về phía trái chùng lại một chút, thế là tôi có thể ngóc đầu được vài phân. Nhưng, những chú bé tí hon ấy lại ù té chạy, tôi chẳng bắt được chú nào. Rồi những tiếng hò vang dậy. Sau đó một người hô to: *tolgo phonac*. Bỗng tôi thấy hàng trăm mũi tên cắm phập vào bàn tay trái, như hàng trăm mũi kim. Họ còn bắn một loạt súng lên

không, như thể ta bắn đại bác vậy. Nhiều mũi tên bắn trúng người tôi (mặc dù tôi chẳng cảm thấy gì), bắn trúng mặt tôi, tôi vội vàng đưa bàn tay trái lên che mặt. Khi cơn mưa tên chấm dứt, tôi rên lên vì buồn bực và đau đớn. Tôi cố giằng cho đứt dây trói một lần nữa, tức thì lại một trận mưa tên vèo vèo, mau hơn đợt trước. Một số kẻ còn lấy giáo đâm vào sườn tôi. Cũng may tôi mặc cái áo da trâu, nên không sao cả. Tôi nghĩ không nên động dây nữa là khôn hơn cả và



định cứ nằm ì ra đó đến tận đêm tối, khi đó tôi sẽ dùng tay trái để cởi tất cả dây trói. Còn đối với dân cư xứ này, tôi tính một mình tôi có thể đương đầu với một đoàn quân lớn, miễn là người nào cũng bé nhỏ như những người tôi vừa trông thấy. Tôi có ý định như vậy, nhưng số phận lại quyết định cách khác. Thấy tôi nằm im, họ thôi không bắn nữa. Nghe tiếng ầm ầm, tôi biết là họ kéo đến ngày một đông hơn. Cách tôi chừng hai *fathom* về bên tay phải, tôi nghe thấy tiếng những người thợ đang đóng cái gì. Tôi cố hết sức ngoái đầu lại và nhìn thấy một cái bục cao có bốn người đứng và có hai hay ba cái thang.

Đứng trên bục, một người có vẻ quyền cao chức trọng đang đọc một bài diễn văn dài cho tôi nghe, nhưng tôi chẳng hiểu được đến một chữ. Nhưng trước tiên, cần biết rằng trước khi đọc bản hiệu triệu, nhân vật này đã kêu lên ba lần: *lang ro dehul san* (những tiếng này, cũng như những tiếng tôi đã kể bên trên, sẽ được nhắc lại và sẽ được giải thích ở bên dưới). Sau bài diễn văn, chừng năm chục người đến cắt những sợi dây buộc phía đầu bên trái tôi, thế là tôi tha hồ ngoảnh sang bên phải để quan sát dáng điệu của người vừa đọc diễn văn. Có lẽ anh ta trạc tuổi trung niên và trông có vẻ bệ vệ hơn ba anh kia. Một anh là người hầu, bởi vì tôi thấy anh này nâng vạt áo sau của anh



trước và chỉ nhỉnh hơn ngón tay giữa của tôi một chút. Hai người khác thì kẻ đứng bên phải, người đứng bên trái để giúp anh ta. Quả anh ta là một nhà hùng biện có tài, tôi có thể nhận thấy nhiều đoạn đe dọa và nhiều đoạn hứa hẹn, rộng lượng và khoan dung. Tôi đáp lại vài ba lời bằng một giọng quy phục, tay trái giơ lên và mắt ngược nhìn mặt trời như thể muốn là trời làm chứng giám. Tôi đói gần chết, bởi vì trước khi dời con tàu, từ lâu tôi không được ăn uống gì. Thôi thì mặc những phép tắc của lối xã giao tối thiểu, bởi vì dạ dày tôi lúc đó đang gào thét, tôi nóng lòng nóng ruột đưa ngay mấy ngón tay vào mồm, ra ý đòi ăn. Viên quan *hurgo* (tiếng gọi viên quan đại thần, theo như tôi hiểu từ ấy) hiểu ngay. Ông ta xuống đất và ra lệnh cho bắc

hiều thang bên sườn tôi. Trên một trăm người leo lên thang, tiến về phía miêng tôi, họ vác những thúng thịt đầy ăm ắp. Những thức ăn đó đã được chuẩn bị và cung cấp theo lệnh của nhà vua, ngay từ khi vua được tin tôi đến xứ sở của ngài. Tôi nhận ra các loại thịt của một thú vật, nhưng không phân biệt được đích xác thịt gì. Có thịt vai, có chân giò, lườn, thái từng miếng như thịt cừu, làm rất khéo nhưng nhỏ hơn cánh chim cất. Tôi nhai hai ba miếng một lần và chén một miếng ba khoanh bánh to bằng viên đạn súng hỏa mai. Những người tí hon ra sức xúc rất nhanh cho tôi, ai nấy đều tỏ vẻ hết sức thán phục và ngạc nhiên trước cái thân hình khổng lồ và sức ăn ghê gớm của tôi. Sau đó tôi ra hiệu muốn uống nước. Thấy tôi ăn nhiều như thế, những người tí hon đoán chắc tôi uống không ít. Rất khéo léo và tài tình, họ đưa được lên bàn tay tôi cái thùng ton-nô to nhất rồi tháo nắp ra. Tôi uống một hơi cạn thùng, cái đó chẳng có gì lạ, bởi vì nó chỉ bằng một chén nước, vị gần giống như rượu vang Burgundy hảo hạng và ra hiệu còn muốn uống nữa, nhưng không còn thùng nào. Sau khi thấy tôi lập những chiến công lòng lầy như vậy, họ hò reo vui vẻ và vừa nhảy múa trên ngực tôi vừa nhắc lại nhiều lần mấy tiếng lúc trước: *hekinah degul*. Họ ra hiệu cho tôi ném hai cái thùng xuống. Họ hét lên mấy tiếng: *borach mevolah* để bảo mọi người tránh ra xa. Khi thấy mấy cái thùng tung lên trời, họ đồng thanh reo lên: *hekinah degul*. Thú thật là khi họ đi đi lại lại trên người tôi, lần lúc tôi muốn túm lấy bốn, năm chuc chú, vút xuống đất. Nhưng nhớ lại sự đau đớn, và chắc đó chưa phải là những đòn đau nhất họ có thể dành cho tôi, và nhớ lại lời hứa danh dự khi tôi có vẻ quy phục, tôi vội vàng bỏ cái ý định điên rồ ấy đi. Thêm nữa, bây giờ tôi tự coi như đã bị ràng buộc vào những quy tắc của một người khách đối với một dân tộc đã đón tiếp tôi một cách khoan dung và trang trọng như vậy. Và, càng suy nghĩ, tôi càng khâm phục lòng can đảm của những chú bé tí hon đã có gan trèo lên mình tôi, đi đi lại lại trong khi một tay tôi không bị trói, và họ không hề run sợ khi trông thấy một sinh vật kỳ dị như tôi. Một lát sau, thấy tôi không đòi ăn nữa, một viên quan đại thần, nhân danh đức vua, ra trước mắt tôi. Ông ta trèo lên chân phải tôi, cùng mười hai người tùy tùng tiến lên mặt tôi.

Ông quan đại thần mở ra một giấy ủy nhiệm có áp triện rồng rồi đặt trước mặt tôi, ông ta nói một hồi đến mười phút, giọng không có gì giận dữ nhưng rất kiên quyết, nhiều lần giơ tay về một phía - sau này tôi mới hiểu là phía thủ đô, cách khoảng nửa dặm, nơi hoàng thượng cùng Hội đồng đã quyết nghị dời tôi về đấy. Tôi đáp lại vài ba tiếng, nhưng mất công toi. Tôi liền lấy tay trái làm hiệu tôi muốn được hoàn toàn tự do, bằng cách áp tay trái vào cánh tay phải - cố tránh giơ tay qua đầu viên quan, sợ đụng phải ông ta và đoàn tùy tùng. Hình như ông ta hiểu cả, bởi vì ông ta lắc đầu và lấy tay làm hiệu cho tôi biết rằng tôi sẽ bị khiêng đi như một người tù. Song, ông ta lại ra hiệu cho tôi biết, tôi sẽ được ăn uống đầy đủ và sẽ được đối đãi tốt. Thấy vậy, một lần nữa, tôi muốn dứt những dây trói. Nhưng nghĩ đến những mũi tên cắm tua tủa trên mặt và tay, nay nhiều nốt đã sưng vù và còn nhiều mũi tên vẫn cắm chặt vào thịt, tôi đành quyết định phải quy phục không điều kiện. Thế là viên *Hurgo* và đoàn tùy tùng rút lui với những lễ nghi rất lịch sự. Một lát, tôi nghe thấy tiếng hò reo, mấy tiếng: *peplom selan* luôn luôn được nhắc lại. Tôi cảm thấy một đoàn người rất đông đang nói bót dây trói cho tôi ở phía sườn bên trái. Thế là tôi có thể quay mình sang bên phải, cứ thế đá một bãi to tướng, nhẹ hẫng người. Những người xung quanh hết sức ngạc nhiên, họ thấy tôi cử động và đoán được tôi sẽ làm gì, nên tức khắc giạt ra hai bên để tránh con suối cứ tồ tồ và dữ dội phun ra từ người tôi. Trước đó, họ xoa lên mặt và tay tôi một thứ dầu thơm mát, làm cho chỉ vài phút sau những vết thương dịu hẳn đi. Đã dễ chịu như thế, lại thêm một bữa ăn uống no nê, nhiều chất bổ, nên tôi buồn ngủ díp mắt lại. Tôi đánh một giấc tám tiếng đồng hồ liền - sau này người ta bảo tôi như vậy. Cái đó chẳng có gì lạ, bởi vì, theo lệnh của nhà vua, thầy thuốc đã pha



Ông quan đại thần mở ra một giấy ủy nhiệm có áp triện rồng rồi đặt trước mặt tôi, ông ta nói một hồi đến mười phút, giọng không có gì giận dữ nhưng rất kiên quyết, nhiều lần giơ tay về một phía - sau này tôi mới hiểu là phía thủ đô, cách khoảng nửa dặm, nơi hoàng thượng cùng Hội đồng đã quyết nghị dời tôi về đấy. Tôi đáp lại vài ba tiếng, nhưng mất công toi. Tôi liền lấy tay trái làm hiệu tôi muốn được hoàn toàn tự do, bằng cách áp tay trái vào cánh tay phải - cố tránh giơ tay qua đầu viên quan, sợ đụng phải ông ta và đoàn tùy tùng. Hình như ông ta hiểu cả, bởi vì ông ta lắc đầu và lấy tay làm hiệu cho tôi biết rằng tôi sẽ bị khiêng đi như một người tù. Song, ông ta lại ra hiệu cho tôi biết, tôi sẽ được ăn uống đầy đủ và sẽ được đối đãi tốt. Thấy vậy, một lần nữa, tôi muốn dứt những dây trói. Nhưng nghĩ đến những mũi tên cắm tua tủa trên mặt và tay, nay nhiều nốt đã sưng vù và còn nhiều mũi tên vẫn cắm chặt vào thịt, tôi đành quyết định phải quy phục không điều kiện. Thế là viên *Hurgo* và đoàn tùy tùng rút lui với những lễ nghi rất lịch sự. Một lát, tôi nghe thấy tiếng hò reo, mấy tiếng: *peplom selan* luôn luôn được nhắc lại. Tôi cảm thấy một đoàn người rất đông đang nói bót dây trói cho tôi ở phía sườn bên trái. Thế là tôi có thể quay mình sang bên phải, cứ thế đá một bãi to tướng, nhẹ hẫng người. Những người xung quanh hết sức ngạc nhiên, họ thấy tôi cử động và đoán được tôi sẽ làm gì, nên tức khắc giạt ra hai bên để tránh con suối cứ tồ tồ và dữ dội phun ra từ người tôi. Trước đó, họ xoa lên mặt và tay tôi một thứ dầu thơm mát, làm cho chỉ vài phút sau những vết thương dịu hẳn đi. Đã dễ chịu như thế, lại thêm một bữa ăn uống no nê, nhiều chất bổ, nên tôi buồn ngủ díp mắt lại. Tôi đánh một giấc tám tiếng đồng hồ liền - sau này người ta bảo tôi như vậy. Cái đó chẳng có gì lạ, bởi vì, theo lệnh của nhà vua, thầy thuốc đã pha

thuốc ngủ vào hai thùng rượu.

Hình như vừa thấy tôi nằm ngủ trên bờ biển, người ta báo tin ngay cho đức vua. Hội đồng họp và quyết nghị tôi sẽ bị trói như đã kể bên trên (tôi bị trói lúc ban đêm, khi tôi ngủ li bì), thức ăn và đồ uống được đưa đến cho tôi và người ta chuẩn bị một cái xe để chở tôi về thủ đô.

Theo tôi, quyết định cuối cùng này táo bạo và nguy hiểm. Và tôi tin rằng, trong những trường hợp tương tự, không một ông vua nào ở châu Âu dám làm như thế cả. Song, theo tôi nghĩ, đó là một hành động khôn ngoan và độ lượng. Bởi vì, giả dụ những người tí hon này định giết tôi bằng cung tên và giáo mác trong lúc tôi ngủ, tôi có thể bị đau mà thức dậy, lúc ấy, tôi sẽ phát cáu lên, và sức khỏe có thể tăng gấp bội, đủ để dứt tung dây trói. Thế là, họ đâu có đủ sức chống lại tôi, họ có thể bị giết sạch.

Những người tí hon là những nhà toán học tuyệt vời và có một kỹ thuật hoàn hảo, bởi vì đức vua của họ vốn nổi tiếng là ưu đãi các nhà khoa học, thường khuyến khích nghiên cứu các công trình kỹ thuật. Vua có nhiều máy đặt trên bánh xe để chuyên chở gỗ và các đồ vật nặng khác. Nhiều khi, vua cho đóng tàu chiến lớn ở ngay trong rừng (có những chiếc tàu dài tới chín mươi *foot*⁵) và cho vận chuyển đến tận biển, cách đó có khi tới một trăm rưỡi hay hai trăm *fathom*.

Năm trăm thợ mộc và kỹ sư tức khắc được huy động để làm ngay một cái máy đồ sộ nhất. Đó là một cái khung bằng gỗ, cao hơn mặt đất ba *inch* dài chừng bảy *foot*, rộng bốn *foot*, đặt trên hai mươi hai bánh xe. Những tiếng hò reo tôi nghe thấy lúc này là do người ta thấy cái máy ấy được chuyển tới. Cái máy được hoàn thành không quá bốn tiếng đồng hồ. Người ta đặt nó song song với chiều tôi nằm. Điều khó nhất là nhắc được tôi và đặt lên xe. Hai mươi hai cái cọc cao một *foot* đã được nối bằng những cái móc, móc vào những dây bằng da quấn quanh cổ, tay, chân và mình tôi. Chín trăm người được lựa chọn cẩn thận, có trách nhiệm kéo những dây thùng buộc vào cột có bánh xe. Thế là chưa đến ba tiếng đồng hồ, người ta nhắc được tôi lên và đặt trên xe, rồi trói chặt tôi lại. Tất cả những câu chuyện này, về sau tôi được nghe kể lại, bởi vì lúc ấy tôi ngủ li bì. Một nghìn rưỡi con ngựa khỏe nhất của vua - mỗi con cao chừng bốn *inch* rưỡi - kéo tôi về thủ đô, ở cách đấy một nửa dặm, như tôi đã nói.

Chúng tôi lên đường được chừng bốn giờ thì bất thần một việc làm ngu ngốc đánh thức tôi dậy. Lúc ấy, chiếc xe dừng lại một lát để sửa một bộ phận bị trục trặc, ba hay bốn cậu thanh niên tò mò muốn xem tôi lúc ngủ. Các cậu leo lên xe, rón rén tiến đến mặt tôi. Một cậu - một sĩ quan cận vệ - lấy ngọn giáo thọc khá sâu vào lỗ mũi bên trái của tôi. Tôi thấy buồn buồn như có cọng rơm cù lỗ mũi, liền hắt hơi một cái. Thế là các cậu nhanh nhẹn lùi mất. Ba tuần lễ sau tôi mới biết tôi bị đánh thức dậy như thế nào. Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi đi như vậy. Đêm đến, năm trăm người canh gác tôi, cả bên phải và bên trái, kẻ cầm đuốc, người cầm tên và nỏ, tư thế sẵn sàng nhả tên nếu tôi động dậy. Khi mặt trời mọc, chúng tôi lại đi, đến giữa trưa, thì còn cách cổng thành chừng một trăm *fathom*. Hoàng thượng và cả triều đình ra đón chúng tôi nhưng các vị tướng cao cấp nhất định không để cho hoàng thượng leo lên mình tôi, sợ nguy hiểm đến tính mệnh.

Nơi cỗ xe đỗ có một ngôi đền cổ, là nơi rộng nhất vương quốc. Cách đây mấy năm, ở nơi này xảy ra một vụ giết người gớm ghiếc, nên theo tôn giáo của xứ sở nơi đó bị coi là một nơi uế tạp. Bởi vậy, nó chỉ còn dùng vào việc bình thường, mọi vật trang hoàng, bàn ghế đều bị mang đi hết. Đấy, tôi phải ở nơi như thế. Cái cổng lớn quay về phương bắc, cao bốn *foot*, rộng gần hai *foot* tôi có thể bò toài vào một cách dễ dàng. Hai bên cổng có cửa sổ cao hơn mặt đất gần sáu *inch*. Những thợ rèn của nhà vua đã luồn qua cửa sổ bên trái chín mươi một cái xích to bằng dây đeo đồng hồ của phụ nữ châu Âu, người ta quấn dây xích vào cổ chân tôi rồi khóa lại bằng ba mươi sáu cái khóa. Bên kia đường cái, trước mặt ngôi đền, cách xa chừng hai mươi *foot*, có một cái tháp cao ít nhất là năm *foot*. Vua thường leo lên đấy cùng với các quan đại thần để nhìn tôi - sau này người ta kể lại cho tôi biết, bởi vì tôi không thể trông thấy họ. Người ta ước tính có đến trên mười vạn dân thủ đô ra ngoại thành để xem tôi. Và mặc dù lính gác ngăn cản, tôi tính có đến một vạn người dùng thang leo lên mình tôi. Về sau, một sắc lệnh cấm mọi người làm như vậy, ai vi phạm sẽ bị xử tử. Khi những người thợ chắc chắn rằng tôi không thể dứt xiềng xích ra được, người ta mới cởi mọi dây trói. Thế là tôi ngồi dậy, lòng buồn tẻ tui. Thấy tôi

ngồi dậy, mọi người tỏ vẻ sửng sốt và ngạc nhiên không sao tả được. Xích quần chân trái tôi dài khoảng sáu *foot*, khiến tôi không những đi lại được một nửa vòng tròn, mà còn có thể bò toài được vào ngôi đền và nằm dài trong đó.



CHƯƠNG 2

Vua nước Lilliput và đoàn tùy tùng quý tộc đến thăm tác giả lúc bị giam cầm - Miêu tả đức vua, con người và y phục - Những nhà bác học được chỉ định để dạy tiếng Lilliput cho tác giả - Vì tính tình hiền hậu, tác giả được ưu đãi người ta khám xét túi áo, kiếm và súng lục bị tịch thu.

Đứng dậy, tôi nhìn chung quanh, phải công nhận rằng tôi chưa hề thấy cảnh tượng nào xinh xắn nhường ấy. Vùng chung quanh giống như một khu vườn, đồng ruộng mỗi bề bốn mươi *foot*, có rào bao vây, trông như những luống hoa. Xen vào đồng ruộng là những khu rừng thưa rộng chừng nửa cây sào, cây to nhất hình như cao không quá bảy *foot*. Bên trái là thành phố, giống như một bức tranh trang trí ở rạp hát.

Đã hàng mấy giờ, tôi ra sức chống chọi với nhu cầu của tự nhiên. Chẳng có gì lạ, bởi vì đã gần hai ngày trời, tôi chưa được giải phóng cái bụng. Nửa vì cần thiết, nửa vì xấu hổ, tôi không biết làm thế nào. Tốt hơn hết là bỏ toái vào trong nhà và ở lì trong ấy. Tôi bò cho đến hết dây xích và phóng cái chất ô uest ở trong bụng ra ngoài. Đây là lần duy nhất trong đời. tôi làm một việc bẩn thỉu như vậy. Nhưng rồi chẳng thể không nghĩ rằng, bạn đọc yêu mến sẽ tha thứ cho tôi, sau khi suy nghĩ nghiêm chỉnh và vô tư về hoàn cảnh của tôi và cái bi đát trong trường hợp này. Từ hôm ấy, tôi tập thói quen làm cái nhu cầu tự nhiên ấy vào lúc mới dậy, ở giữa trời, sau khi đi hết sợi xích. Mỗi sáng người ta xức cái của quý ấy vào mấy cái xe đóng kín. Hai người tí hon được chỉ định làm việc này. Tôi sẽ không miêu tả dài dòng việc này, thoát đầu có vẻ chẳng quan trọng vì: nếu tôi không coi là cần thiết phải làm cho mọi người có một ý niệm chính xác về đức tính sạch sẽ của tôi. Bởi vậy, người ta kể rằng có những kẻ muốn ám hại tôi, thích thú làm cho mọi người nghi ngờ cái đức tính này của tôi.

Việc xong xuôi, tôi ra khỏi nhà hít thở không khí mát mẻ. Vua đã từ trên tháp bước xuống, ngài cưỡi ngựa, tiến về phía tôi. Ngài suýt phải trả một giá đắt. Mặc dù con ngựa rất tinh khôn, nhưng nó chưa hề trông thấy con quái vật như tôi. Trước cái núi biết động đây, nó lồng lên. Đức vua, mặc dù cưỡi ngựa tài giỏi, chỉ có thể ngồi trên yên cho đến khi đoàn người hầu chạy đến ghì ngựa lại. Khi ngài đã xuống ngựa, ngài ngắm nhìn tôi, vẻ rất khâm phục, nhưng vẫn đứng ngoài tầm với của tôi. Ngài ra lệnh cho những tay đầu bếp và những người hầu mang cỗ bàn, rượu thịt ra cho tôi. Tức khắc, mấy xe được- chở đến. Tôi nhanh nhẩu mang mọi thứ xuống. Khoảng hai chục xe chất đầy thịt và một chục xe chở nước uống. Mỗi xe thịt tôi ăn hai, ba miếng là hết, tôi đổ mười cái chum sứ chứa trong một xe vào miệng và tu một hơi. Những xe khác, tôi cũng làm như vậy. Hoàng hậu và các hoàng tử, công chúa, cùng đoàn nữ tì, dừng lại khá xa trên kiệu.



Khi xảy ra cái việc không hay cho con ngựa của vua, họ mới bước cả xuống đất và đến bên vua mà tôi xin miêu tả bây giờ. Vua cao hơn tất cả triều thần một cái móng tay của tôi, như thế cũng đủ làm cho mọi người phải khiếp sợ. Nét mặt cương nghị và cường tráng, cái miệng kiểu dân nước Áo, mũi khoằm, nước da ngăm ngăm, dáng đứng thẳng, thân mình, tay chân cân đối, cử chỉ duyên dáng và tư thế oai nghiêm. Ngài hai mươi tám tuổi, đã qua tuổi hoa niên và đã trị vì bảy năm đầy hạnh phúc, bởi vì ngài chỉ có chiến thắng. Để nhìn ngài được rõ hơn, tôi nằm nghiêng, mặt tôi ngang với mặt ngài. Ngài đứng cách tôi chỉ một *fathom* rưỡi. Song, từ ngày ấy, đã biết bao lần tôi cầm ngài trong tay, nên tôi miêu tả ngài chẳng thể sai lầm được. Y phục của

ngài rất giản dị, cắt kiểu nửa châu Âu, nửa châu Á. Ngài đội một cái mũ bằng vàng nam ngọc, cầm một cái lông chim. Ngài cầm trong tay một thanh kiếm, sẵn sàng tự vệ nếu tôi bẻ gãy xích. Kiếm dài tài ba *inch*, đốc kiếm và bao kiếm bằng vàng nam kim cương. Giọng nói thanh, rất trong và rõ ràng, ngay khi tôi đứng tôi cũng nghe rõ từng tiếng một. Các công chúa cùng các cung tần mỹ nữ và triều thần ăn mặc lộng lẫy, nên nơi họ đứng làm ta hình dung như một cái váy thêu hoa vàng và bạc, trải xuống đất. Đức vua luôn miệng nói chuyện với tôi và tôi đáp lại, nhưng chúng tôi không hiểu nhau đến một tiếng. Một số nhà tu hành và luật gia (tôi đoán vậy, theo y phục của họ) dự vào câu chuyện của chúng tôi. Họ được lệnh nói chuyện với tôi, tôi đáp lại bằng tất cả mọi thứ tiếng mà tôi biết loáng thoáng, tiếng Đức bình dân, tiếng Đức bác học, tiếng Latin, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, tiếng pha tạp *Franca* nhưng đều vô hiệu. Khoảng hai giờ sau, các vị rút lui. Tôi được một đội cận vệ canh giữ không cho đám người đông đảo hỗn xược và độc ác cứ định đổ ào vào tôi. Có kẻ táo bạo nhằm bắn tôi mấy mũi tên lúc tôi ngồi ở bậc cửa, có mũi suýt trúng mắt trái. Viên sĩ quan chỉ huy tức khắc cho bắt sáu kẻ cầm đầu, và nghĩ rằng cách trừng phạt tốt nhất là trói họ lại, nộp cho tôi. Những người lính lấy ngọn giáo đẩy họ vào đến tầm với của tôi. Tôi túm lấy cả bọn, nhét năm chú vào túi áo. Còn chú thứ sáu, tôi làm ra vẻ muốn nhai sống. Chú ta thét lên khủng khiếp. Viên sĩ quan chỉ huy và các sĩ quan khác rất lo lắng nhất là khi thấy tôi rút con dao ở túi ra. Nhưng họ hết sợ hãi ngay khi thấy tôi nhẹ nhàng cắt dây trói và khẽ đặt chú ta xuống đất. Chú ta chạy bán sống bán chết. Tôi móc ở túi ra từng chú một và làm y hệt như vậy. Tôi nhận thấy vẻ xúc động mạnh mẽ trên nét mặt những người lính và dân chúng trước lòng rộng lượng của tôi. Câu chuyện này đến tai vua cùng triều đình, và có lợi cho cuộc đời tôi sau này.

Tối đến, tôi buồn bã trườn vào căn nhà và nằm dài trên đất. Cứ như vậy độ mười lăm ngày. Trong khi đó, vua hạ lệnh đóng cho tôi một cái giường. Sáu trăm cái nệm giường bình thường được mang đến và chất trong nhà. Một trăm năm mươi cái khâu liền với nhau đủ làm nệm cho tôi. Người ta chất bốn tầng nệm như thế, gọi là tạm đủ để tôi khỏi phải nằm trên nền đá cứng. Họ còn tính toán, làm cho tôi khăn trải giường, chăn đắp, chăn phủ chân, khá dễ chịu cho những kẻ như tôi, từ lâu nay vẫn phải gối đất nằm sương.

Cái tin tôi đến xứ sở này đã lan tràn vương quốc. Những người giàu có, nhàn rỗi hay tò mò đến xem tôi đông vô kể. Làng mạc khắp xứ vắng tanh vắng ngắt. Nếu đức vua không ngăn chặn trước bằng những pháp lệnh cần thiết thì việc đồng áng và cuộc sống hằng ngày sẽ bị thất thiệt nhiều. Những ai đã được thấy tôi phải trở về nhà ngay và không được đến gần tôi quá hai mươi lăm *fathom* nếu không có giấy phép đặc biệt. Vì vậy, các vị tổng trưởng tha hồ kiểm soát.

Trong khi đó, vua mở nhiều hội nghị thảo luận cách đối xử với tôi. Sau này, tôi được một người bạn chí thiết - một viên quan quý tộc biết mọi bí mật - cho biết triều đình rất lúng túng. Một mặt, họ sợ tôi có thể bẻ gãy xiềng xích, mặt khác, họ sợ việc nuôi tôi tốn kém quá, có thể gây nên nạn đói trong nước. Có lúc họ thiên về ý định để mặc cho tôi chết đói, hoặc ít nhất cũng bắn nhưng mũi tên tẩm thuốc độc vào mặt, vào tay tôi cho tôi chết.



Nhưng như vậy cái xác khổng lồ của tôi thối rữa, có thể gây nên nạn dịch trong thành phố, rồi lan ra toàn quốc. Giữa lúc bàn cãi ấy, mấy viên sĩ quan đến trình diện ở cái cửa lớn của phòng hội nghị, hai người được đưa vào phòng, kể lại đầu đuôi sự việc đã xảy ra với sáu kẻ đại đột như tôi trình bày bên trên. Báo cáo này làm đức vua và tất cả hội nghị xúc động, vì vậy vua ban lệnh ngay tức khắc: những người ở năm trăm *fathom* chung quanh thành phố có nhiệm vụ cung cấp mỗi sáng sáu con bò, bốn mươi con cừu và các thứ thịt khác, với một tỷ lệ tương ứng bánh mì, rượu vang và đồ uống khác. Vua sẽ phát phiếu ngân khố để trả tiền số lương thực, thực phẩm ấy. Vua sống về lợi tức đất đai riêng của mình, chỉ khi có những sự việc lớn mới thu thuế của thần dân. Người dân phải đóng góp và phụng sự nhà vua những khi có chiến tranh. Riêng tôi được sáu trăm người hầu hạ, những người này được hưởng lương bổng. Hai bên cửa nhà tôi, người ta căng những lều vải cho họ ở, rất thuận tiện. Ba trăm thợ may được lệnh may cho tôi một bộ quần áo kiểu xứ sở, và sáu nhà bác học uyên thâm bậc nhất sẽ dạy tôi học tiếng Lilliput. Sau cùng, ngựa của vua và của cả hoàng tộc thường được dắt đến gần tôi để chúng trông cho quen mắt. Tất cả các lệnh được nghiêm chỉnh chấp hành. Chỉ ba tuần lễ, tôi đã tiến bộ nhiều trong việc học tiếng địa phương. Thời gian đó, đức vua hạ cố đến thăm tôi luôn và ngài rất vui thích giúp đỡ các giáo sư của tôi. Chúng tôi bắt đầu trao đổi với nhau được vài ba câu chuyện. Những tiếng tôi học đầu tiên là để: "Xin hoàng thượng cho tôi được tự do". Hằng ngày, tôi quỳ xuống nhắc lại lời van xin ấy. Vua đáp lại rằng - tôi cố gắng hết sức để hiểu được như vậy - "Đó là vấn đề thời gian, và không thể giải quyết nếu không có ý kiến của Hội đồng và trước hết tôi phải *"lumos Kelmin pesso desmar lon Emposo"*, tức là phải tuyên thệ gìn giữ hòa bình với vua và xứ sở của Ngài. Trong khi chờ đợi, tôi được đối xử rất tốt. Ngài khuyên tôi nên lấy lòng kiên trì và đức hạnh mà chinh phục lòng yêu mến của Ngài và của dân chúng. Ngài tỏ ý muốn tôi chớ phật lòng khi có lệnh cho những viên chức có thẩm quyền khám xét tôi. Bởi vì, chắc chắn là tôi có mang khí giới, mà khí giới nếu tương ứng với thân hình tôi, thì thật đáng sợ vô cùng. Tôi lắp bắp mấy tiếng và ra hiệu rằng, để làm đẹp lòng ngài, tôi sẵn sàng tự tước hết vũ khí và lộn mọi túi trước mặt ngài. Vua trả lời rằng, theo pháp luật của xứ sở, hai viên chức sẽ khám xét tôi, mà cần phải được sự đồng ý và sự giúp đỡ của tôi. Ngài đánh giá khá cao lòng rộng lượng và ý thức tự giác của tôi, nên mới dám trao họ cho tôi. Ngài nói thêm: tất cả mọi thứ bị tịch thu sẽ được trả lại cho tôi khi tôi từ biệt xứ sở ra đi, hoặc được bồi thường bằng số tiền do tôi quyết định. Thế là tôi cầm lấy hai vị viên chức nhét vào túi áo ngoài, rồi vào tất cả các túi khác, trừ hai cái và một cái túi bí mật mà tôi không muốn bị lục lọi, bởi vì những túi này đựng một vài thứ cần thiết cho tôi. Một túi đựng đồng hồ, một túi đựng tiền và ít vàng. Các viên chức lấy bút mực làm một bản kiểm kê tất cả những gì họ thấy. Viết xong, họ tỏ ý muốn được đặt xuống đất để trình bản kiểm kê với đức vua. Tôi đã dịch nguyên văn bản này, từng chữ một:

"Trong túi phải áo ngoài của Người-Núi khổng lồ, sau khi quan sát kỹ lưỡng, chúng tôi chỉ tìm thấy một tấm vải thô, rất to, đủ dùng làm thảm trải phòng lớn trong cung điện. Trong túi trái, chúng tôi tìm thấy một cái hòm bằng bạc, có nắp cũng bằng bạc. Chúng tôi không đủ sức mở, phải nhờ Người-Núi giúp đỡ. Một trong chúng tôi chui vào trong hòm, thấy đầy một thứ bụi, thụt đến nửa bắp chân. Một ít bụi bay lên, làm cả hai chúng tôi hắt hơi mãi. Trong túi phải áo gi-lê, chúng tôi tìm thấy một cái hộp kỳ diệu có những chất trắng và mịn, xếp cái nọ lên cái kia, bằng ba người một, đóng liền với nhau bằng một dây cáp, có những dấu đen, chúng tôi nghĩ rằng đó là chữ viết, mỗi chữ to bằng lòng bàn tay. Trong túi trái, có một đồ vật bèn bẹt: đâm ra tua tua hai mươi cái cọc to bằng cọc hàng rào trước sân cung điện. Chúng tôi hình dung Người-Núi chải đầu bằng đồ vật ấy. Chúng tôi không muốn hỏi Người-Núi nhiều quá, sợ làm phiền ông ta. Trong túi to bên phải quần đùi, chúng tôi thấy có một cái cột rồng bằng sắt, cao bằng một người, gắn vào một miếng gỗ chắc chắn to hơn cái cột. Một phía bên của cái cột có những miếng sắt hình thù kỳ dị, to và nổi. Bên túi trái cũng có cái đồ vật như thế. Trong cái túi áo bé nhất bên phải, có nhiều đồng tròn tròn bằng kim khí trắng hoặc đỏ, to nhỏ khác nhau: những đồng trắng hình như bằng bạc, to và nặng quá, hai chúng tôi khó nhọc lắm mới nhắc lên nổi. Trong túi trái, chúng tôi thấy hai cái cột đen hình không đều, khó khăn lắm mới leo được tới đầu, bởi vì chúng tôi ở đáy túi. Một cái cột hở đầu nhưng ở đầu cái cột kia có một vật gì tròn và trắng, to gấp đôi đầu chúng tôi. Ở bên trong cột có một miếng thép. Chúng tôi ra lệnh cho Người-Núi mang ra cho chúng tôi xem, bởi vì chúng tôi nghĩ rằng những đồ vật ấy có thể nguy hiểm. Ông ta rút ra và giải thích cho chúng tôi biết ở nước ông ta, ông ta hay cạo râu bằng một cái và thái thịt bằng cái kia. Có hai túi chúng tôi

không sao vào được, gọi là túi lưng quần. Đó là hai cái khe ở phía trên quần đùi, bị sức ép của bụng khép chặt. Một cái xích to tướng bằng bạc thò ra khỏi cái túi phải, đầu buộc một cái máy kỳ diệu. Chúng tôi ra lệnh cho ông ta phải kéo cái xích ra, mặc dù xích giữ bất cứ cái gì. Đó là một cái máy hình tròn, nửa bằng bạc, nửa bằng kim khí trong suốt. Về phía kim khí trong suốt, chúng tôi thấy những hình kẻ vòng tròn. Chúng tôi tưởng mở được những hình ấy nhưng cái chất trong suốt ngăn bàn tay chúng tôi lại, ông ta áp cái máy ấy vào tai chúng tôi. Nó phát ra một tiếng kêu đều đều như tiếng cối xay lúa. Chúng tôi nghĩ rằng đó là một con vật chưa được biết tới, hoặc là một vị thần mà ông ta thờ cúng. Nhưng chúng tôi thiên về ý nghĩ thứ hai, bởi vì ông ta bảo chúng tôi (ông ta diễn đạt rất tồi, không biết chúng tôi có hiểu hết không) thường thường trước khi làm việc gì ông ta đều hỏi ý kiến nó. Ông ta gọi là cái cảm nang và bảo nó chỉ thời gian của mỗi hành động trong cuộc đời. Ông ta rút ở túi trái ra một tấm lưới to gần bằng cái lưới đánh cá, nhưng lại mở ra, đóng vào được như cái ví, đúng là ông ta dùng nó làm ví đựng tiền. Chúng tôi tìm thấy ở trong ví nhiều đồng tiền to tướng bằng kim khí màu vàng, nếu quả là bằng vàng thật thì hẳn là có giá trị rất lớn.

Sau khi lục soát tỉ mỉ các túi, theo đúng mệnh lệnh của hoàng thượng, chúng tôi nhận thấy cái thắt lưng quần quanh mình ông ta, làm bằng một loại da thú kỳ dị. Ở đây lưng bên trái đeo lưng lẳng một thanh kiếm dài bằng năm người và ở bên phải có một cái túi hai ngăn, mỗi ngăn có thể chứa ba thần dân của hoàng thượng. Một ngăn đựng những hòn tròn hoặc những quả hình cầu bằng một thứ kim khí rất nặng to bằng đầu người, phải chắc tay lắm mới nhấc lên nổi. Ngăn kia thì đầy những viên màu đen nhỏ và nhẹ, chúng tôi có thể cầm năm mươi viên trong lòng bàn tay.

Đây là bản kiểm kê chính xác tất cả những gì chúng tôi đã thấy trên Người-Núi. Ông ta tỏ vẻ rất lịch sự và tôn trọng đoàn làm nhiệm vụ của hoàng thượng giao cho.

Ký tên và đóng triện.

Ngày thứ tư, tuần trăng thứ tám mươi chín thời thịnh trị của hoàng thượng.

Ký tên: Clê-pho-ranh Phơ-ranh

Phơ-ri-lốc Mác-xi Phơ-ri-lốc"

Khi vua xem bản kiểm kê này, ngài thân ái ra lệnh cho tôi đưa cho ngài tất cả các đồ vật kiểm kê. Trước tiên, ngài hỏi đến thanh kiếm, tôi tháo kiếm ra. Trong khi đó, ngài ra lệnh cho ba nghìn quân lính thiện chiến nhất dàn thế trận cách đó không xa, cung tên sẵn sàng bắn vào tôi. Nhưng tôi không biết, bởi vì lúc đó mắt tôi đăm đăm nhìn vua. Ngài bảo tôi rút kiếm khỏi bao. Mặc dù nước biển đã làm cho kiếm han gỉ đôi ba chỗ, nó vẫn sáng loáng. Toàn đội quân hét lên những tiếng khùng khiếp và kinh ngạc, ánh nắng phản chiếu trên lưỡi kiếm làm mọi người lóa mắt.

Tôi đưa lưỡi kiếm sang phải rồi sang trái. Vua là một người hết sức dũng cảm, không khiếp sợ như người khác, làm tôi phải ngạc nhiên. Ngài ra lệnh cho tôi tra kiếm vào bao và nhẹ nhàng



vút xuống đất, cách xiềng buộc tôi chừng sáu *foot*. Sau đó, ngài hỏi đến cái cột ống bằng sắt, tức là cái súng lục. Tôi rút súng ở túi ra và, theo yêu cầu của ngài, tôi thử cho ngài xem cách sử dụng. Tôi nhồi ít thuốc súng. Thuốc không bị ướt bởi vì túi của tôi rất kín - điều mà mọi thủy thủ có đôi chút khôn ngoan đều phòng xa khi đi biển. Tôi báo trước cho nhà vua đừng sợ và tôi bắn chỉ thiên. Lần này, mọi người chết khiếp. Hàng mấy trăm người ngã xuống như bị quật chết, và ngay đức vua, tuy vẫn đứng vững, nhưng bàng hoàng cả người. Tôi đưa cho ngài cả hai khẩu súng với thuốc súng và những viên đạn như đã đưa nộp thanh kiếm. Tôi xin ngài chớ để một tia lửa nhỏ bắn vào thuốc súng nếu ngài không muốn cả cung điện của ngài nổ tung. Tôi đưa cái đồng hồ cho vua. Ngài xem xét kỹ lưỡng, có vẻ thú vị.



Ngài ra lệnh cho hai người lính cận vệ khỏe nhất luồn đồng hồ vào một cái gậy, khiêng lên vai như thể những người đánh xe ngựa ở bên Anh khiêng một thùng bia vậy. Ngài ngạc nhiên thấy tiếng phát ra từ cái máy cứ đều đều liên tục, và chiếc kim chỉ phút cứ quay, bởi vì con mắt của người tí hon tinh hơn mắt của chúng ta nhiều. Ngài hỏi các nhà bác học, ý kiến của họ rất khác nhau và khá xa sự thật, như bạn đọc có thể dự đoán được. Nhưng nói thật, tôi không hiểu được họ nhiều lắm. Tiếp đó, tôi đưa những đồng tiền bạc và đồng, cái ví tiền, chín đồng tiền to bằng vàng và vài đồng tiền nhỏ hơn, con dao và dao cạo, cái lược và hộp thuốc lá, khăn mùi soa và sổ nhật ký. Người ta chất kiếm, súng lục, túi thuốc súng và đạn lên xe, chở về kho vũ khí của nhà vua, còn những thứ khác thì trả lại cho tôi.

Như tôi đã nói, tôi giấu không cho lục soát một cái túi. Túi này đựng một cặp kính (mắt tôi kém, đôi khi phải dùng kính), một cái ống nhòm và vài ba thứ cần thiết, không ích lợi gì cho nhà vua. Vì vậy tôi thấy không đưa ra cũng chẳng phạm đến danh dự: và tôi sợ người ta làm hỏng hay đánh mất nếu tôi không giữ nó trong mình.



CHƯƠNG 3

Tác giả giải trí cho đức vua và nam nữ quý tộc một cách hết sức lạ lùng - Miêu tả những trò vui ở cung đình Lilliput - Tác giả được tự do với một số điều kiện.

Tính tình hiền lành và đức hạnh của tôi được nhà vua và cung đình yêu mến. Thật ra, tất cả quân đội và nhân dân nữa, nên tôi bắt đầu hy vọng sắp sửa được tự do. Tôi tìm mọi cách để gìn giữ mối cảm tình ấy. Dần dần, dân chúng ít sợ tôi hơn. Đôi khi tôi nằm xuống đất, để cho năm, sáu người nhảy múa trong lòng bàn tay. Sau cùng, đám nam nữ thanh niên tổ chức chơi ú tim trong tóc tôi. Tôi lại hiểu thêm tiếng họ nói và có thể nói chuyện với họ. Một hôm, nhà vua cho tôi xem nhiều trò chơi của xứ sở để tôi giải trí. Về mặt này, người Lilliput vượt hẳn các nước mà tôi đã biết, vì tài khéo léo và sự lộng lẫy. Tôi khâm phục nhất những người nhảy múa trên dây. Họ làm trò vui trên một sợi chỉ trắng rất mảnh, dài chừng hai *foot*, căng cách mặt đất mười hai *inch*. Tôi sẽ kể tỉ mỉ câu chuyện này, mong bạn đọc hãy kiên nhẫn cho phép tôi được nói.

Chỉ những người có hy vọng lĩnh những chức vụ quan trọng và được triều đình ưu đãi mới luyện tập trò chơi này. Họ luyện tập từ ngày còn ít tuổi, và không phải ai cũng thuộc dòng quý tộc hay được sự giáo dục tự do. Khi khuyết một chức vụ quan trọng vì có người chết hoặc bị cách chức (điều này thường xảy ra luôn), năm hoặc sáu người gửi đơn lên đức vua, xin phép được giải trí cho đức vua và triều đình bằng một điệu múa trên dây. Ai nhảy cao nhất mà không ngã là người trúng tuyển. Nhiều khi các vị tổng trưởng cũng được mời đến để bày tỏ sự khéo léo của mình, để chứng tỏ cho nhà vua biết họ còn lanh lẹ. Flimnap, tổng trưởng tài chính, đã khéo léo nhảy trên dây cao hơn tất cả các quan đại thần trong nước một *inch*. Tôi nhiều lần thấy ông ta nhảy lộn vòng trên một tấm ván nhỏ buộc vào một sợi dây không to hơn sợi chỉ ở nước chúng ta. Ông Reldresal, bạn tôi và là bí thư thứ nhất Hội đồng tư vấn, là người xếp thứ hai sau tổng trưởng tài chính, theo ý tôi, và nếu tôi thật sự vô tư. Còn những quan đại thần khác thì sức ngang nhau.



Tai nạn thường xảy ra trong những cuộc biểu diễn như vậy. Nhiều tai nạn đã được ghi chép trong sổ lưu trữ hoàng tộc. Chính mắt tôi đã thấy hai, ba trường hợp gãy chân, gãy tay. Nhưng nguy hiểm hơn, nếu chính các vị tổng trưởng được mời ra thi thử tài năng. Trong khi cố gắng để vượt qua sức mình và vượt được đồng nghiệp, họ gắng quá, nên chẳng mấy khi không có người ngã. Có người ngã đến hai, ba lần. Người ta nói với tôi, trước đây một hay hai năm, Flimnap đáng lẽ đã ngã gãy xương nếu không rơi vào cái gối của nhà vua, tình cờ lại ở ngay đó, làm cho vị tổng trưởng đỡ đau.

Có một trò giải trí khác dành riêng cho vua, hoàng hậu và thủ tướng vào những dịp đặc biệt. Vua đặt lên trên bàn ba sợi chỉ lụa dài sáu *inch* một màu xanh lơ, một màu đỏ và một màu xanh lá mạ. Những sợi chỉ ấy là những giải thưởng vua dành cho người mà vua muốn ưu đãi đặc biệt. Cuộc đua tài được tổ chức trong phòng lớn nhất của cung đình. Những người dự cuộc vui phải thi thử tài mềm dẻo: rất khác trò vui đã kể trên, mà tôi chưa từng thấy ở một nước nào ở Tân thế giới hoặc Cựu thế giới. Vua cầm ngang một cái gậy trong tay. Những người dự cuộc tiến lên theo hàng một, khi thì nhảy qua, khi bò trườn bên dưới, bò lên hay thụt lùi, tùy theo

chiếc gậy tiến lên hay lùi lại. Có khi vua cầm đầu này, thủ tướng cầm đầu kia. Cũng có khi một mình thủ tướng cầm cái này. Ai tài giỏi nhất – tức là bền bỉ nhất trong cuộc đua nhảy và bò toài - thì được thưởng sợi chỉ lụa màu xanh lơ, người thứ nhì sợi chỉ đỏ, và người thứ ba sợi chỉ xanh lá mạ. Họ quần hai lần quanh mình và hầu hết các quan trong triều đều có những sợi chỉ ấy.

Ngựa trong quân đội và ngựa của nhà vua hằng ngày được luyện tập trước mặt tôi, nay đã bớt sợ hãi và tiến tận sát chân tôi mà không lồng lên. Những kỵ mã cho ngựa phi qua bàn tay tôi đặt sát mặt đất, một thiện xạ của nhà vua cưỡi một con ngựa đua tài giỏi nhảy được qua giày của tôi - quả là một bước nhảy kỳ diệu. Chính tôi cũng cố dịp may mắn hiến vua một trò giải trí thật kỳ lạ. Tôi bày tỏ ý kiến xin vua cung cấp cho tôi một số cọc cao hai *foot*, to bằng cái gậy của ta. Vua ra lệnh cho viên tổng thanh tra kiểm lâm thực hiện. Sáng hôm sau, sáu người thợ đốn cây cùng sáu cái xe tới nơi, mỗi xe do tám ngựa kéo. Tôi lấy chín cái cọc, đóng xuống đất thành một ô vuông, mỗi cạnh hai *foot* rưỡi. Tôi lấy thêm bốn cái gậy, buộc ngang vào các cọc khác, cách mặt đất chừng hai *foot*. Rồi tôi buộc cái mũi soa vào chín cái cọc, kéo cho thật căng như mặt trống, thấp hơn các cọc ngang năm *inch* những cọc này dùng làm hàng rào ở bốn mặt. Công việc xong xuôi, tôi đề nghị vua cho hai mươi bốn kỵ sĩ giỏi nhất lên cánh đồng này để luyện tập. Vua chấp thuận. Tôi liền nhắc từng kỵ sĩ vào tay, kể cả ngựa và vũ khí, cùng với những sĩ quan chỉ huy. Khi tất cả mọi người đã chỉnh tề đội ngũ, họ chia làm hai tốp và bắt đầu cuộc tập trận. Họ bắn nhau bằng những mũi tên không có đầu nhọn, họ rút kiếm ra, đuổi nhau, xung phong rút lui. Nói tóm lại, họ biểu thị một tấm gương đẹp nhất về tinh thần kỷ luật quân sự tôi chưa từng thấy bao giờ. Những cái gậy ngang giữ cho họ khỏi ngã từ trên cao xuống đất. Vua thích thú quá, bắt diễn lại trò giải trí này mấy hôm liền. Một lần, ngài muốn được tôi nhắc lên vũ đài với các kỵ sĩ để ra lệnh bắt đầu cuộc chiến đấu. Khó khăn lắm ngài mới thuyết phục được hoàng hậu cho phép tôi được nhắc kiệu của hoàng hậu cách vũ đài một *fathom* để xem cho rõ. Cũng may là không có việc gì không hay xảy ra. Chỉ một lần, con ngựa quá hăng của một sĩ quan chỉ huy phi mạnh quá, nó ngựa đạp thủng mũi soa, chân nó thụt xuống lỗ hổng và làm ngã người cưỡi ngựa. Nhưng, tôi nhắc cả người lẫn ngựa lên ngay tức khắc. Tôi lấy tay che lỗ hổng, còn tay kia nhắc từng người xuống, như tôi đã nhắc họ lên. Con ngựa bị ngã hơi đau vai bên trái, nhưng kỵ sĩ không can gì. Tôi cố sức vá chỗ rách của chiếc mũi soa lại. Nhưng từ đó, tôi không dám tin ở sức bền của mũi soa có thể tránh những nguy hiểm như thế nữa.

Hai hay ba ngày trước khi tôi được tự do, trong khi tôi đang bày những trò tiêu khiển cho triều đình, thì một người đưa tin báo cho vua biết mấy người nhân lúc đi chơi bờ biển, đến nơi tìm thấy tôi dạo trước trông thấy một vật gì to tướng, màu đen, nằm trên mặt đất, vành to bằng căn phòng nhà vua, trên chỏm phồng ra cao bằng cả một người. Không phải con gì, như lúc đầu người ta nghĩ, nó nằm chết gí một chỗ, nhiều người đã đi vòng quanh. Họ làm một cái thang ngắn, trèo lên chỏm, thấy chỏm бет và phẳng, nhảy mấy cái thì biết vật này cong. Họ nghĩ rằng có thể đó là một vật gì của Người-Núi, và nếu nhà vua cho phép, họ chỉ cần cho năm con ngựa kéo về. Tôi biết ngay vật đó là cái gì và rất sung sướng. Hình như sau khi bơi ngoài biển, lúc tới bờ, tôi rất xúc động, thành thử tôi đã đánh rơi mất cái mũ trước khi đến nơi tôi nằm lăn ra ngủ. Tôi còn nhớ trong khi tôi bơi thuyền, tôi còn buộc mũ vào cổ bằng một sợi dây, và lúc tôi bơi một mình mũ vẫn còn trên đầu. Chắc là cái dây đã đứt lúc tôi lên bờ, nhưng tôi lại tưởng đã mất mũ từ ngoài biển rồi. Tôi đề nghị vua ra lệnh kéo ngay về cho tôi, và tôi cắt nghĩa cách dùng cái vật ấy cho vua biết. Ngày hôm sau mấy người đánh ngựa kéo về cái mũ đã thảm hại lắm rồi. Cách mép viền vành mũ một *inch* rưỡi người ta chọc thủng hai lỗ để luồn hai cái móc có dây kéo buộc vào ngựa. Như vậy, mũ của tôi bị kéo lê dưới đất khoảng nửa dặm, nhưng đất ở xứ sở này phẳng nên nó không đến nỗi tệ hại lắm như tôi tưởng. Hai ngày sau câu chuyện kỳ kỳ ấy, vua ra lệnh cho quân đội đóng trong thành phố và xung quanh phải sẵn sàng, ai ngờ ngài lại ư cái trò kỳ lạ như vậy. Ngài bảo tôi phải đứng xoạc hai chân rộng ra giống như một anh chàng khổng lồ. Rồi ngài hạ lệnh cho viên tướng của ngài (một vị chỉ huy dày dạn kinh nghiệm, một trong những người che chở tôi sắp xếp quân đội thành đội ngũ chỉnh tề và điều hành qua dưới chân tôi, bộ binh dàn thành hàng hai mươi bốn người, kỵ binh thành hàng mười sáu người, quân nhạc inh ỏi, cờ phất lên và giáo mác giơ cao. Đoàn quân gồm ba nghìn bộ binh,

hàng nghìn kỵ binh. Đức vua hạ lệnh cho quân lính lúc diễu quân phải hết sức tôn trọng tôi, nếu không sẽ bị xử tử. Tuy vậy, không tránh khỏi có một số sĩ quan trẻ tuổi, lúc diễu qua dưới chân tôi, ngược mắt nhìn lên và, thôi cứ nói thật, quần tôi đã rách bươm, nên có tiếng khúc khích cười, và ra vẻ thán phục lắm.

Tôi đã gửi lên nhà vua không biết bao nhiêu đơn từ để xin được tự do, vì vậy vua đành lòng nêu vấn đề, trước hết ở Hội đồng tư vấn, sau ở hội nghị họp phiên toàn thể. Ngài không gặp một sự phản đối nào, trừ ý kiến của ông Skyresh Bolgolam, coi tôi là một kẻ tử thù, tuy tôi không hề trêu ghẹo ông ta một tí nào. Nhưng tất cả những người khác đều tán thành và vua cũng ủng hộ. Cái lão Bolgolam này là *galbet*, nghĩa là đồ đốc thủy quân. Lão được vua tin cẩn, cư xử khéo léo, nhưng tính tình khoằm khoằm và hay chua chát. Dần dần, lão cũng chịu theo ý kiến của toàn thể Hội đồng, nhưng với điều kiện là chính lão phải là người



thảo những khoản và những điều kiện mà tôi phải tuân theo. Những điều khoản này đã được đích thân Bolgolam cùng hai viên thư ký và nhiều viên chức cao cấp khác đọc cho tôi nghe. Sau đó, tôi phải tuyên thệ, trước hết, theo tục lệ của xứ sở, rồi theo phương thức mà luật pháp nước Lilliput quy định. Tôi phải lấy tay trái cầm lấy bàn chân phải, đặt bàn tay phải trên đầu, ngón tay cái chạm vào tai bên phải. Chắc bạn đọc muốn biết văn phong và cách dùng tiếng của nhân dân xứ này, và muốn biết những điều khoản tôi phải tuân theo để được tự do, nên tôi cố gắng hết sức dịch toàn bộ bản hợp đồng như sau:

"Golbasto Momarem Evlame Gurdilo Shefin Mully Ully Gue, hoàng đế vô cùng dũng mãnh nước Lilliput, niềm hạnh phúc và sự khủng khiếp của toàn vũ trụ, của tất cả các vương quốc kéo dài tới năm nghìn clustrugs đến mãi tận cùng thế giới, vua của những ông vua, vĩ đại hơn tất cả những người vĩ đại, chân đạp đến tận trung tâm trái đất, đầu đụng mặt trời, chỉ gật đầu một cái là đầu gối các vua chúa phải run rẩy, đáng yêu như mùa xuân, dễ chịu như mùa hè, mát mẻ như mùa thu, đáng sợ như mùa đông, hoàng đế cao cả đề nghị Người-Núi vừa đến vương quốc chúng ta phải tuân theo những điều khoản sau đây, sau buổi lễ tuyên thệ long trọng này:

- I. Người-Núi không được ra khỏi xứ sở của ta nếu không được giấy phép có áp triện của ta.*
- II. Ông ta không được vào thủ đô nếu không được lệnh. Khi có lệnh nhân dân thành phố sẽ được báo trước hai giờ, để ở trong nhà.*
- III. Người-Núi sẽ chỉ được đi chơi trên đường quốc lộ và không được đi hoặc nằm trên đồng cỏ và trên ruộng lúa.*
- IV. Khi đi trên đường quốc lộ, ông ta phải hết sức chú ý tránh giẫm lên những thần dân yêu quý của ta cũng như những xe cộ, xe ngựa trên đường, và không được bắt một người nào cầm trong tay nếu không được người ấy ưng thuận.*
- V. Khi có một công văn khẩn cấp, Người-Núi sẽ có nhiệm vụ để người giao liên và ngựa của anh ta vào túi đi sáu ngày, mỗi tuần trắng một lần, và mang trả lại ta người giao liên không sút mẻ gì cả.*
- VI. Ông ta sẽ là bạn đồng minh của ta chống lại kẻ thù của ta trên đảo Blefuscu, và làm hết sức mình để tiêu diệt đoàn chiến hạm mà họ đang xây dựng để chống lại ta.*
- VII. Người-Núi sẽ dùng thời giờ nhàn rỗi giúp thợ thuyền trong việc nhấc những hòn đá rất nặng để hoàn thành những bức tường vườn thượng uyển và nhà cửa nơi cung đình.*

VIII. Người-Núi trong trong hai tuần trăng nữa sẽ vẽ xong một bản đồ chính xác về đường biên giới các vương quốc của ta, bằng cách đo bước chân dọc theo bờ biển.

Sau cùng, sau khi tuyên thệ tuân theo tất cả điều khoản trên đây, Người-Núi sẽ được cung cấp hằng ngày số thịt và đồ uống bằng khẩu phần của 1728 thần dân của ta, được tự do đến gần ta, và được hưởng mọi quyền ưu đãi.

Giấy này làm tại cung Belfaborac, ngày thứ mười hai, tuần trăng thứ chín mươi một triều đại ta trị vì.

Tôi tuyên thệ và chấp nhận các điều khoản trên, thật là sung sướng và thỏa mãn, tuy rằng một vài điều khoản chẳng có gì vinh dự cho tôi lắm. Đó là kết quả việc làm của lão đồ đốc Bolgolam tinh ma. Xong đâu đấy, người ta mở xích cho tôi và tôi được tự do. Đích thân đức vua tới dự buổi lễ. Tôi quỳ xuống dưới chân ngài bày tỏ lòng biết ơn. Song ngài ra lệnh cho tôi đứng dậy và sau nhiều lời rất dễ thương mà tôi không kể lại ở đây vì sợ có người cho là khoe khoang, ngài bảo hy vọng tôi sẽ là một người đầy tớ có ích, tôi sẽ được hưởng nhiều ưu đãi hiện tại cũng như sau này.

Bạn đọc đã nhận thấy điều khoản cuối cùng trong bản giao ước cho tôi được tự do, quy định số lượng thịt và đồ uống đủ nuôi 1728 người Lilliput. Ít lâu sau, tôi hỏi một người bạn ở triều đình xem người ta làm thế nào mà tính được một con số chính xác như vậy. Tôi được biết những nhà toán học của đấng vua dùng cái thước một góc hình tròn để đo chiều cao của tôi, và thấy tỉ lệ chiều cao giữa tôi với họ là mười hai trên một. Và, dựa trên tính đồng dạng giữa các hình, họ kết luận thân hình của tôi chứa được ít nhất bằng 1728 người Lilliput, bởi vậy dẫu tôi cần số lương thực, thực phẩm bằng 1728 người Lilliput. Qua ví dụ trên đây, bạn đọc có thể thấy tài năng của dân tộc này, tinh thần tiết kiệm, lo xa và chính xác của một ông vua vĩ đại như vậy.

CHƯƠNG 4

Miêu tả thủ đô Lilliput, thành phố Mildendo, và cung điện nhà vua. - Câu chuyện trao đổi giữa tác giả và tổng trưởng về việc quốc gia - Tác giả đề nghị phụng sự nhà vua trong chiến tranh.

Được tự do, việc đầu tiên của tôi là xin phép đi thăm thành phố Mildendo, thủ đô Lilliput. Vua vui lòng cho phép, nhưng yêu cầu tôi không được làm gì phương hại đến nhân dân và nhà cửa trong thành phố. Người ta công bố cho dân chúng biết tôi sẽ đi thăm thành phố. Bức tường bao quanh thành phố cao hai *foot* rưỡi, và rộng ít nhất là mười một *inch*, xe ngựa có thể đi trên bờ thành một cách dễ dàng. Cách mười *foot* lại có chòi vững chãi. Tôi bước qua cổng lớn phía tây và bước đi rất chậm chạp trên hai phố chính. Tôi mặc áo gi-lê, sơ-tà áo khoác làm hồng mái nhà, ống máng. Tôi thận trọng đặt từng bước chân để tránh giẫm bẹp người nào chưa kịp về nhà mặc dù đã có lệnh nghiêm ngặt cấm mọi người ở ngoài phố, sợ nguy hiểm cho họ. Cửa sổ các căn nhà thấp và trên mái nhà đầy ắp những người tò mò đứng xem. Tôi có cảm tưởng không ở đâu dân cư lại đông đúc như thành phố này. Thành phố là một hình vuông hoàn chỉnh, mỗi cạnh năm trăm *foot*. Hai phố lớn cắt nhau ở trung tâm thành phố phân chia thành bốn khu phố đều nhau, phố rộng năm *foot*. Những con đường và phố hẻm khác không rộng quá mười hai hay mười tám *inch*, nhỏ quá tôi không bước vào được, nhưng tôi có thể nhìn thấy lúc đi qua. Thành phố có thể chứa được năm mươi vạn người, nhà cao từ ba đến năm tầng, cửa hiệu và chợ búa đông đúc.

Cung điện nhà vua ở trung tâm thành phố, tức là ở ngã tư hai phố lớn. Cung điện có bức tường cao hai *foot* bao vây, và tường cách xa những nhà chung quanh hai mươi *foot*. Vua cho phép tôi bước qua bức tường, thành thử tôi có thể nhìn cung điện từ tứ phía. Cái sân bên ngoài hình vuông, mỗi cạnh bốn mươi *foot*, lại có hai sân nhỏ. Lâu đài của vua ở sân trong cùng.

Tôi rất muốn xem lâu đài này song hết sức khó khăn, bởi vì từ sân này qua sân kia là những cái cổng chỉ cao mười tám *inch* rộng bảy *inch*. Vả lại những ngôi nhà ở sân ngoài cao ít nhất là năm *foot*, tôi không thể bước qua mà không gây nên những hư hại không hề lường được mặc dù tường xây bằng đá phiến rất vững vàng, dày tới bốn *inch*. Một mặt khác, vua rất muốn phô vẻ lộng lẫy của cung điện. Nhưng phải ba ngày sau tôi mới có thể xem được, sau khi tôi lấy con dao nhỏ cắt một hai cây cổ thụ trong vườn hoàng gia ở cách thành phố khoảng năm mươi *fathom*. Tôi lấy cây làm hai cái ghế dựa



cao chừng ba *foot* và đủ sức chịu đựng được tôi. Nhân dân thành phố đã được loan báo tôi đến thăm thành phố lần thứ hai. Tôi đến tận cung điện nhà vua, tay cầm hai cái ghế dựa. Đến sân ngoài, tôi trèo lên mặt ghế dựa, một tay cầm cái ghế kia đưa qua các mái nhà, rồi nhẹ nhàng đặt xuống quãng trống giữa sân thứ nhất và sân thứ hai, rộng chừng tám *foot*. Thế là tôi bước được sang phía bên kia lâu đài một cách dễ dàng bằng cách trèo từ ghế này qua ghế khác. Khi đã ở bên trong, tôi dùng cái móc bằng gỗ để kéo ghế lên. Cứ như vậy tôi đến được sân trong cùng. Tôi bèn nằm nghiêng xuống úp mặt vào cửa sổ tầng hai đã mở sẵn cho tôi nhìn vào trong. Quả là những căn phòng lộng lẫy không thể tưởng tượng được. Tôi thấy hoàng hậu và các hoàng tử trong buồng riêng, có đoàn tùy tùng vây quanh chung quanh. Nhà vua ban cho tôi một nụ cười tươi tắn và chìa tay qua cửa sổ cho tôi hôn.

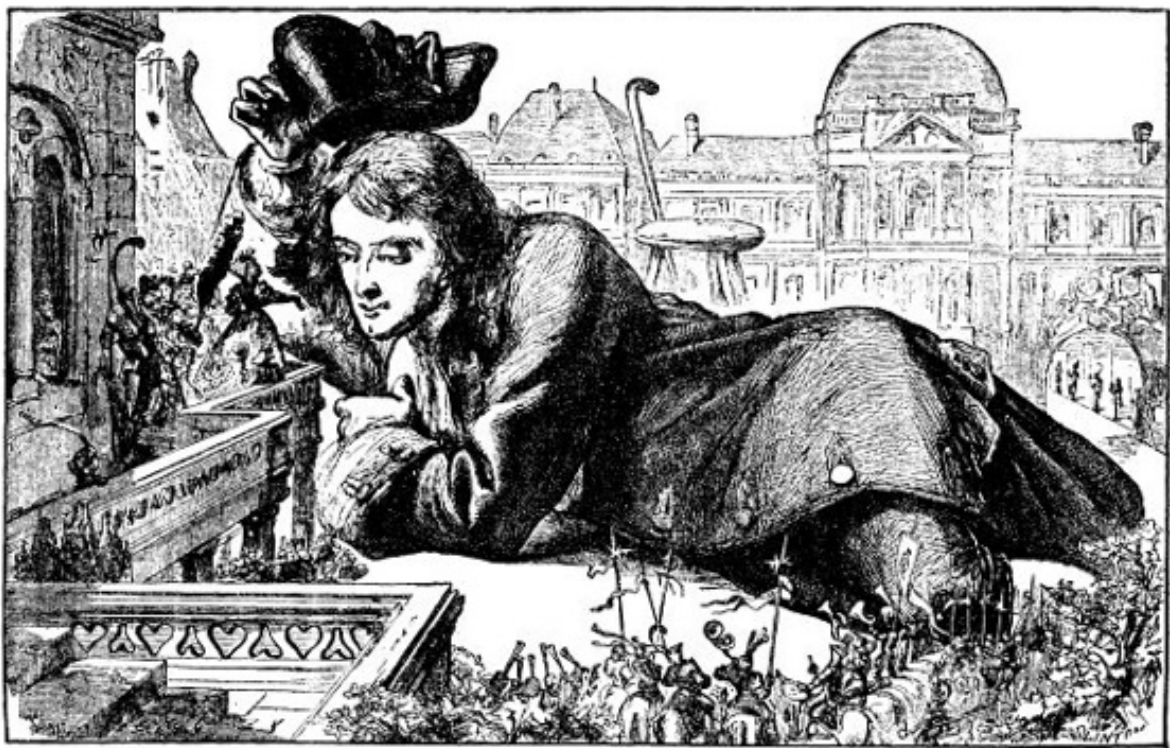
Nhưng bây giờ tôi chẳng muốn miêu tả dài dòng, tôi dành cho một cuốn sách quan trọng hơn, có thể sắp sửa đem in. Bạn đọc sẽ thấy những trang miêu tả đầy đủ xứ sở này từ khi thành lập đến ngày nay, qua một loạt những triều vua, chuyện chiến tranh và những phong trào chính

tri, luật pháp, khoa học và tôn giáo này, cây cỏ và động vật, phong tục và tập quán của nhân dân, cùng với rất nhiều vấn đề lạ lùng và hữu ích khác. Bây giờ, mục đích duy nhất của tôi là kể cho bạn đọc những sự kiện công và tư đã xảy ra trong thời gian chín tháng tôi trú ngụ ở đất nước này.

Một buổi sáng, độ nửa tháng sau khi tôi được tự do. Reldresal, tổng trưởng Bộ việc riêng tư (theo như họ gọi), chỉ có một người theo hầu, đến nhà tôi ông ra lệnh cho xe ngựa đợi ông cách khá xa, và xin tôi cho ông nói chuyện một giờ. Tôi vội vàng ưng thuận, bởi vì ông là người quyền cao chức trọng lại có đức hạnh, và cũng bởi vì ông đã giúp đỡ tôi nhiều khi tôi gửi những bản thỉnh nguyện lên triều đình. Tôi đề nghị cho tôi được nằm xuống để ông nói gần tai tôi, nhưng ông muốn tôi cầm ông trên tay trong khi hai người chuyện trò. Trước hết ông chúc mừng tôi đã được tự do, ông hài lòng vì đã góp một phần công sức vào việc này.

Rồi ông cho tôi biết, nếu hoàn cảnh khác đi thì chưa chắc tôi đã được tự do sớm như hiện nay. Ông nói, mặc dù trước con mắt mắt người nước ngoài, nước chúng tôi có vẻ phồn vinh, nhưng chúng tôi phải chiến đấu chống hai tai họa, một phe phái bên trong và sự đe dọa xâm lược của một kẻ thù hùng mạnh bên ngoài. Về tai họa thứ nhất, ngài cần biết rằng, từ trên bảy mươi tuần trăng nay, hai phe phái đối địch nhau, một là phái *Tramecksan* và một là phái *Slamecksan*, tức là phái "gót giày cao" và "gót giày thấp". Người ta cho rằng phái "gót giày cao" theo đúng hiến pháp cũ của chúng tôi nhưng mặc dù vậy, nhà vua chỉ quyết định sử dụng "gót giày thấp" nắm giữ các chức vụ như ngài đã thấy. Và đặc biệt, gót giày của đức vua thấp hơn gót giày của cả triều đình ít nhất là một *drurru*. Mâu thuẫn giữa hai phái sâu sắc đến mức họ không muốn ăn uống với nhau, nói chuyện với nhau. Chúng tôi cho rằng phái *Tramecksan* đông hơn phái chúng tôi: nhưng quyền hành thì hoàn toàn ở trong tay chúng tôi. Nhưng tôi e rằng thái tử có khuynh hướng thiên về phái "gót giày cao". Dẫu sao, rõ ràng là một gót giày của ngài cao hơn gót kia, thành thử ngài đi hơi khập khiễng.

Trong khi nội bộ có những việc xâu xé như thế, thì chúng tôi bị đảo Blefuscu đe dọa xâm lược. Đó cũng là một nước lớn, gần rộng và mạnh bằng nước của đức vua đây. Bởi vì tôi phải nói với ngài rằng, những nhà triết học của chúng tôi còn nghĩ đến sự tồn tại của các quốc gia có những người to lớn như ngài - theo lời khẳng định của ngài. Họ thiên về ý cho rằng ngài rơi từ cung trăng hoặc từ một ngôi sao nào xuống. Bởi vì, nếu quả như vậy chỉ một trăm người to như ngài, trong một thời gian ngắn, sẽ xới sạch lương thực, thực phẩm ở vương quốc của đức vua. Và lại, lịch sử nước chúng tôi từ hàng sáu nghìn tuần trăng nay, chỉ ghi chép hai nước lớn là Lilliput và Blefuscu. Như tôi đã thưa chuyện cùng ngài, hai cường quốc này đã chiến tranh dữ



đội với nhau từ ba mươi sáu tuần trăng nay. Lý do như thế này: mọi người đều công nhận rằng, muốn ăn trứng, cách cổ xưa là đập vỡ đầu to quả trứng. Song, ông nói của đức vua hiện nay, thời còn trẻ, có một lần ăn trứng, đập trứng theo kiểu ấy, bị đứt tay. Sau việc này, vua cha ngài ban một sắc lệnh cho tất cả thần dân phải đập trứng đầu nhỏ, nếu không sẽ phải chịu trọng tội. Nhân dân lấy làm bất bình đến mức vì luật lệ đó mà xảy ra sáu vụ nổi loạn, một ông vua bị giết chết và một ông vua mất ngôi - theo các nhà sử học nước chúng tôi ghi lại. Bao giờ những cuộc xâu xé tương tàn ấy cũng do những ông vua nước Blefuscu âm mưu xúi giục. Khi cuộc nổi loạn bị dập tắt, những người thất trận lại sang trú ngụ tại nước này. Người ta tính tất cả có đến trên một vạn một nghìn người thà chết chứ không chịu đập đầu trứng nhỏ. Hàng mấy trăm quyển sách lớn đã được viết để tranh luận về vấn đề này. Nhưng sách của những người "Đầu trứng to chủ nghĩa" một thời gian dài bị cấm, và những người theo phái này không có quyền nhận chức vụ gì của nhà nước. Trong thời kỳ lộn xộn kéo dài ấy, những ông vua nước Blefuscu, qua tiếng nói của các viên đại sứ, hay trách móc và kết án chúng tôi đã gây nên một cuộc chia rẽ tôn giáo, vì chúng tôi vi phạm châm ngôn cơ bản của nhà tiên tri vĩ đại Lustrog, ghi ở chương năm mươi tư, cuốn Blundecral. Người ta cho đó là sự xuyên tạc. Câu châm ngôn ấy như sau: "Mọi tín đồ chân chính muốn đập trứng đầu nào cho tiện tùy ý". Theo ý tôi thì người ta phải để cho mọi người tùy theo lương tâm, muốn đập trứng đầu nào thuận lợi nhất cũng được. Song, những người theo "*Chủ nghĩa Đầu trứng to*" được vua nước Blefuscu tín nhiệm vì được phái của họ ủng hộ và khuyến khích, nên một cuộc chiến tranh đã chia rẽ hai nước từ ba mươi sáu tuần trăng này. Chúng tôi mất bốn mươi tàu chiến lớn và một số lượng tàu chiến nhỏ nhiều hơn thế, cùng ba vạn thủy thủ và lính tinh nhuệ. Người ta ước tính quân địch còn tổn thất nhiều hơn thế. Nhưng hiện nay họ xây dựng một đội hải quân hùng hậu và chuẩn bị một cuộc đổ bộ vào bờ biển nước chúng tôi. Đức vua tin ở tài năng và sức khỏe của ngài, cho tôi đến báo cáo với ngài tình hình hiện nay như thế.

Tôi đề nghị ông tổng trưởng dâng lên vua lòng kính trọng của tôi và tâu với ngài rằng tôi thiết nghĩ một người nước ngoài như tôi không có quyền tham gia những cuộc đấu tranh của các phe phái, nhưng tôi sẵn sàng hy sinh để bảo vệ ngài và xứ sở của ngài, chống lại bất cứ kẻ xâm lăng nào.

CHƯƠNG 5

Nhờ một diệu kế, tác giả đánh tan cuộc xâm lăng - Đức vua phong cho tác giả một tước cao danh dự - Đại sứ nước Blefuscu cầu hòa - Dinh hoàng hậu cháy - Tác giả cứu hỏa.

Nước Blefuscu là một hòn đảo ở phía đông bắc nước Lilliput. Hai nước cách nhau bằng một eo biển rộng bốn trăm *fathom*. Tôi chưa thấy nước ấy. Bây giờ, được biết ý định xâm lăng của Blefuscu, tôi tránh đi về phía đó, sợ bị một chiếc tàu địch phát hiện ra, bởi quân địch chưa hề biết tôi đang ở đây. Tất cả mọi việc giao thiệp giữa hai nước đều bị cấm, ai vi phạm sẽ bị tử hình. Nhà vua không cho phép bất cứ tàu nào dờn bến. Tôi tâu với hoàng thượng kế hoạch của tôi định bắt sống toàn bộ đội thủy binh của quân địch. Theo tin tình báo, đoàn tàu địch còn cắm neo ở cảng, đợi gió sẽ căng buồm.

Tôi hỏi các thủy thủ kinh nghiệm nhất về chiều sâu của biển mà họ thường đo. Tôi được biết lúc thủy triều lên, nơi giữa eo biển sâu tới bảy mươi *glumgluff*, tức là bằng sáu *foot* những chỗ khác sâu nhất không quá năm mươi *glumgluff*. Thế là tôi đi ra phía đông bắc, nơi bờ biển đối diện với nước Blefuscu. Tôi nấp sau một quả đồi, lấy ống nhòm ra quan sát đoàn tàu chiến địch đang cắm neo. Tôi thấy độ năm mươi chiến hạm lớn và rất nhiều tàu vận chuyển. Tôi trở về nhà và ra lệnh (tôi được phép ra mệnh lệnh) làm thật nhiều dây cáp thật chắc và đúc những thanh sắt. Mỗi dây cáp to bằng sợi dây gai và mỗi thanh sắt bằng chiếc kim đan. Tôi quấn ba dây cáp làm một cho chắc và chập từng ba thanh sắt lại, bẻ đầu cong thành cái móc. Sau khi buộc năm mươi dây cáp vào từng ấy móc, tôi quay trở ra bờ biển phía đông bắc. Tôi cởi áo và tháo giày, bỏ bút tất ra, chỉ mặc cái quần đùi bằng da, rồi lội xuống biển trước lúc thủy triều lên độ nửa giờ. Tôi đi hết sức nhanh dưới biển. Đến giữa biển, tôi bơi độ mười lăm *fathom* thì chân đặt được tới đất. Đi chưa đến nửa giờ tôi đến nơi đoàn tàu đỗ. Quân địch chợt trông thấy tôi, phát khiếp lên, nhảy ào xuống biển, bơi vội vào bờ. Trên bờ có tới ba vạn người. Tôi lấy dây cáp móc vào từng tàu chiến một, rồi buộc tất cả đầu dây vào nhau. Trong khi ấy, quân địch nhằm tôi bắn hàng mấy nghìn mũi tên, nhiều mũi trúng tay, trúng mặt tôi, làm tôi đau quá, đâm lúng túng. Tôi sợ nhất cho hai con mắt nếu tôi không chợt nhớ tới cặp kính để trong túi áo gi-lê không bị khám xét trước kia thì chắc chắn tôi đã bị bắn mù mắt. Tôi kẹp rõ chắc cặp kính vào mũi, được vũ trang như vậy, tôi gan góc tiếp tục công việc, mặc cho quân địch bắn, nhiều mũi tên đập tanh tách vào kính của tôi nhưng không hề gì. Buộc xong năm dây cáp, tôi cầm cái nút ra sức kéo. Nhưng không một chiếc tàu nào chuyển động, vì neo cắm rất sâu dưới đáy biển. Thành thử tôi còn phải làm một phần việc nguy hiểm nhất. Tôi buông dây cáp ra, móc vẫn để nguyên ở mũi tàu, tôi lấy dao cắt dây neo, có đến hai trăm mũi tên cắm vào tay, vào mặt tôi. Tôi lại cầm lấy đầu nút dây cáp buộc vào các móc và dễ dàng kéo đi năm chục chiếc tàu địch.

Những người Blefuscu thoát tiên chưa hiểu tôi định làm gì, họ hết sức hãi hùng. Thấy tôi cắt dây neo, họ tưởng tôi sẽ để mặc những con tàu trôi lênh đênh trên mặt biển hoặc va vào nhau cho vỡ. Nhưng khi thấy tôi dẫn đoàn tàu ra đi một cách có trật tự, họ thét lên những tiếng thất vọng và bất lực. không bút nào tả xiết, không sao tưởng tượng nổi. Khi tôi thoát được ra ngoài vòng nguy hiểm, tôi dừng lại một lát để rút những mũi tên cắm vào tay và mặt rồi lấy dầu xoa - dầu nhà vua cho khi tôi mới đến Lilliput, như bạn đọc đã biết. Tôi tháo kính ra, đợi khoảng một tiếng đồng hồ cho nước thủy triều xuống, thế rồi tôi bơi qua eo biển với tất cả đoàn chiến hạm. Tôi đến được bến cảng của vua Lilliput mà không sao cả.

Nhà vua và tất cả triều đình đứng trên bờ biển chờ đợi chiến công của tôi. Họ thấy đoàn tàu chiến tiến lên theo hình vòng cung nhưng không thấy tôi, vì tôi lội nước đến ngực, khi đoàn tàu đến giữa eo biển, họ vẫn còn khiếp sợ, vì chỉ có đầu tôi là nhô lên khỏi mặt nước. Vua kết luận tôi đã chết đuối, và đội thủy quân địch đang tiến vào đánh hải cảng. Nhưng rồi ngài bớt lo sợ, mỗi lúc nước một nông hơn, tôi đi nhanh hơn, và người trên bờ đã có thể nghe tiếng tôi kêu. Tôi giơ túm dây cáp buộc cả đoàn tàu chiến lên cao, hét to: "Hoàng đế vô cùng dũng mãnh Lilliput muôn năm!". Vua nghênh tiếp tôi và hết lời khen ngợi. Ngay tức khắc ngài phong cho tôi tước *Nardac*, tước danh dự cao quý nhất của đất nước này.

Vua đề nghị tôi làm thế nào để mang về cho ngài tất cả đoàn tàu địch còn lại. Tham vọng của các ông vua thật vô hạn như thế đấy. Vua Lilliput chỉ nghĩ đến một điều là chiếm được nước Blefuscu làm một tỉnh của nước mình, do một phó vương cai trị. Ngài muốn diệt tất cả những người theo "*Chủ nghĩa Đầu trúng to*" trốn sang nước láng giềng và bắt mọi người phải đập đầu trúng nhỏ, để một mình ngài trị vì cả trái đất. Nhưng tôi quyết tâm thuyết phục ngài bỏ nhưng ý định ấy bằng nhiều lý lẽ dựa trên cơ sở chính trị và lẽ công bằng, tôi kiên quyết từ chối không chịu đứng ra làm công cụ để bắt một dân tộc dưng cảm và tự do phải cúi đầu làm nô lệ. Việc này gây nên một cuộc bàn cãi trong Hội đồng một số đông những người khôn ngoan nhất đã tán thành ý kiến của tôi.

Lời tuyên bố thẳng thắn và cương quyết của tôi đi ngược lại đường lối và mưu toan của nhà vua, cho nên không bao giờ vua có thể tha thứ cho tôi được. Ngài tìm cách nói rất khéo léo ở Hội đồng hình như những người khôn ngoan nhất ở Hội đồng, bằng sự im lặng của mình tỏ ý tán thành ý kiến của tôi. Nhưng những người khác, là kẻ thù của tôi, chẳng thể không nói thêm vài lời xúc xiểm. Từ ngày ấy, giữa nhà vua, một số tổng trưởng có âm mưu chống lại tôi một cách độc ác đã âm ỉ trong ngót hai tháng, suýt nữa thì tôi toi mạng. Thế mới hay rằng, những việc phục vụ nhà vua dù là to lớn nhất cũng chẳng có giá trị gì lắm, nếu người ta không chịu mù quáng chiều theo dục vọng của ngài.

Khoảng ba tuần lễ sau chiến công của tôi, nước Blefuscu cử một đoàn đại biểu long trọng sang cầu hòa. Việc hòa nghị được giải quyết nhanh chóng, với những điều kiện rất có lợi cho vua Lilliput. Tôi sẽ chẳng kể dài dòng việc này, có sáu vị đại diện và một đoàn tùy tùng khoảng năm trăm người. Các ngài tiến vào, rất lộng lẫy, xứng đáng với đức vua vĩ đại của họ và với nhiệm vụ nặng nề mà họ đảm nhiệm. Với tư cách là người được đức vua tín nhiệm, hay ít ra là ra vẻ được tín nhiệm, tôi nhiều lần đã can thiệp, bênh vực các vị đại diện nước Blefuscu. Được ai đó cho biết tôi là một người có lòng rộng lượng, thân thiện và giúp đỡ họ nhiều, nên các vị đại diện đến thăm hỏi tôi rất long trọng. Trước hết, các ngài khen ngợi tôi dũng cảm và bao dung. Nhân danh đức vua, họ mời tôi sang nước họ. Các ngài đề nghị tôi biểu diễn một vài cử chỉ chứng tỏ sức mạnh kỳ diệu của tôi mà các ngài đã được nghe tán dương. Tôi làm ngay, nhưng chẳng kể chi tiết với bạn đọc. Sau khi làm trò vui cho các ngài, tôi đề nghị các ngài cho tôi vinh dự được dâng lên đức vua Blefuscu, mà đức độ lừng lẫy được cả vũ trụ khâm phục, những lời chào mừng trân trọng. Các ngài lấy làm ngạc nhiên và hài lòng lắm. Tôi còn nói, tôi quyết định trước khi trở về nước tôi, thế nào cũng sang châu hoàng thượng. Bởi vậy, khi tôi được vinh dự gặp vua Lilliput, tôi xin phép ngay được sang dâng lên đức vua Blefuscu những lời chào mừng. Ngài cho phép nhưng có vẻ lạnh lùng, tôi có thể nhận thấy được, nhưng không hiểu nguyên nhân vì sao. Sau, một người cho biết Flimnap và Bolgolam nói rằng cuộc gặp gỡ giữa tôi và các vị đại diện nước Blefuscu là dấu hiệu của lòng bất kính. Sự thật trong thâm tâm, tôi đâu có như vậy. Từ ngày ấy, tôi bắt đầu lờ mờ nhận thấy triều đình, nhà vua và các ngài tổng trưởng có thể tồi tệ như thế nào...



Các vị đại diện và tôi nói chuyện với nhau qua người thông ngôn, bởi vì tiếng nói của hai

nước rất khác nhau, tựa như tiếng nói hai nước ở châu Âu vậy. Mỗi nước đều tự hào về truyền thống lâu đời về cái hay, cái đẹp của tiếng nước mình, và khinh rẻ tiếng nước láng giềng. Song, vua của chúng tôi, cậy đã bắt được đội thủy chiến, bắt buộc các vị đại diện trình quốc thư và đọc diễn văn bằng tiếng Lilliput. Trên thực tế, do hai nước có quan hệ thương mại, luôn luôn trao đổi những người lưu vong sang nước khác, và tầng lớp quý tộc, đại tư sản thường gửi con cái sang nước láng giềng để rèn luyện, mở rộng tầm mắt nên chẳng có mấy người ở tầng lớp trên, thương gia hoặc thủy thủ thuộc miền duyên hải không biết hai thứ tiếng. Điều này, tôi được biết sau mấy tuần lễ, khi tôi sang chào mừng vua nước Blefuscu, giữa những nỗi khốn khổ mà kẻ thù độc ác gây cho tôi. Đó là một câu chuyện vui sướng, sau này tôi sẽ kể với bạn đọc.

Bạn đọc chắc còn nhớ mấy điều khoản về việc giải phóng tôi, làm cho tôi không hài lòng vì tính chất nô dịch của nó. Nếu không vì hoàn cảnh bó buộc, không một sức mạnh nào có thể khuất phục được tôi. Nhưng bây giờ, tôi là một *Nardac*, tước vị cao nhất triều đình, những điều kiện nô dịch ấy được coi là không phù hợp với tước vị của tôi - và nói cho công bằng, nhà vua không bao giờ nói tới. Ít lâu sau, tôi có dịp giúp được vua một việc đáng kể, ít ra lúc ấy tôi nghĩ như vậy. Nửa đêm hôm ấy, trước cửa nhà tôi, có hàng trăm người kêu cứu khẩn cấp. Bất thành linh bị đánh thức và hốt hoảng, tôi nghe thấy nhắc đi nhắc lại liên hồi tiếng: *burglum*. Nhiều vị triều thần đang rê đám đông, vào xin tôi đến ngay cung điện nhà vua đang bốc cháy vì sự bất cẩn của một nữ tỳ ngủ quên khi đọc một quyển truyện tình. Chỉ một nháy mắt, tôi đứng dậy, lệnh ban ra bảo dân chúng nhường lối cho tôi đi. Lúc ấy sáng trăng, nên tôi không giẫm phải ai. Tôi thấy nhiều thang đã được bắc lên tường, xô đựng nước đã sẵn sàng, nhưng nước ở xa đấy. Xô không to hơn cái đê khâu, những người khốn khổ hết sức nhanh tay đưa xô cho tôi, nhưng ngọn lửa bốc to quá nên không có hiệu quả gì. Tôi có thể dùng áo khoác của tôi để dập tắt đám cháy, nhưng thật không may, trong lúc vội vàng, tôi đã quên ở nhà, chỉ mặc độc cái quần đùi. Tình thế đã có vẻ thất vọng, và cung điện sẽ biến thành đồng tro, nếu lúc ấy tôi không nghĩ ra một kế do sự mau trí - việc này cũng ít khi xảy đến với tôi.

Tối hôm trước, tôi uống no nê một thứ rượu vang ngon gọi là *glimigrim*, (người Blefuscu gọi là *flunec*) rất lợi tiểu. Thật là may mắn, từ tối tôi chưa đi tiểu. Sức nóng của ngọn lửa, lại thêm gắng sức mãi để dập tắt đám cháy, làm cho rượu chóng trở thành nước tiểu. Thế là tôi phun một tia nước tồ tồ vào những nơi cần phun. Chỉ ba phút lửa hoàn toàn bị dập tắt. Những dinh thự còn lại, công lao của bao năm xây dựng đã được cứu thoát.

Lúc này, trời đã sáng, tôi trở về nhà, không kịp gặp nhà vua. Sự thật, tôi đã giúp vua được một việc to lớn. Nhưng tôi khó hình dung được là nhà vua lại không chấp nhận cách tôi cứu hỏa như thế. Bởi vì luật lệ nghiêm khắc của nước này cấm tất cả mọi người, mặc dù giữ chức vị gì, đi tiểu chung quanh cung điện, ai vi phạm sẽ bị xử tử. Nhưng tôi hơi yên tâm, vì vua cho tôi biết ngài sẽ ra lệnh cho viên quan tư pháp ân xá cho tôi. Nhưng, lệnh này không được thực hiện. Có người bí mật cho tôi biết, hoàng hậu rất ghê sợ về việc tôi đã làm, đã rút lui về nơi xa nhất



trong cung đình và quyết định không bao giờ cho sửa chữa cung hoàng hậu nữa. Trước mặt những người thân cận nhất, hoàng hậu không giấu giếm ý định trả thù của mình.

CHƯƠNG 6

Nhân dân Lilliput - Khoa học, luật pháp và phong tục - Giáo dục, thiếu nhi - Tác giả sống như thế nào ở xứ sở này - Tác giả bảo vệ một bà phu nhân.

Tôi có ý định dành mọi việc miêu tả xứ sở này trong một tác phẩm khác, nhưng tôi vui lòng thỏa mãn các bạn đọc một phần. Những người Lilliput cao gần sáu *inch*, súc vật, cây cỏ có tỉ lệ tương ứng. Chẳng hạn, ngựa và bò to khỏe nhất do được từ bốn đến năm *inch*, cừu độ một *inch* ruồi, ngỗng thì bằng con chim sẻ, và cứ như vậy đến những con vật nhỏ li ti, mắt tôi không trông thấy. Nhưng tự nhiên phú cho người Lilliput con mắt tinh tường. Để chứng minh con mắt rất tinh của họ, tôi đã thấy một người làm bếp vật lông một con chim cắt to chưa bằng một con ruồi, và một thiếu nữ khâu một cái kim mắt tôi không trông thấy, sợi chỉ lụa, mắt tôi cũng không trông thấy. Cây to nhất cao độ bảy *foot*, đó là những cây trong vườn thượng uyển, bàn tay tôi nắm lại vừa cao bằng ngọn cây. Cây cối khác có tỉ lệ tương ứng. Nhưng thôi, để bạn đọc tưởng tượng lấy.

Bây giờ tôi nói đôi chút về khoa học Lilliput đã phát triển trong mọi ngành, từ nhiều đời nay. Nhưng chữ viết của họ rất đặc biệt. Không phải từ trái sang phải như cách viết của người châu Âu, không phải từ phải sang trái như cách viết của người Ả-rập, cũng không phải từ trên xuống dưới như của người Trung Quốc, mà chéo từ góc này sang góc khác như cách viết của các bậc quý phái ở nước Anh.

Người Lilliput chôn người chết ngược đầu xuống dưới đất, bởi vì họ tin rằng một vạn một nghìn tuần trăng sau, tất cả mọi người chết sẽ sống lại. Trong thời gian ấy, trái đất (họ tưởng trái đất dẹt) sẽ quay ngược trở lại, và như vậy, những người chết sẽ đứng sẵn, chờ ngày tái sinh. Những người có học thức thấy lòng tin ấy là phi lý, nhưng tục lệ vẫn tồn tại để khỏi đi ngược lại ý kiến của kẻ bình thường.

Một số luật pháp và phong tục của nước này rất lạ. Có lẽ tôi sẽ cố gắng bảo vệ nó, nếu nó trái ngược hẳn với luật pháp và phong tục nơi Tổ quốc thân yêu của tôi. Chỉ mong sao nó được thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Trước hết tôi xin nói đến là pháp luật đối với những kẻ vu khống. Ở nước này, tội chống lại nhà nước bị trừng phạt nặng nhất. Nhưng nếu bị cáo chứng minh được mình vô tội, người tố cáo tức khắc bị xử tử. Bị cáo sẽ được bồi thường gấp bốn lần. Số tiền bồi thường lấy ở của cải, ruộng đất của người tố cáo, vì số thời giờ đã mất, vì sự nguy hiểm đe dọa vì đã phải chịu khổ cực trong nhà giam và vì đã tiêu tốn trong khi chạy chọt. Nếu người tố cáo không đủ tiền bồi thường sẽ lấy của cải của nhà vua bù đắp. Vua công khai cho bị cáo một chứng có nào đó về sự ưu đãi của vua và người ta công bố cho mọi người khắp thành phố biết người đó là vô tội.

Người Lilliput coi gian lận là một tội nặng hơn tội trộm cắp, và ít khi không trừng trị bằng tử hình. Họ khẳng định rằng sự thận trọng và tính cảnh giác của mọi người bình thường đủ để bảo vệ của cải, chống lại trộm cắp, nhưng người ngay thật không thể tự bảo vệ chống lại kẻ lừa lọc. Trong thực tế, luật cung cầu tất yếu liên quan đến người mua kẻ bán và lòng tin lẫn nhau, nếu sự gian lận được tha thứ và cho phép, nếu không có luật pháp trừng trị, thì bao giờ người lương thiện cũng bị lừa lọc và kẻ lưu manh có lợi. Tôi còn nhớ một lần đã can thiệp với vua để bênh vực một kẻ phạm pháp đã lừa một ông chủ, lấy một số tiền lớn của chủ giao cho rồi bỏ trốn. Để giảm tội của hắn, tôi thưa với vua rằng, dù sao, đó cũng chỉ là tội lợi dụng lòng tin của kẻ khác. Vua cho đó là một lý lẽ quái gở, bởi vì chính lý lẽ ấy làm tội nặng thêm, mà tôi lại viện ra để xin giảm tội cho bị cáo. Tôi chẳng biết đáp lại làm sao ngoài cách biện bạch rằng ở mỗi nước đều có những tập quán riêng, nhưng thú thực trong thâm tâm, tôi rất lấy làm xấu hổ.

Thông thường, chúng ta đều coi nhưng việc khen thưởng và trừng phạt là hai cái trục của một chính quyền, nhưng chưa bao giờ và chưa ở đâu tôi thấy châm ngôn ấy được thực hiện, trừ ở Lilliput. Bất kỳ ai chứng minh được mình đã nghiêm chỉnh tuân theo mọi luật pháp của xứ sở trong bảy mươi ba tuần trăng, đều có quyền hưởng một số quyền lợi, nhiều ít tùy theo dòng dõi và chức vụ, với một số tiền tương đương trích ở một quỹ đặc biệt. Người đó gọi là *snilpall*,

tức là hợp pháp, kèm theo tên mình, nhưng không cha truyền con nối. Người Lilliput cho rằng muốn cho mọi người tuân theo pháp luật mà chỉ có trừng phạt, không có khen thưởng, là một sai lầm. Do nguyên lý ấy mà hình ảnh của công lý được biểu hiện trong các tòa án bằng sáu con mắt, hai mắt ở đằng trước, hai mắt ở đằng sau, và mỗi con mắt ở mỗi bên - tượng trưng của sự chú ý toàn diện, với một túi vàng ở tay phải, một thanh kiếm ở tay trái, để cho mọi người thấy rõ rằng công lý thiên về khen thưởng hơn là trừng phạt.

Trong việc lựa chọn những người đảm nhiệm công việc của quốc gia, người Lilliput coi trọng đạo đức hơn là tài năng. Bởi vì họ nghĩ rằng, không ai có thể không cần đến chính phủ nên một trí tuệ bình thường có thể làm được bất cứ nhiệm vụ nào. Thương đế không bao giờ có ý muốn biến công việc trị quốc thành một điều bí ẩn, mà chỉ một vài thiên tài hiếm có mới hiện được. Mà những thiên tài ít khi sản sinh được lấy ba người trong cùng một thời đại. Người Lilliput cho rằng sự thật, sự công bằng, tính ôn hòa và những đạo đức ấy trong thực tiễn, thêm vào đó kinh nghiệm và thiện ý: là đủ tư cách để phụng sự quốc gia, trừ khi nó đòi hỏi một trình độ học vấn cần thiết. Họ thấy rằng tài năng không thể bù đắp được cho người thiếu đạo đức, nên họ không giao nhiệm vụ quốc gia vào bàn tay nguy hiểm của những kẻ đó. Và chỉ ít thì nhưng lỗi lầm do sự dốt nát gây nên, nhưng có thiện ý, không bao giờ tạo ra những kết quả ảnh hưởng đến quyền lợi chung, như hành động của một người xấu xa nhưng rất có tài tổ chức để che giấu, bảo vệ những hành động tội ác của mình.

... Nhắc đến những luật pháp đã kể trên hoặc sẽ kể dưới đây, đó là tôi nói đến những quy chế cổ xưa và bỏ qua sự suy đồi đáng quyền rửa mà dân tộc này mỗi ngày một sa vào, theo lẽ tự nhiên của bản chất thoái hóa của loài người. Cái tục lệ đáng ghét là nhảy múa trên dây để chiếm những địa vị quan trọng trong triều, hoặc nhảy qua cái gậy và bò toài dưới đất để được hưởng quyền ưu đãi và phẩm tước, bạn đọc nên hiểu là những cách thức ấy mới được ông nội của nhà vua hiện nay thực hiện lần thứ nhất, và nó chỉ phát triển khi ngày càng có nhiều phe phái.

Sự vô ơn là tội nặng nhất đối với người Lilliput. Lịch sử cho ta biết ở nhiều nước khác cũng vậy. Họ lập luận như sau: những người đối đãi không ra gì với ân nhân của mình, thì chắc hẳn sẽ là kẻ thù chung của những người khác, là những người sẽ không nhận được sự giúp đỡ nào hết. Vì vậy, kẻ vô ơn không đáng sống.

Cách xem xét quan hệ cha con khác hẳn cách xem xét của chúng ta. Quan hệ nam nữ vốn dựa trên cơ sở một quy luật của tự nhiên để phát triển nòi giống. Người Lilliput cho rằng đàn ông và đàn bà sống với nhau chẳng qua cũng như những loài sinh vật khác, chỉ nhằm mục đích phát triển nòi giống... Với những lập luận ấy và những lập luận khác tương tự như vậy, đưa người ta đến ý nghĩ cho rằng cha mẹ không cần chăm lo, dạy dỗ con cái. Thành phố nào cũng có những trung tâm giáo dục con trẻ. Các bậc cha mẹ - trừ thợ thuyền và dân cày - phải đưa con cái mình đến đó để người ta nuôi nấng, dạy dỗ, khi trẻ tròn hai mươi trăng tròn, tức là khi các cháu biết nghe lời. Có nhiều loại trường dành cho con trai và con gái, và tùy theo dòng dõi. Thầy giáo, cô giáo lành nghề trong việc đào tạo trẻ em có lối sống phù hợp với hoàn cảnh gia đình và cha mẹ, với năng khiếu và khuynh hướng của từng đứa trẻ. Trước hết, tôi nói đến những trung tâm giáo dục con trai, rồi đến những trung tâm giáo dục con gái.

Trường học đào tạo thiếu nhi thuộc gia đình quý tộc có những giáo viên nghiêm túc và uyên bác, có học thức, và có nhiều trợ lý giúp đỡ. Quần áo và thức ăn đơn giản nhưng đầy đủ. Họ dạy cho các cháu biết thế nào là danh dự, công bằng, dũng cảm, khiêm tốn, độ lượng, tôn giáo và lòng yêu nước. Lúc nào các cháu cũng hoạt động, trừ những thời gian rất ngắn dành cho bữa ăn và giấc ngủ. Có hai giờ giải trí dành cho việc tập thể dục. Người hầu đàn ông mặc quần áo cho các cháu đến khi các cháu lên bốn tuổi, sau đó, các cháu tự mặc lấy không phân biệt dòng dõi thế nào. Giờ chơi các cháu tự tập lại thành từng nhóm lớn, nhỏ tùy thích, và bao giờ cũng có thầy giáo hay trợ lý coi sóc. Thành thử, các cháu tránh được việc tiếp xúc thói hư tật xấu mà trẻ em nước chúng ta không tránh được. Mỗi năm, cha mẹ chỉ được đến thăm con hai lần. Mỗi lần không quá một giờ. Cha mẹ không được hôn con lúc đến trường cũng như lúc đi, bao giờ cũng có một thầy giáo giám sát các cuộc gặp mặt ấy, để cấm tiếng thì thầm thân ái giữa hai bên, cấm cha mẹ cho con đồ chơi, quà bánh hoặc một thứ gì khác. Nếu cha mẹ không đóng tiền

cho con, sẽ có nhân viên nhà nước thu số tiền theo quy định.

Những trường dành cho con cái gia đình trung lưu - người buôn bán, thương gia và thợ thủ công - cũng được tổ chức theo những nguyên tắc trên, chỉ khác một điều là ở các trường thương mại, trẻ con tập sự đến năm mười một tuổi, còn ở các trường khác, việc tập sự kéo dài cho đến năm mười lăm tuổi - tương đương với tuổi hai mươi mốt ở nước chúng ta. Ở ba năm cuối cùng, những điều bó buộc ngày càng đỡ ngặt nghèo hơn.

Trong những trường dạy các cháu gái, các cháu dòng dõi quý tộc được nuôi nấng cũng như các cháu trai, chỉ khác một điều là những người hầu gái mặc quần áo cho các cháu, nhưng bao giờ cũng do thầy giáo hay trợ lý coi sóc, cho đến khi năm tuổi, các cháu biết mặc quần áo lấy. Nếu các bà vú nuôi tự ý kể cho các cháu gái nghe những chuyện phi lý hay rùng rợn, hoặc giở những trò khỉ ra như thường thấy ở các chi hầu phòng nước chúng ta thì sẽ bị đòn ba lần, công khai, cho mọi người ở thành phố đều biết, bị tù một năm và bị đày đến một nơi khổ nhất của xứ sở. Vì vậy, cũng như các em trai, các em gái thấy xấu hổ nếu bị coi là hèn nhát hoặc hư thân. Các cô gái này đều khinh bỉ sự nguy hiểm và trang sức bề ngoài, nên họ chỉ lo lắng làm sao sống cho lịch sự và sạch sẽ. Tôi không thấy có gì khác biệt lắm trong sự giáo dục con trai và con gái, con gái tập thể dục nhẹ nhàng hơn cung cách làm việc nội trợ được dạy bảo và trình độ học vấn cũng thấp hơn. Họ cho rằng một người đàn bà quý tộc không thể trẻ mãi suốt đời nên bao giờ cũng cần phải là một người biết điều và dễ mến. Khi các cô gái đến tuổi mười hai - là đến tuổi lấy chồng - các cô trở về gia đình với cha mẹ hoặc người đỡ đầu và ít khi những cuộc chia tay giữa cô gái và bạn bè của cô không có nước mắt. Còn cha mẹ hoặc người đỡ đầu thì rất biết ơn những thầy giáo đã dạy dỗ con mình.

Ở những trường dành cho các cháu gái địa vị xã hội thấp hơn, các cháu được học tập tất cả mọi việc hợp với giới tính và tùy theo tầng lớp xã hội. Những cháu nào phải đi học nghề thì rời trường từ năm lên bảy, còn các cháu khác được giữ lại đến năm mười một tuổi.

Mỗi gia đình có con gửi đến trường, ngoài tiền ăn ở đóng hằng năm, được quy định thấp đến mức tối thiểu, còn phải đóng cho trường một phần nhỏ thu nhập hằng tháng, dành dụm làm của hồi môn cho con. Như vậy, luật pháp hạn chế cả các món chi tiêu của các bậc cha mẹ. Người Lilliput quan niệm rằng, không gì bất công hơn là để con ra mà lại bắt nhà nước nuôi nấng, lấy có là cần phải thỏa mãn những nhu cầu của mình. Những người quý tộc gửi mỗi đứa con phải để một số tiền bảo đảm, nhiều ít tùy theo chức vị. Quỹ này được quản lý rất tiết kiệm và công bằng.

Con cái thợ thuyền và dân cày ở nhà với cha mẹ. Nghề của các cháu sau này là cày cấy ruộng vườn, nên đối với họ, sự giáo dục là không cần thiết lắm. Có bệnh viện từ thiện dành cho người nghèo, già cả, ốm đau, nên ở xứ này không hề có ăn mày.

Và bây giờ, có lẽ bạn đọc tò mò muốn biết cuộc sống hằng ngày của tôi ở nước này như thế nào. Vốn tôi là người ưa những công việc chân tay, vả lại do nhu cầu đòi hỏi, tôi đã lấy những cây to nhất trong vườn thương uyển để làm một cái bàn và một cái ghế khá tốt. Hai trăm cô thợ khâu may áo sơ-mi và khâu những khăn trải giường, khăn bàn cho tôi bằng thứ chỉ dai nhất, cứng nhất có thể tìm thấy ở đây. Các cô phải khâu nhiều lớp vải xếp lên nhau, bởi vì thứ vải dày nhất còn mỏng hơn the ở nước chúng ta. Một tấm vải thường rộng ba *inch*, dài ba *foot*. Tôi nằm xuống đất cho các cô đo để may áo. Một cô đứng trên cổ tôi, một ở giữa thân, mỗi cô cầm một đầu cái dây thừng cho cô thứ ba lấy thước đo. Sau đó các cô đo ngón tay cái của tôi, thế là xong. Các cô làm một con tính, tính được vòng cổ tay, dài bằng hai ngón tay cái. Ba trăm thợ may được dùng vào việc may quần áo cho tôi, họ đo bằng cách khác. Tôi quỳ xuống đất, họ bắc thang cao đến cổ. Một người trèo lên thang, dùng dây dọi thả từ cổ xuống đất. Thế là được chiều dài áo khoác. Còn tôi tự đo lấy vòng thân và cánh tay. Việc may quần áo làm ngay ở nhà tôi (bởi vì dù là nhà to nhất của họ, cũng không chứa nổi bộ quần áo này), nhìn bộ quần áo chẳng khác gì những mảnh vá chi chít mà các bà phụ nữ như ở bên Anh vẫn thường làm, chỉ khác một điều là những mảnh vá này đồng màu.

Nấu ăn cho tôi, là ba trăm đầu bếp ở với gia đình họ trong những túp lều dựng quanh nhà tôi. Mỗi người cung cấp hai đĩa thức ăn. Tôi cầm hai mươi người đặt lên bàn, khoảng một trăm



người đứng ở dưới đất, tay cầm đĩa thức ăn, hoặc khiêng những thùng rượu và đồ uống. Những người hầu bàn dùng dây kéo lên rất khéo, như thể chúng ta kéo nước ở giếng. Mỗi đĩa thức ăn, tôi chén vừa đủ một miếng, và mỗi thùng rượu - một hộp khá khá. Thịt cừ không ngon bằng thịt cừ ở nước chúng ta, nhưng thịt bò thì ngon tuyệt. Một lần, tôi được một miếng lườn to kếp sù, ăn đến ba miếng mới hết, nhưng những miếng như vậy rất hiếm. Ngỗng và gà tây cũng mỗi con một miếng ngon lành, phải thú thật rằng thịt ngỗng và gà tây ngon hơn ở nước chúng ta. Còn những con chim thì tôi lấy đầu dao xâu hai mươi hoặc ba mươi con một lúc.

Biết cách sống của tôi như vậy, một hôm đức vua đề nghị tôi vui lòng (vua có nhã ý nói như vậy) để cho vua đến dự bữa cơm với tôi, có cả hoàng hậu, hoàng tử và công chúa nữa. Cả đoàn đến, tôi bung tất cả ngời lên bàn của tôi, kể cả đội cận vệ, Flimnap: quan đại thần giữ kho bạc, cũng có mặt, tay cầm cái gậy trắng ông ta nhìn tôi chẳng có thiện cảm gì cả, nhưng tôi mặc kệ. Tôi ăn nhiều hơn mọi ngày để làm vinh dự cho nước tôi và cũng làm cho họ phải khâm phục. Tôi có những lý do riêng để tin rằng cuộc đi thăm này của nhà vua là dịp để Flimnap làm hại tôi. Ông tổng trưởng này vẫn là kẻ thù giấu mặt của tôi, mặc dù bề ngoài ông ta vẫn tỏ ra ân cần niềm nở khác với cái tính ít nói tự nhiên của ông. Ông ta trình lên đức vua tình hình nguy ngập của kho bạc, khiến ông ta đã phải vay tiền với lãi suất cao, rằng những phiếu công khó đã sụt giá tới chín phần trăm và tôi đã tiêu tốn của nhà vua tới một triệu rưỡi *sprug* (đồng tiền vàng lớn nhất, to bằng hạt tám), và tốt hơn hết nhà vua cần phải tìm cách tống cổ tôi đi.

Ở đây tôi phải bảo vệ danh dự cho một vị phu nhân đáng kính đã vì tôi mà trở thành một nạn nhân vô tội. Vì những lời gièm pha độc địa, ông tổng trưởng sinh ra ghen tuông. Ông ta tưởng vợ ông mê tôi và ở cung đình người ta phao tin là bà ta lén lút đến nhà tôi chơi. Tôi trình trọng tuyên bố rằng đó chỉ là lời vu khống hèn hạ nhất, hoàn toàn không có cơ sở gì, chỉ có điều là bà

ta thích đối xử tự do, thân mật với tôi, điều đó chẳng có gì là tội lỗi. Tôi công nhận bà năng đến chơi nhà tôi, nhưng đến công khai, bao giờ trong xe ngựa cũng có ít nhất là ba người: cô em, con gái và một bạn gái. Tôi yêu cầu những người hầu của tôi khẳng định rằng chưa bao giờ họ thấy một xe ngựa đến cổng nhà tôi mà không biết đó là xe của ai.

Những khi có khách, được tin báo, tôi ra ngay cổng và sau lời chào hỏi, tôi nhắc cả xe và ngựa lên tay, cẩn thận đặt lên bàn, bàn có quây một cái rào hình tròn, cao năm *inch* để đề phòng tai nạn. Nhiều khi tôi có tới cả bốn người và ngựa trên bàn, tôi ngồi ghế, ngả đầu xuống phía khách. Khi tôi nói chuyện với nhóm khách này thì xà ích ngoan ngoãn đưa nhóm khách khác dạo quanh bàn. Nhiều buổi chiều, tôi đã được vui vẻ tiếp khách như vậy. Tôi thách ông tổng trưởng và hai kẻ đưa tin của ông ta (tôi cứ gọi tên ra ở đây, rồi ra sao thì ra) là Clustril và Drunlo đưa ra bằng chứng rằng có người lén lút đến nhà tôi - thì ông bí thư Reldresal, được đức vua đặc phái đến, như tôi đã kể bên trên. Tôi sẽ không kể lễ chi tiết việc này nếu đó không phải là câu chuyện danh dự của một bà phu nhân quý phái có tên tuổi. Mặc dù tôi là một *Nardac*, mà ông tổng trưởng kia mới chỉ là một *glumglum*, như mọi người đều biết, tức là còn kém tôi một bậc - cũng như từ tước công đến tước hầu ở nước Anh. Tuy nhiên tôi công nhận là ông ta có thể lực hơn tôi vì chức vụ nắm tiền bạc của nhà nước. Những tin đồn nhảm ấy khiến ông ta khổ sở vì ghen tuông và căm thù tôi. Ít lâu sau đó, ông ta đã nhận ra là mình đã bị người ta lừa nên đã làm lành với vợ, song ông ta không còn tin ở tôi nữa. Sau đó, tôi nhận thấy cả nhà vua cũng ngày một xa lánh tôi, bởi vì sự thật, ngài đã bị ông tổng trưởng chi phối.



CHƯƠNG 7

Tác giả suýt bị kết án tử hình, vội trốn sang nước Blefuscu. Nước này nghênh tiếp tác giả như thế nào.

Trước khi kể với các bạn việc tôi dời bỏ xứ sở này như thế nào, tôi xin cung cấp cho bạn đọc những tin tức về một âm mưu bí mật từ hai tháng nay, nhằm ám hại tôi.

Cho đến lúc ấy, tôi không biết gì về cuộc sống của cung đình, và do xuất thân thấp kém của mình nên tôi chẳng ưa gì lối sống ấy. Nói thật, tôi đọc và nghe nói không ít về những tính khí thất thường của vua chúa và của các vị tổng trưởng. Song chưa bao giờ tôi có thể tưởng tượng đến những hậu quả ghê gớm ở một xứ sở xa xôi như ở đây, một xứ sở được cai trị - theo tôi nghĩ - bằng những nguyên tắc khác xa những nguyên tắc ở châu Âu.

Trong khi tôi sửa soạn đi thăm vua nước Blefuscu thì một quan đại thần (tôi giúp ông ta một việc trọng đại khi ông ta đã mất hết mọi sự ưu đãi của nhà vua) đến nhà tôi lúc nửa đêm, ngồi trong một cái kiệu bọc kín, và xin phép được vào trong nhà không hề cho biết tên tuổi. Những người khiêng kiệu bị đuổi ra ngoài. Tôi cầm lấy kiệu, có cả quan đại thần ngồi trong, nhét vào túi áo, tôi bảo một người đầy tớ trung thành nói rằng tôi bị mệt và muốn đi ngủ. Tôi khóa trái cửa hai lần, đặt cái kiệu lên bàn, lấy ghế ngồi trước mặt như thường lệ. Sau những lời chào hỏi thông thường, nhận thấy vẻ mặt vị quan đầy lo âu, tôi hỏi ông lý do. Ông bảo tôi phải lắng nghe nghe ông kể lại một câu chuyện có liên quan đến danh dự và cuộc đời tôi. Khi ông ra về tôi tức khắc ghi lại như sau:

"- Ngài cần biết rằng - ông nói - gần đây, nhiều cuộc họp của Hội đồng đã được bí mật triệu tập về việc của ngài. Cách đây hai hôm, đức vua đã quyết định "Không phải là ngài không biết Bolgolam - chức galbet hoặc đô đốc - là kẻ tử thù của ngài ngay từ khi ngài đặt chân lên đất nước này. Nguyên nhân sâu xa của sự thù ghét này thì tôi không biết. Song từ khi ngài chiến thắng quân Blefuscu: làm lu mờ cái địa vị đô đốc của ông ta, sự hằn thù ngày càng tăng. Vị quan ấy cùng với ông Flimnap, quan phụ trách kho bạc, mà mọi người đều biết là rất căm ghét ngài vì việc vợ ông ta, Limtoc, đại tướng, Lalcon, quan thị vệ, và Balmuff, tổng trưởng Bộ tư pháp, đã chuẩn bị buộc ngài vào tội phản bội và những trọng tội khác.

Lời mào đầu ấy làm tôi sốt cả ruột, tôi tự nhận thức rằng mình là người có nhiều công lao và là người vô tội, tôi định ngắt lời ông ta, thì ông ta bảo tôi đừng nói, để ông ta trình bày tiếp:

- Tôi ghi lòng những việc ngài giúp tôi, nên tôi quyết tâm tìm hiểu đầu đuôi vụ án và tìm cách lấy được bản sao. Vì ngài mà tôi sẵn sàng hy sinh cả tính mệnh.

NHỮNG KHOẢN KẾT ÁN

FLESTRIN, NGƯỜI-NÚI

Khoản I

Xét theo quy chế từ triều hoàng thượng Calin Deffar Plune, thì bất cứ ai tiểu tiện bên cạnh cung điện nhà vua đều phải chịu những hình phạt như kẻ phản bội. Xét rằng tên Flestrin coi thường pháp luật ấy lấy lý do dập tắt đám cháy nơi cung điện hoàng hậu, đã phun nước tiểu một cách độc ác, bẩn thỉu và nhơ nhuốc vi phạm quy chế đã được quy định, v.v... vi phạm nhiệm vụ, v.v...

Khoản II

Xét rằng tên Flestrin, sau khi kéo được những chiến hạm nước Blefuscu vào hải cảng và nhận được lệnh hoàng thượng phải cướp tất cả tàu bè khác của nước Blefuscu, biến nước này thành một tỉnh thuộc địa do một phó vương cai trị, lệnh tiêu diệt những người theo "Chủ nghĩa Đầu trứng to" lưu vong và tất cả những kẻ theo tà thuyết này ở Blefuscu nữa, nhưng tên Flestrin đã chống lại hoàng thượng vô cùng anh minh và sáng suốt của chúng ta, hằn như một kẻ phản bội nổi loạn, bằng cách trình lên một bản thỉnh nguyện để từ chối nhiệm vụ, viện lý do rằng hắn ta không thể bắt ép lương tâm, để xóa bỏ tự do và gây nên cái chết của một dân tộc vô tội.

Khoản III

Xét rằng khi đoàn đại biểu nước Blefuscu được phái sang để cầu hòa, chính tên Flestrin đã giúp đỡ, động viên và nói chuyện với đoàn đại biểu, mặc dù hẳn biết chúng chỉ là tôi tớ của một ông vua mới đây còn là kẻ thù công khai của hoàng thượng và gây cuộc chiến tranh chống lại Ngài.

Khoản IV

Xét rằng tên Flestrin, đi ngược lại nhiệm vụ của một thần dân trung thành: hẳn hiện đang sửa soạn một cuộc du lịch sang triều đình Blefuscu, và mới chỉ được hoàng thượng cho phép bằng miệng. Dựa vào lời nói ấy, hẳn có ý định xảo quyệt và phản bội là sang nước láng giềng để giúp đỡ động viên, ủng hộ vua Blefuscu...

Còn mấy điều khoản nữa, nhưng tôi chỉ đọc cho ngài nghe một số đoạn trích quan trọng như trên.

Phải thừa nhận rằng trong các cuộc thảo luận về sự buộc tội này, hoàng thượng đã nhiều lần tỏ ra ôn hòa, nói đến công lao của ngài đã giúp hoàng thượng và có làm giảm nhẹ tội của ngài. Nhưng viên quan coi kho bạc và viên đô đốc đòi kỳ được sẽ tử hình ngài bằng một cách tàn ác và vô liêm sỉ nhất, đó là cách đốt nhà của ngài lúc đêm. Viên đại tướng đã chuẩn bị hai vạn quân được vũ trang bằng tên tẩm thuốc độc để bắn vào mặt và tay ngài. Một số đầy tớ của ngài sẽ nhận được lệnh bí mật vấy một thứ thuốc độc lỏng lên áo sơ mi và khăn trải giường của ngài, làm cho ngài tự xé rách da thịt mình, và ngài phải chết trong sự đau đớn cực độ. Viên đại tướng đồng ý với đề nghị ấy. Cho nên, trong thời gian vừa qua, số đông là chống lại ngài. Nhưng hoàng thượng quyết tâm không để ngài phải chịu tội chết, và đã được ngài thị vệ tán đồng.

Trong khi sự việc diễn biến như vậy thì Reldresal, tổng trưởng Bộ những việc riêng tư, xưa nay vẫn là bạn thân của ngài, được hoàng thượng cho phép nói ý kiến của mình. Ông ta cho rằng ngài là người biết người biết của. Trước hết, ông ta thừa nhận là ngài phạm những tội nặng, song phải dành một phần cho lòng độ lượng và đạo đức cao quý nhất của một ông vua, đạo đức khiến đức vua đã lừng danh bốn biển. Ông ta bảo tình bạn gắn bó ngài với ông ta, mọi người đều biết, và Hội đồng có thể cho lời phán đoán của ông ta là thiên vị, nhưng tuân lệnh hoàng thượng, ông ta cứ nói thật. Nếu hoàng thượng xét công lao của ngài, bao dung độ lượng mà cứu sống ngài, chỉ khoét mắt ngài thôi, thì ông ta cho rằng, bằng cách ấy công lý được bảo đảm và tất cả mọi người đều hoan nghênh lòng nhân từ của hoàng thượng, cũng như những phương thức cao thượng và bao dung của những người được vinh dự làm cố vấn cho hoàng thượng. Ngài bị mù mắt, việc đó không phương hại đến sức khỏe, mà còn có thể có ích cho hoàng thượng, mù mắt chỉ làm cho người ta thêm can đảm, vì người ta không trông thấy những mối nguy hiểm. Khi ấy, đầu óc con người yên tĩnh hơn, nỗi sợ hãi chẳng đã là nỗi khó khăn nhất mà ngài đã phải vượt qua để chiếm được chiến hạm của địch đấy ư, vậy ngài cứ nhìn sự đời qua cặp mắt của người khác (cặp mắt của các vị tổng trưởng) thế là đủ lắm rồi, vì các bậc vua chúa hùng mạnh nhất cũng nhìn theo kiểu như vậy.

Đề nghị này bị toàn thể Hội đồng phản đối. Ông Bolgolam, thủy sư đô đốc, không giấu nổi sự giận dữ. Ông ta hầm hầm đứng dậy, bảo ông ta lấy làm ngạc nhiên khi ông tổng trưởng dám



bày tỏ ý kiến bảo vệ cho một kẻ phản bội. Những việc ngài làm, theo những châm ngôn chân chính của quốc gia, chỉ làm tăng thêm tội của ngài. Bởi vì, ngài đã có gan dập tắt đám cháy bằng một bãi nước tiểu, phun vào dinh thự của hoàng hậu (ông ta tỏ vẻ rất sợ hãi khi nói việc này), thì một lần khác, ngài cũng có thể dùng cách ấy làm lụt cả cung điện. Thêm nữa, sức ngài có thể kéo được hạm đội trở về thì sẽ có thể một lúc nào đó trong cơn tức giận ngài sẽ đem hạm đội ấy trở về chỗ cũ. Ông ta bảo ông ta có nhiều lý do để tin rằng trong thâm tâm ngài theo "*Chủ nghĩa Đầu trúng to*". Sự phản bội bao giờ cũng nảy sinh từ ý nghĩ trước khi biểu hiện thành hành động, nên ông ta coi ngài như một kẻ phản bội. Vì vậy, đòi hỏi ngài phải chịu án tử hình.

Viên quan ngân khố tán thành ý kiến ấy. Ông ta trình bày nền tài chính quốc gia, vì phải nuôi dưỡng ngài, đã kiệt quệ đến mức nào. Tình hình sẽ nguy khốn nếu sử dụng cách khoét mắt ngài, đó không phải là một phương pháp tốt để cứu vãn tình hình tài chính kiệt quệ, mà ngược lại làm tăng thêm phần nguy hiểm, bởi vì rõ ràng là, muốn cho gà vịt ăn nhiều và chóng béo, người ta chọc mù mắt chúng. Hoàng thượng và Hội đồng là những người dùng ra xét xử, đã hiểu rất rõ tội trạng của ngài, điều đó là một lập luận đủ để kết án tử hình mà không cần viện đến những chứng cứ hình thức mà pháp luật cứng nhắc đòi hỏi phải có.

Nhưng đức vua quyết tâm tránh cho ngài án tử hình, nên Ngài có nhã ý nói rằng Hội đồng thấy việc khoét mắt là một hình tội còn nhẹ, sau này có thể tìm thấy những hình tội nặng hơn. Và ông bí thư bạn ngài xin được Hội đồng nghe ông ta nói. Để trả lời những lời buộc tội của viên quan kho bạc về việc nuôi dưỡng ngài tốn kém, ông ta nói rằng quan quản lý là người chịu trách nhiệm về nền tài chính có thể dễ dàng giảm bớt chi phí bằng cách hạn chế thực phẩm cung cấp cho ngài. Như vậy, ngài sẽ thiếu ăn và gầy yếu dần, rồi đến lúc ngài không muốn ăn nữa, ngài sẽ chết dần chết mòn trong vài ba tháng. Như thế, xác ngài thối rữa ra sẽ bớt nguy hiểm, bởi vì nó sẽ nhỏ đi một nửa. Và ngay sau khi ngài chết, năm hay sáu nghìn người có thể róc thịt ngài trong vài ba hôm là xong, rồi mang đi chôn từng miếng cách xa nhau để tránh bệnh dịch hạch, còn bộ xương của ngài thì để cho hậu thế ngắm xem. Thế là, vì tôn trọng tình bạn cao cả của ông bí thư, người ta đi đến một giải pháp dung hòa. Việc làm cho ngài chết dần được tuyệt đối giữ bí mật và quyết định khoét mắt ngài được ghi thành văn bản. Không ai phản đối, trừ ông đồ đốc Bolgolam, đầy tớ của hoàng hậu, người luôn luôn đòi hỏi phải xử tử ngài vì ngài đã dùng cách thấp hèn và không hợp pháp để dập tắt đám cháy.

Nội ba ngày nữa, ông bí thư bạn ngài sẽ đến đây đọc bản án để ngài biết quyết định của hoàng thượng và Hội đồng, và ngài sẽ bị khoét mắt. Hoàng thượng tin rằng ngài sẽ không để cho người ta thi hành bản án một cách ngoan ngoãn, với một tấm lòng biết ơn. Hai mươi nhà phẫu thuật của hoàng thượng sẽ có mặt và chịu trách nhiệm thi hành bản án, ngài sẽ nằm xuống đất và người ta sẽ bắn tên vào hai con ngươi ngài.

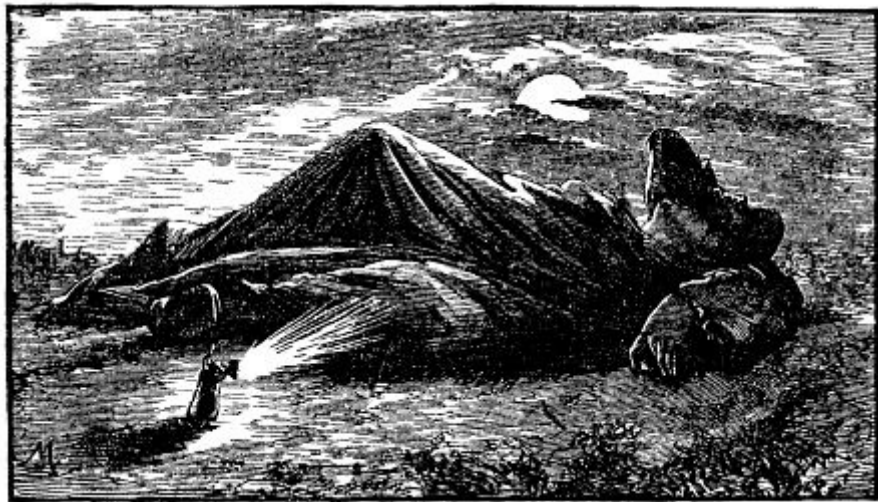
Thôi, để ngài suy nghĩ về cách đối phó, còn tôi, tôi phải bí mật về tức khắc, bí mật cũng như lúc tôi đến đây, để tránh mọi sự nghi ngờ".



Thế là tôi ngồi lại một mình, lòng đầy lo âu và suy nghĩ. Gần đây, đức vua và các ngài tổng trưởng mới đặt ra một tục lệ đặc biệt (rất khác với tập quán ngày xưa - người ta cho tôi biết như vậy). Khi triều đình ban một sắc lệnh tàn nhẫn để thỏa mãn sự tức giận của nhà vua hay lòng độc ác của một kẻ cận thần, vua đọc một bài diễn văn trước Hội đồng, nói đến đức khoan hồng và lòng thương dân của mình, coi đó là một đức tính mà mọi người đều biết và ca ngợi. Bài diễn văn tức khắc được thông báo cho toàn quốc, và nhân dân không sợ gì bằng sợ những lời ca ngợi đức bao dung của nhà vua. Bởi vì, người ta nhận xét rằng, những lời mở đầu càng văn hoa thì sự trừng phạt càng nặng và nạn nhân càng là người không có tội. Nhưng, đối với việc liên quan đến tôi hiện nay, tôi thú thật rằng, vốn không phải là một triều thần và cũng không được hưởng nền giáo dục để làm quan, nên tôi phán đoán không đúng về những sự việc ấy và tôi không thể cho rằng lời mở đầu này là dịu dàng, cao cả, mà ngược lại, tôi thấy nó quá khắt khe (có lẽ tôi lầm chằng). Tôi không nghĩ cách tự bào chữa trước Hội đồng, bởi vì, tôi không thể chối cãi được những sự việc đã ghi trong các điều của bản án, nhưng tôi vẫn hy vọng người ta sẽ công nhận công lao đóng góp của tôi để xét ân giảm. Nhưng trong cuộc đời tôi, tôi đã chứng kiến nhiều vụ án kiểu này, bao giờ cũng kết thúc theo chỉ thị đã được đưa ra của các quan tòa, và theo ý muốn của các vị quyền cao chức trọng, cho nên tôi không dám tin vào quyết định nguy hiểm ấy của mình. Trong tình thế ác liệt này và trước những kẻ thù có thể lực đã có lúc tôi có ý định kháng cự lại, bởi vì tôi còn tự do thì tất cả những lực lượng quốc gia tập hợp lại để gì chống lại nổi tôi, và với mấy hòn đá, tôi có thể dễ dàng phá tan tành cả thành phố. Song, tôi gạt bỏ ngay ý định ấy, bởi vì tôi nhớ lại lời tuyên thệ trước nhà vua và những ân huệ ngài đã ban cho tôi, cũng như danh dự *Nardac* ngài đã ban thưởng. Tôi chưa học được nhiều lắm lòng biết ơn của các bậc triều thần để thấy rằng những đối xử khắc nghiệt hiện nay của đức vua có thể giải phóng tôi khỏi những ân huệ trước kia.

Sau cùng, tôi đi đến một quyết định, chẳng tránh khỏi có đôi chỗ đáng chê trách. Cũng vì táo bạo và thiếu kinh nghiệm, nên khi tôi muốn giữ không để mất đôi mắt, mất cuộc sống tự do và sinh mệnh của mình, tôi đã bất chấp tất cả các sắc lệnh của triều đình. Giả thử lúc đó tôi biết được bản chất các ông vua và các vị tổng trưởng như tôi đã quan sát được ở nhiều triều đình khác, cũng như cách đối xử của họ với những phạm nhân tội nhẹ hơn tôi, thì có lẽ tôi đã dễ dàng chấp nhận hình phạt đáng yêu ấy rồi. Nhưng, thời ấy, tuổi trẻ vốn nóng nảy, và sẵn dịp được phép của đức vua cho sang thăm vua nước Blefuscu, tôi bèn gửi ngay một bức thư cho ông bạn bí thư, báo tin sáng hôm ấy tôi đi Blefuscu, trước khi đợi cho ba ngày trôi qua. Không đợi trả lời, tôi đi về phía hải cảng. Tôi chọn một chiếc chiến hạm lớn, buộc mũi tàu vào một dây cáp, kéo dây neo lên tôi cởi áo đặt lên trên tàu, rồi với một cái chần kẹp ở nách, tôi kéo cái tàu theo sau: khi lội bì bõm, khi bơi trên biển. Tôi đến hải cảng nước Blefuscu, dân chúng đã đứng ở cảng đón tôi từ lâu. Họ cử hai người dẫn đường đưa tôi đến thủ đô cũng gọi là Blefuscu. Tôi cầm hai người trên tay cho đến khi cách cổng thành phố một trăm *fathom*. Tôi bảo họ đi báo tin cho một viên quan rằng tôi đã đến và đang đứng đợi lệnh của hoàng thượng. Một giờ sau, tôi nhận được tin trả lời: Hoàng thượng cùng với hoàng gia sẽ ra tận nơi chào mừng tôi. Tôi tiến lên năm mươi *fathom* nữa. Vua và đoàn tùy tùng xuống ngựa, hoàng hậu và các nữ tì xuống xe, chẳng có ai lộ vẻ sợ sệt hay lo lắng cả. Tôi nằm dài xuống đất để hôn tay đức vua và hoàng hậu. Tôi tâu với ngài rằng, giữ lời hứa của tôi và được phép của đức vua Lilliput, tôi đến đây để được vinh dự gặp một ông vua hùng cường và để phụng sự Người trong những trường hợp không hại đến quyền lợi của vua nước Lilliput.

Tôi sẽ không làm phiền bạn đọc với những chi tiết về cuộc đón tiếp tôi nơi cung đình Blefuscu, xứng đáng với đức độ của một nhà vua hùng mạnh, hoặc những khó khăn tôi đã trải qua vì không có nhà và giường, phải quấn tấm chăn ngủ dưới đất.



CHƯƠNG 8

Gặp dịp may mắn, tác giả dời Blefuscu và, sau mấy phen nguy hiểm yên lành trở về Tổ quốc.

Đến Blefuscu được ba hôm, tôi tò mò đi dạo chơi trên bờ biển đông bắc hòn đảo. Bỗng tôi thấy cách bờ khoảng nửa dặm, có cái gì giống như một cái thuyền lật úp. Tôi cởi giày, tháo bít tất lộ ra xa đến một trăm hay hai trăm *fathom*. Tôi thấy vật ấy bị thủy triều đẩy giạt đến phía tôi và nhận ra đó chính là một cái xuồng, có lẽ bị bão cuốn khỏi tàu, trôi vào đây. Tôi vội quay trở lại triều đình, xin vua cho tôi mượn hai mươi chiếc tàu lớn nhất còn lại sau cuộc bại trận, và ba nghìn thủy thủ, dưới quyền chỉ huy của quan phó thủy sư đô đốc. Đoàn tàu căng buồm ra khơi, còn tôi tìm lối gần nhất tiến ra chỗ cái xuồng. Thủy triều đã đưa chiếc sà-lúp vào gần bờ hơn nữa. Thủy thủ sẵn sàng những dây cáp mà tôi đã quấn với nhau cho thêm chắc. Khi đoàn tàu đến xuồng, tôi cởi quần áo, lội đến cách xuồng độ năm mươi *fathom* rồi tiếp tục bơi. Thủy thủ ném cho một đầu dây, tôi xỏ dây vào một cái lỗ ở mũi xuồng, buộc nút đầu dây kia buộc vào một chiến hạm. Nhưng vì chân tôi không chạm đất nên tôi kéo như thế nào thì xuồng cũng không di chuyển. Thế là tôi bắt buộc phải bơi sau nó, lấy tay đẩy. Nhờ sức thủy triều đang lên mà tôi đẩy được chiếc xuồng vào khá gần bờ, đến lúc nước chỉ đến cằm, chân chạm đất. Tôi nghỉ hai, ba phút, rồi lại đẩy chiếc xuồng cho đến khi nước chỉ còn ngập đến nách. Thế là phần việc khó khăn nhất đã xong, tôi lấy dây cáp chằng ở một chiến hạm, buộc sà-lúp vào chiếc tàu. Kết hợp với gió thổi thuận chiều và thủy thủ ra sức kéo, tôi đẩy cho đến khi sà-lúp chỉ cách bờ hai mươi *fathom*. Đến khi thủy triều xuống và chiếc xuồng đã ở trên cạn, chúng tôi được hai nghìn người, sẵn sàng dây thừng và máy móc, cố hết sức lật ngửa chiếc xuồng lên và thấy nó không hư hại gì mấy.

Tôi sẽ không làm phiền bạn đọc bằng cách kể lể dài dòng những khó khăn trong mười ngày làm mái chèo, để kéo chiếc xuồng vào hải cảng Blefuscu. Dân chúng tụ tập rất đông ở cảng, hết sức khâm phục cái thuyền khổng lồ này. Tôi báo nhà vua rằng số phận may mắn của tôi đã gặp được con thuyền này, nó sẽ chở tôi đến một nơi nào khác để từ đó có thể đưa tôi về quê hương. Tôi xin ngài ra lệnh cho mọi người cung cấp cho tôi nhưng vật liệu cần thiết để trang bị cho con thuyền. Sau cùng tôi xin ngài để cho tôi dời khỏi nơi này. Ngài tỏ ra tiếc nuối nhưng rồi chấp nhận mọi đề nghị.

Tôi rất ngạc nhiên không nghe thấy có thư từ gì của nước Lilliput hỏi tin về tôi. Sau này, người ta cho tôi biết nhà vua không ngờ rằng tôi đã biết dự định của ngài, ngài nghĩ rằng tôi sang Blefuscu để giữ lời hứa sau khi được phép của ngài, điều này ai ai cũng biết và tôi sẽ trở lại sau cuộc đi chơi ấy. Nhưng cuối cùng, đợi mãi không thấy, ngài lo lắng và sau cuộc hội kiến với viên quan quản lý kho bạc và bè phái ông ta, một viên quan đại thần được phái sang Blefuscu đem theo bản sao bản án của tôi. Viên quan này nhận được chỉ thị là phải trình bày đề nhà vua Blefuscu thấy rõ đức độ bao dung của vua Lilliput chỉ trừng phạt tôi bằng cách chọc mù mắt mà thôi, vậy mà tôi đã trốn tránh công lý và nếu tôi không quay trở về sau hai tiếng đồng hồ, tôi sẽ bị tước chức *Nardac* và tuyên bố là kẻ phản bội. Vì đại diện ấy còn nói thêm, muốn giữ gìn việc giao hảo giữa hai nước, vua Lilliput mong muốn vua nước bạn xuống lệnh trối gô tôi lại, đưa tôi về Lilliput để chịu hình tội của một tên phản bội.

Vua Blefuscu thảo luận ba ngày, rồi đưa một bức thư phúc đáp, giọng rất lễ độ và khôn ngoan. Ngài nói rằng, trối chân trối tay tôi gửi trả vua bạn là một việc không thể làm nổi, mặc dù tôi chiếm mất hạm đội của ngài, song ngài vẫn mang ơn tôi đã bênh vực ngài lúc ký kết hòa ước, vả lại, cũng chẳng mấy nữa cả vua hai nước sẽ được yên lòng vì tôi đã thấy một cái thuyền khổng lồ có thể chở tôi ra biển, và ngài đã ra lệnh trang bị chiếc thuyền và dưới sự chỉ bảo của tôi. Do đó, ngài hy vọng rằng, chỉ trong ít tuần lễ nữa, cả hai nước sẽ thoát được một gánh nặng to xù xù ngàn ấy.

Được bức thư phúc đáp, vị đại diện quay về Lilliput. Vua Blefuscu kể cho tôi tất cả mọi chuyện đã xảy ra, đồng thời có nhĩa ý (một cách bí mật) sẵn sàng che chở tôi, nếu tôi muốn ở

lại phụng sự ngài. Tôi nghĩ đó là những lời nói chân thật của ngài, nhưng tôi đã quyết định không được tin một ông vua hay một vị tổng trưởng nào hết. Bởi vậy, tôi xin ngài thứ lỗi cho tôi và tôi thành thực cảm tạ nhã ý của ngài. Tôi nói với ngài rằng, số phận - dù tôi, dù xấu - đã cho tôi gặp được con thuyền nên tôi nhất quyết ra đi, thà lênh đênh trên mặt biển còn hơn là ở lại để trở thành kẻ gây những mối bất hòa giữa hai vị vua hùng mạnh. Câu trả lời này không làm phật ý đức vua, tôi nhận thấy ngài và các vị tổng trưởng hài lòng về quyết định của tôi.

Những sự việc ấy đã khiến tôi quyết định ra đi sớm hơn một chút so với dự kiến, triều đình nóng lòng muốn tôi dời đất nước này nên hăng hái giúp đỡ tôi trong công việc sửa soạn. Năm trăm người được giao nhiệm vụ làm hai cánh buồm, dưới sự chỉ huy của tôi, họ khâu chập mười ba lần vải dày nhất. Tôi chịu khó quần mướn, hai mươi, ba mươi dây cáp và dây thừng của họ lại làm một cho chắc. Sau nhiều buổi tìm kiếm, tôi thấy trên bờ biển một phiến đá để làm neo, tôi lấy mỡ của ba trăm con bò để bôi trơn cho thuyền và dùng vào mấy việc khác. Phải khó nhọc hết sức mới hạ được những cây to nhất để đeo mái chèo và cột buồm, mặc dù tôi đã được các thợ mộc xây dựng dinh thự của nhà vua giúp sức bào, đục, sau khi tôi làm những việc nặng hơn.

Một tháng sau, mọi việc đã xong xuôi. Tôi tâu với hoàng thượng rằng tôi đợi lệnh của ngài và muốn cáo từ ngài. Khi hoàng thượng và hoàng gia đến, tôi nằm xuống và ngài đưa tay cho tôi hôn một cách thân ái. Hoàng hậu và các hoàng tử cũng làm như vậy. Vua tặng tôi năm mươi túi tiền, mỗi túi đựng năm mươi đồng *sprug* có chân dung toàn thân ngài. Tôi cất những túi tiền ấy vào găng tay cho khỏi mất. Buổi lễ tiễn đưa phải dài dòng lắm mới kể hết.

Nói ngắn gọn, tôi mang theo một trăm con bò, ba trăm con cừu, với số bánh và nước uống tương ứng, đó là chưa kể số thịt chín mà bốn trăm người làm bếp cung cấp cho tôi, tôi còn mang theo về nước hai bò đực và sáu bò cái sống, cũng từng ấy cừu đực, cừu cái để cho chúng sinh sôi nảy nở ở nước tôi, tôi mang theo một bó cỏ và một túi lúa mì cho chúng ăn. Tôi rất muốn mang theo mười hai người nước này, nhưng nhà vua không cho phép. Sau khi khám xét túi tôi cẩn thận, ngài bắt tôi lấy danh dự thề là không mang theo một người nào, dù người ấy tình nguyện theo tôi.

Sửa soạn tất cả đầu vào đấy, ngày 24 tháng chín năm 1701, lúc sáu giờ sáng, tôi căng buồm ra khơi. Gió thổi hướng đông nam. Khi đi được bốn dặm về hướng bắc, lúc đó khoảng sáu giờ tối, tôi bỗng thấy một hòn đảo nhỏ cách tôi nửa dặm, về hướng đông bắc. Tôi tiến đến đảo và cắm neo ở nơi khuất gió, hình như đảo không có người ở. Tôi ăn qua loa mấy miếng rồi đi ngủ. Tôi làm một giấc ngon lành ít nhất là sáu tiếng, bởi vì lúc tôi dậy trời đã tảng sáng. Tôi ăn sáng trước khi mặt trời mọc, gió thổi thuận chiều, tôi nhổ neo, vẫn hướng hôm trước mà căng buồm, theo một chiếc la bàn bỏ túi. Tôi có ý định đến một trong những



hòn đảo ở phía đông bắc đất Van Diemen (tức là đảo [Tasmania](#), phía nam châu Úc). Ngày hôm ấy không thấy gì, nhưng hôm sau, khoảng ba giờ chiều, theo sự tính toán của tôi, cách Blefuscu hai mươi tư dặm, tôi thấy một cánh buồm đi về hướng đông nam. Tôi căng buồm chạy thẳng về hướng đông. Tôi gọi họ nhưng vô hiệu. Thuyền tôi lướt rất nhanh. Tôi căng tất cả buồm lên, và độ nửa giờ sau, chiếc tàu trông thấy tôi, nó kéo cò và nổ một phát súng đại bác. Khó mà tả hết được nỗi vui sướng lúc ấy, thật không ngờ một ngày kia tôi sẽ lại được trông thấy Tổ quốc thân yêu và tất cả những thứ mến thương nơi quê hương. Tàu buồm buồm xuống, thuyền của tôi đuổi kịp, lúc ấy khoảng năm, sáu giờ. Đó là ngày 26 tháng chín. Thấy lá cờ nước Anh, lòng tôi vô cùng xúc động. Tôi bỏ đàn bò và đàn cừu vào túi áo ngoài, trèo lên boong tàu với hòm

lượng thực. Đây là một tàu buôn Anh từ nước Nhật trở về, qua các biển Bắc và Nam. Thuyền trưởng là ông John Biddel người miền Deptford, một người rất trung thực và là một thủy thủ tài giỏi. Lúc ấy, chúng tôi đang ở ba mươi độ vĩ tuyến nam. Tàu có chừng năm mươi thủy thủ, may sao trong số đó, tôi nhận ra một người bạn cũ là Peter Williams, anh ta giới thiệu tôi với thuyền trưởng bằng những lời tốt đẹp. Thuyền trưởng tiếp tôi niềm nở, hỏi tôi từ đâu đến và định đi đâu. Tôi kể vắn tắt mấy câu. Nhưng ông la tưởng tôi nói mê, và sau những cơn nguy hiểm, tôi bị loạn óc. Tôi liền móc ở túi ra đàn bò và cừ, lúc bấy giờ ông ta mới hết sức ngạc nhiên và tin lời tôi nói là thật. Tôi đưa cho ông ta xem những đồng tiền vàng có chân dung đức vua mà vua Blefuscu đã tặng tôi, và mấy thứ đồ lạ lùng khác. Tôi tặng ông ta hai túi đựng hai trăm *sprug* và hứa, khi đến nước Anh tôi sẽ tặng ông ta một con bò và một con cừ cái.

Tôi sẽ không kể với bạn đọc những chi tiết cuộc hành trình này, nói chung là tốt. Chúng tôi đến bờ biển Kent ngày 13 tháng tư năm 1702. Dọc đường chỉ có một việc không may đáng phàn nàn, đó là chuột tha mất của tôi một con cừ, tôi đi tìm thì chỉ còn lại mấy cái xương tróc sạch thịt còn sót trong một cái lỗ trên sàn tàu. Đàn bò và cừ còn lại cập bến an toàn, tôi chẵn chúng trên một cái sân chơi bóng ở Greenwich, cỏ ở đây rất mịn, đàn súc vật tha hồ ăn. Trong một chuyến đi dài ngày như vậy nếu ông thuyền trưởng không cho tôi mấy chiếc bánh bích quy để tôi nghiền thành bột, trộn với tí nước cho đàn súc vật ăn thì chắc chắn chúng chẳng còn sống sót để về tận nước Anh. Trong thời gian ít ỏi tôi ở lại nước Anh, tôi kiếm được một số vốn bằng cách đem triển lãm cho các ngài quý tộc và nhân dân xem đàn súc vật, và trước khi đi chuyến du lịch thứ hai tôi bán tất cả được sáu trăm *sterling*. Gần đây sau cuộc hành trình cuối cùng trở về, tôi được thấy đàn súc vật đã tăng lên rất nhiều, nhất là cừ, và tôi ước mong các xí nghiệp làm len sẽ phát đạt vì lông cừu mịn lắm.

Tôi ở với vợ con chỉ được hai tháng, lòng ham muốn được thăm các nước khác không cho phép tôi ở nhà lâu hơn. Tôi để lại một nghìn rưỡi *sterling* cho gia đình và chuyển về một căn nhà tương tất tại Redriff. Tôi mang theo số tiền còn lại và ít hàng, mong làm giàu thêm. Tôi còn được hưởng ít đất của chú John để lại gần Epping, mỗi năm thu được lợi tức độ ba mươi *sterling*, tôi có thêm món tiền cho thuê cửa hàng cơm "Bò Đen" ở Fetter-Lane, mỗi năm lợi tức gấp đôi. Vì vậy, tôi không phải lo nghĩ về việc gia đình có thể bị thiếu thốn trong thời gian tôi đi vắng. Con trai tôi là Johnny - lấy tên theo tên chú tôi - là một đứa bé thông minh, học trường trung học. Con gái tôi là Betty (nay đã có chồng con) học nghề may. Tôi từ biệt vợ và hai con, cả nhà chẳng ai cảm được nước mắt. Chuyến này, tôi đi tàu Phiêu Lưu một chiếc tàu buôn ba trăm *ton*¹⁰, đi Surat, do thuyền trưởng John Nicholas ở Liverpool chỉ huy. Tôi dành câu chuyện du lịch này cho phần thứ hai của cuốn sách.





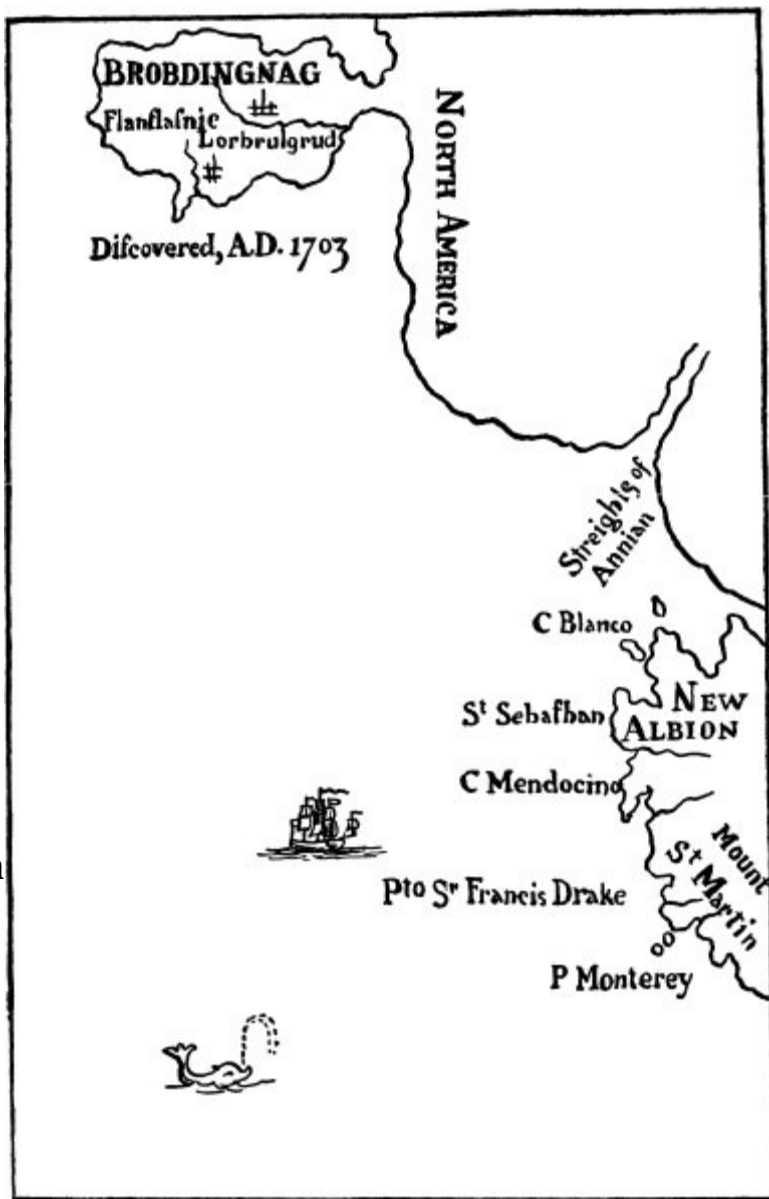
CHƯƠNG 1

Một trận bão lớn - Chiếc xuồng đi tìm nước ngọt – Tác giả thăm dò hòn đảo, bị bỏ quên trên đảo - Tác giả bị một thổ dân bắt và đưa về nhà một chủ trại - Cuộc đón tiếp và những chuyện sau đó - Miêu tả dân cư trên đảo.

Do bản chất tôi và do số mệnh đầy ải vào cuộc đời hoạt động, sóng gió, nên hai tháng sau, tôi lại dòi Tổ quốc. Ngày 20 tháng sáu năm 1702, tôi đến Downs¹¹, trên con tàu Phiêu Lưu, để đi Surat. Thuyền trưởng là John Nicholas, người vùng Cornwall. Gió thuận chiều đưa chúng tôi đến mũi Hảo Vọng, chúng tôi cho tàu cập bến để lấy nước ngọt. Nhưng gặp một cơn nước, chúng tôi phải bốc hàng lên bến và ở trên tàu suốt mùa đông ấy, bởi vì thuyền trưởng bị sốt nặng và chúng tôi phải đến cuối tháng ba mới nhổ neo được. Thế rồi buồm lại giương lên và cuộc hành trình được êm ả đến eo biển Madagascar. Nhưng khi chúng tôi đến phía tây bắc đảo này, khoảng năm độ vĩ tuyến nam, những cơn gió trong vùng biển này vốn vẫn thổi theo hướng tây bắc từ đầu tháng chạp đến đầu tháng năm, nhưng ngày 19 tháng tư bỗng nổi lên dữ dội, theo hướng tây, và cứ như vậy trong hai mươi ngày liền. Trong thời gian đó, chúng tôi bị gió đẩy đi hơi xiên về phía đông đảo Molucca. Theo sự tính toán của thuyền trưởng, ngày 2 tháng năm chúng tôi ở vào ba độ vĩ tuyến bắc. Bỗng nhiên, gió ngừng thổi, trời yên biển lặng, tôi nhẹ nhõm cả người. Nhưng thuyền trưởng, vốn là người từng trải trên vùng biển này, ra lệnh cho chúng tôi chuẩn bị chống bão. Quả nhiên, điều đó đã xảy ra, bão nổi lên, những cơn gió nồm - gọi là gió mùa - bắt đầu thổi.

Để đề phòng gió thổi mạnh, chúng tôi xiết chặt lá buồm vuông và sẵn sàng ghì chặt lá buồm lớn ở mũi tàu. Những trận gió nổi lên ngày càng mạnh, các khẩu đại bác vững vàng, chúng tôi xiết chặt hơn nữa lá buồm lái vào đó. Chúng tôi đang ở xa bờ biển, có lẽ nên mở tốc độ vượt trước cơn gió hơn là lẩn tránh biển động và thu những cánh buồm lại. Chúng tôi lấy nẹp buồm, nẹp cánh buồm mũi tàu, buộc chặt dây lèo cột hai góc buồm dưới, mặc cho con tàu phóng theo chiều gió lộng. Tàu lướt đi rất dũng cảm. Nhưng gió lớn quá nên lá buồm tam giác ở mũi tàu bị xé rách ngay tức khắc chúng tôi hạ cột buồm, kéo tất cả các cánh buồm xuống, cắt tất cả mọi dây lèo. Một trận bão khủng khiếp. Biển lồng lên, lạ lùng và hung bạo. Chúng tôi kéo mạnh tay lái và giúp thủy thủ cầm bánh lái. Chúng tôi không muốn chặt cột buồm chính, bởi vì cột buồm này sẽ giúp con tàu đi theo sóng biển và đứng vững, như vậy con tàu cứ thế trôi đi. Khi cơn bão đã dịu, chúng tôi cuốn tất cả những lá buồm cho tàu đứng lại. Cánh buồm mũi, cánh buồm lớn, cánh buồm lái và cánh buồm vuông được hạ xuống hết. Vì tàu chúng tôi đang đi theo hướng đông - đông bắc, mà gió thổi lại từ hướng nam sang hướng tây.

Sau trận bão, một trận gió mạnh thổi từ hướng tây sang hướng tây nam, theo tôi dự tính thuyền chúng tôi bị kéo khoảng chừng năm trăm dặm về phía đông, thành thử những thủy thủ



hiều tuổi và có kinh nghiệm nhất trên tàu cũng không biết được hiện nay bọn tôi đang ở vùng nào trên thế giới. Tuy nhiên trên tàu không thiếu lương thực, tàu còn vững chắc, thủy thủ khỏe mạnh, chỉ phải cái là thiếu nước ngọt. Chúng tôi nghĩ cứ nên tiến theo hướng đó còn hơn là đi về hướng bắc, vì như vậy có thể sẽ đến vùng tây bắc đảo Great Tartary và Băng Hải.

Ngày 16 tháng sáu 1703, một thủy thủ leo lên cột buồm báo tin phía trước có một dải đất. Ngày 17, chúng tôi nhìn rõ hơn, đó là một hòn đảo lớn hay một lục địa nào đấy và ở phía nam có một dải đất hẹp chạy ra ngoài biển, song nông quá, một chiếc tàu trên một trăm *ton* không vào được. Chúng tôi thả neo cách cái vịnh nhỏ này một dặm, thuyền trưởng cho mười hai thủy thủ vũ trang đầy đủ xuống để đi lấy nước ngọt. Tôi xin được đi cùng với họ để tìm hiểu xứ sở này và để xem có gì lạ không. Đến đất liền, chẳng thấy sông, suối, cũng chẳng thấy dấu vết người. Mọi người đi tìm nước ngọt không xa bờ lắm, còn tôi thơ thẩn đi một mình vào phía trong độ một dặm, ở đó toàn là đất trọc và đá lởm chởm. Tôi thấy mệt và chẳng có gì hấp dẫn nên liền quay trở ra bờ biển. Lúc nhìn thấy biển cũng là lúc tôi thấy đoàn thủy thủ đã ở trong xuồng chèo hết sức vội vàng ra phía con tàu như để thoát chết. Tôi định cất tiếng gọi - tuy biết là chẳng ích lợi gì - thì bỗng thấy một người khổng lồ đang đuổi theo họ ra biển. Người ấy bước dài ghê gớm, nước lội đến quá đầu gối. Nhưng đoàn thủy thủ chạy trước con quỷ ấy chừng nửa dặm, đáy biển lởm chởm những đá nhọn, nên người ấy đành quay trở lại. Sau này tôi mới rõ câu chuyện, bởi vì lúc đó tôi đâu dám nhìn cảnh tượng ghê gớm ấy, tôi lấy hết sức bình sinh co cẳng chạy, rồi leo lên một quả đồi dốc để có thể nhìn bao quát cả vùng này. Tôi thấy đất đai trồng trọt ở đây rất tốt, song trước hết tôi rất ngạc nhiên thấy cỏ ở đây cao lạ lùng, hình như trồng để làm nệm, nó cao tới hai mươi *foot*.

Tôi đến một con đường mà tôi cho là to lắm nhưng sự thật người dân ở đây chỉ cho là một lối hẻm chạy qua ruộng lúa mạch. Tôi lần bước theo con đường nhưng chẳng nôm rõ cái gì, bên phải cũng không, bên trái cũng không, bởi vì những bông lúa cao tới chín mươi *foot* che khuất tất cả. Phải mất một tiếng đồng hồ tôi mới đến được đầu ruộng lúa, ở đó có một hàng rào cao tới một trăm hai mươi *foot* bao quanh, các cây làm hàng rào thì cao vợi vợi không thể ước là bao nhiêu *foot* nữa. Muốn đi từ thửa ruộng này sang thửa ruộng khác người ta phải qua một cái cửa có bốn bậc, trên cùng là một phiến cao đá to tướng. Tôi không thể nào vượt qua cái cửa ấy được, bởi vì mỗi bậc cao không kém sáu *foot* và phiến đá cao tới hai mươi *foot*. Lúc tôi thấy một thổ dân từ cánh đồng bên cạnh sắp sửa bước qua cái cửa, tôi vội tìm một cái lỗ trong hàng rào để nấp. Ông ta cũng to bằng người tôi đã trông thấy ở ngoài bờ biển đuổi theo cái xuồng. Ông ta cao như cái gác chuông, mỗi bước chân dài tới năm *fathom*. Tôi vừa kinh ngạc vừa khiếp đảm, vội lần chạy vào ruộng lúa mạch, từ đấy tôi nhìn ra thấy ông ta trèo lên bậc cửa, nhìn sang bên phải rồi gọi một tiếng, tiếng gọi oang oang, to hơn tiếng loa, âm nó vang lên tận trời, khiến tôi tưởng như tiếng sét đánh. Tức thì bảy người kỳ dị như ông ta tiến lại gần, tay cầm cái liềm to bằng sáu lưỡi hái lớn. Những người này ăn mặc không được lành lặn và sang trọng bằng người trước, hình như họ là những người đầy tớ hoặc kẻ ăn người làm trong trang trại. Ông ta nói mấy tiếng và những người



kia vào cánh đồng lúa mạch tôi đang nấp để cắt lúa. Tôi cố hết sức chạy cho thật xa nhưng thật là khó khăn, bởi vì những thân lúa cách xa nhau chưa đến một *foot*, cho nên tôi khó lòng lẩn trốn được. Song, tôi cứ luồn đi, đến lúc tới khoảng ruộng lúa bị mưa và gió dập ngã. Đến đây thì không thể lách lên nổi một bước. Thân lúa mắc vào nhau rối tung, tôi không sao bò trườn được, lòng những bông lúa gãy cứng và sắc, đâm thủng quần áo, chọc vào da thịt tôi. Lúc ấy, tiếng gặt lúa chỉ còn ở phía sau tôi chưa đến năm mươi *fathom*. Gắng hết sức mà vẫn không được, tôi rầu rĩ cả ruột và thất vọng, tôi nằm xuống cái rãnh giữa hai luống cày, mong sao được chết ngay lúc này. Tôi khóc và nghĩ đến người vợ góa thui thủi một mình và những đứa con mồ côi cha. Tôi tự oán trách thói điên rồ của tôi, tính bướng bỉnh của tôi, cứ khăng khăng đòi đi chuyển du lịch thứ hai này mà bất chấp bạn bè, họ hàng đều phản đối. Trong lúc tâm trí hoang mang dữ dội như thế, tôi chẳng thể không nghĩ đến nước Lilliput và dân chúng ở đây nhìn tôi như một sự kỳ diệu chưa từng thấy trên đời. Ở nơi ấy tôi chỉ cần một tay là kéo được cả một hạm đội hoàng gia, và đã lập nên những chiến công hiển hách có thể ghi vào lịch sử biên niên của vương quốc và hậu thế khó lòng tin được, tuy đã có hàng triệu người chứng kiến. Tôi nghĩ đến sự tủ nhục vì sẽ bị những người khổng lồ xứ này coi mình chẳng mùi mẫn gì như chúng ta đã coi khinh người Lilliput vậy. Nhưng điều đó chẳng đáng khổ tâm mấy chút, bởi vì sự dã man và tàn nhẫn của con người là tương ứng với thể xác người ta. Vậy tôi còn chờ mong được gì ở những người man rợ này, nếu không là bị nuốt trôi một miếng, khi có người thấy tôi. Tất nhiên các triết gia có lý khi nói rằng cái to, cái nhỏ cũng chỉ là vấn đề so sánh mà thôi. Số mệnh rất có thể làm cho người Lilliput gặp được giống người nhỏ như là người Lilliput so sánh với chúng ta. Và, biết đâu, giống người khổng lồ ở đây lại có thể là nhỏ so với giống người ở một nơi khác nên thế giới mà chúng ta chưa biết tới.

Tôi kinh sợ và hoảng hốt quá nên không thể không nghĩ lan man như vậy. Lúc ấy, một người thợ gặt tiến đến cách chỗ tôi nấp năm *fathom*, chỉ một bước nữa là tôi bị đâm bẹp gí hoặc bị lưỡi liềm cắt làm đôi. Bởi vậy, lúc ông ta sắp bước tới, tôi thu hết sức lực còn lại, hét lên một tiếng. Người khổng lồ dừng lại ngay, chăm chú nhìn quanh, cuối cùng trông thấy tôi. Ông ta thận trọng nhìn kỹ một lúc, như kẻ muốn chớp một con vật nguy hiểm, cho khỏi bị nó cào hoặc cắn, như ngày xưa ở nước Anh tôi bắt con cầy vậy. Sau cùng, ông ta đánh liều lấy ngón tay cái và ngón trỏ tóm lấy tôi ở phía sau, ngay giữa lưng, rồi đưa lên cách con mắt một *fathom* để nhìn cho rõ. Tôi đoán biết ý ông ta, và cũng nhanh trí, không giãy giụa gì hết, tay ông ta bóp chặt lấy bụng tôi rất đau vì sợ tôi tuột mất. Lúc ấy, tôi ở lơ lửng trên không, cách mặt đất có tới sáu mươi *foot*. Tôi chỉ dám đánh liều ngước mắt lên trời, hai tay chấp lại như nài van, miệng thì thảm mấy tiếng năn nỉ và tuyệt vọng, đúng như hoàn cảnh bắt buộc tôi phải làm như vậy. Bởi vì lúc nào tôi cũng lo ngại ngay ngáy bị ông ta quăng xuống đất như chúng ta thường vứt những con vật ghê tởm. Nhưng phúc đức làm sao, ông ta ngạc nhiên, ra vẻ thú vị vì tiếng nói và cử chỉ của tôi. Thoạt tiên, ông ta nhìn tôi kinh ngạc. ông ta rất thú vị khi thấy tôi nói đôi ba tiếng mặc dù ông ta không hiểu gì hết. Lúc đó, tôi không thể ngăn được những tiếng rên rĩ và khóc lóc, tôi quay đầu nhìn xuống bụng để bảo cho ông ta biết những ngón tay của ông ta bóp tôi đau quá. Chắc hẳn ông ta



hiếu, bởi vì ông ta nâng một vật áo lên, nhẹ nhàng đặt tôi vào trong. Thế rồi, ông ta chạy nhanh về phía ông chủ - người chủ trang trại giàu có mà lúc này tôi thấy trên cánh đồng.

Theo tôi đoán, sau khi trao đổi vài điều về tôi với người thợ gặt, ông chủ trại lấy một cọng rơm, to bằng cái gậy lật vật áo tôi lên, hình như ông ta cho quần áo tôi là một bộ lông tự nhiên của súc vật. Ông ta thổi tóc tôi lên, để trông cho rõ mặt. Ông ta gọi gia nhân đầy tớ lại, hỏi xem có ai trông thấy con vật này ở cánh đồng bao giờ chưa - mãi sau này tôi mới được nghe kể lại như vậy. Thế rồi, ông ta khề đặt tôi xuống đất như đặt một con vật bốn chân, nhưng tôi đứng thẳng ngay dậy, từ từ đi lại để mọi người biết rằng tôi không có ý định chạy trốn. Họ ngồi cả xuống thành một vòng tròn quanh tôi để nom cho rõ những cử chỉ của tôi. Tôi bỏ mũ ra, chào ông chủ trại rất cung kính. Tôi quỳ xuống, hai tay giơ lên, mắt nhìn ông ta cất tiếng rõ to hét lên mấy tiếng. Tôi lấy ở túi ra mấy đồng tiền vàng và kính cẩn tặng ông ta. Ông ta đỡ lấy trong lòng bàn tay, để sát tận mắt nhìn xem là cái gì, ông ta lấy đầu cái đinh ghim (cái sẵn trên ống tay áo) lật đi lật lại, song không biết là cái gì. Tôi ra hiệu cho ông ta xòe bàn tay dưới đất, rồi lấy túi tiền dốc cả vào tay ông ta. Có cả thấy sáu đồng tiền vàng Tây Ban Nha, mỗi đồng bốn *pistol*¹², và hai ba chục đồng tiền nhỏ. Tôi thấy ông ta nhấp nước bọt vào đầu ngón tay út, nhấc đồng tiền to nhất lên, - rồi một đồng nữa. Hình như ông ta hoàn toàn không biết đó là cái gì. Ông ta ra hiệu cho tôi cất tiền vào túi áo tôi khẩn khoản nói mãi để ông ta nhận cho, nhưng sau cùng, tôi nghĩ nên giữ lại là hơn. Lúc này, ông chủ trại cho tôi là một con vật biết điều. Nhiều lần, ông ta nói chuyện với tôi, nhưng tôi ù cả tai như nghe tiếng cối xay nước. Tuy vậy, ông ta nói rõ từng tiếng một. Tôi lấy hết sức lực đáp lại bằng mọi thứ tiếng mà tôi biết, nhiều lần ông ta ghé tai cách miệng tôi một *fathom* để nghe cho rõ nhưng chẳng có hiệu quả gì, bởi vì chúng tôi không hiểu được ngôn ngữ của nhau. Ông ta bảo thợ gặt tiếp tục công việc rồi lấy ở túi ra cái khăn mùi soa, gấp đôi lại, phủ lên tay trái, ông ta đặt sát bàn tay xuống đất ra hiệu cho tôi trèo lên. Tôi leo lên một cách dễ dàng bởi vì bàn tay cao chưa đến một *foot*. Tôi nghĩ nhiệm vụ của tôi lúc này là phải tuân theo lệnh của ông ta. Tôi sợ ngã nên nằm dài xuống, ông ta bịt kín chiếc khăn đến tận đầu tôi cho cẩn thận, rồi cứ thế đem về nhà. Đến nhà, ông ta gọi vợ ra cho xem, bà vợ rú lên một tiếng rồi chạy biến mất, như kiểu ở bên Anh các bà trông thấy con cóc hay con nhện. Song, lúc sau, thấy cử chỉ, dáng điệu của tôi, lại thấy tôi chăm chú làm theo những hiệu lệnh của chồng, bà ta bị chinh phục dần và tỏ ra rất thích thú.

Khoảng giữa trưa, chị hầu dọn bữa ăn - một món thịt ngon lành - như ở mọi nhà nông dân, được đựng trong một cái đĩa có đường kính độ hai mươi tư *foot*. Gia đình gồm hai vợ chồng ông chủ trại, ba con và bà mẹ già. Cả nhà ngồi vào bàn ăn, ông chủ đặt tôi gần ông, trên cái bàn cao chừng ba mươi *foot*. Tôi sợ chết khiếp chỉ lo ngã xuống đất, nên ngồi hết sức xa mép bàn. Bà chủ lấy một miếng thịt, bằm nhỏ ra và bóp vụn một tí bánh mì để trong cái đĩa bằng gỗ đặt trước mắt tôi. Tôi kính cẩn cúi chào, lấy dao và đĩa ra ăn, cả nhà tỏ ra rất thích thú. Bà chủ sai chị đầy tớ đi lấy một chén rượu nhỏ, đựng được chừng ba gallon¹³ và rót cho tôi uống. Khó nhọc lắm tôi mới bung nổi cái chén bằng hai tay. Tôi hét lên bằng tiếng Anh để chúc sức khỏe bà chủ, khiến cả nhà phá lên cười vui vẻ làm tôi ù cả tai. Thứ rượu này giống như rượu chát, uống không tẻ lắm. Sau đó, ông chủ gọi tôi lại gần đĩa thức ăn của ông, lúc ấy tôi hoảng hốt quá nên (bạn đọc sẵn lòng hiểu và tha thứ cho tôi nhé) vấp phải một mẩu bánh và ngã lăn chiêng xuống bàn, nhưng không sao cả. Tôi đứng dậy ngay, thấy mọi người lo lắng, tôi liền lấy cái mũ vắn kẹp dưới tay ra, quay tít trên đầu mấy vòng và hét lên mấy tiếng để chứng tỏ rằng tôi không việc gì cả. Nhưng khi tôi tiến đến gần ông chủ, cậu bé ngồi cạnh bố - một cậu con trai tinh nghịch độ lên mười - tóm lấy hai cẳng tôi giơ lên trời làm tôi run lên bần bật. Ông bố giằng lấy tôi. Tát một cái mạnh vào má trái con, cái tát đó có thể lật úp cả một đoàn kỵ binh châu Âu, rồi bắt cậu ta đi chỗ khác. Tôi sợ cậu ta thù tôi, và nhớ lại những hành động tàn nhẫn vốn có của trẻ con thích hành hạ chim, thỏ, mèo con, chó con, tôi liền quỳ xuống, tay chỉ cậu bé có tội, cố hết sức ra hiệu cho ông chủ biết tôi mong muốn ông tha tội cho cậu bé. Ông bố bằng lòng, cậu bé lại ngồi vào bàn ăn, tôi đến gần cậu, hôn tay cậu, ông bố nắm lấy bàn tay ấy vuốt ve tôi rất âu yếm.

Giữa bữa trưa, con mèo quý nhất của bà chủ nhảy tót lên lòng bà. Bỗng tôi nghe thấy, ở phía sau, tiếng ầm ầm giống như tiếng hàng chục khung cửi đang chạy, ngoảnh đầu lại, mới biết đó chỉ là tiếng con mèo đang khò khò. Cứ nhìn cái đầu và cái chân nó lúc bà chủ cho nó ăn và vuốt

ve nó, tôi thấy nó phải to gấp ba con bò. Mặc dù tôi ở phía đầu này cái bàn và bà chủ vẫn ôm chặt nó, vì sợ nó nhảy xổ vào tôi mà cào cấu, nhưng cái vẻ dữ tợn của nó vẫn làm tôi hết vía. Tuy nhiên chẳng có việc nguy hiểm gì xảy ra vì nó chẳng thèm nhìn đến tôi, ngay cả khi ông chủ đặt tôi bên cạnh nó. Người ta thường nói và kinh nghiệm cũng đã chứng minh là: hễ tỏ ra sợ sệt và bỏ chạy được một con vật dữ tợn thì khác nào khiêu khích nó, cho nên tôi quyết định trong trường hợp nguy nan này, phải hết sức kiên quyết, không hề tỏ ra lo lắng. Thế là tôi dùng cảm đi qua đi lại nhiều lần trước mặt nó, và có lần lại gần cách nó chưa đến một *foot*. Nó lùi lại, ra ý sợ tôi nữa. Khi ba, bốn con chó vào phòng - như thường lệ trong một ấp trại - tôi đỡ sợ hơn. Một con là chó giữ nhà, to bằng bốn con voi, con thứ hai là con chó săn, cao hơn nhưng gầy hơn.

Bữa ăn gần xong, chị vú nuôi bế một chú bé được một năm vào phòng. Vừa thấy tôi, chú bé thét lên, cách từ London-Bridge đến Chelsea¹⁴ cũng có thể nghe thấy được, nó đòi với lấy tôi như một cái đồ chơi. Bà mẹ muốn chiều con, cầm lấy tôi đưa cho chú bé, chú bé nắm giữa người tôi và định đưa vào mồm. Tôi hoảng quá, thét lên, chú bé sợ hãi buông tôi ra và nếu bà mẹ không kịp lấy cái tạp-dề hứng tôi hẳn tôi đã ngã gãy xương. Chị vú nuôi dỗ thằng bé bằng cách đưa cho nó một đồ chơi to bằng cái thùng ton-nô, trong đựng đầy đá, có dây cáp buộc vào mình. Nhưng thằng bé cứ khóc, chỉ còn cách là cho nó bú. Phải thú thật rằng suốt đời chưa có gì làm tôi phát kinh lên bằng khi trông thấy cái vú to tướng như thế. Chẳng biết ví von với cái gì để bạn đọc hình dung được bề to, hình thù và màu sắc của nó, nó cao đến sáu *foot*, đường chu vi không kém mười sáu *foot*. Núm vú to bằng nửa cái đầu tôi, màu sắc nó cũng như những vùng xung quanh thì lốm đốm nhiều vết thâm và nhiều u cục lộn xộn như những cái mụn nhọt, khiến cho tôi khi nhìn thấy nó mà thấy rùng hết cả người. Cảnh tượng này khiến cho tôi liên tưởng rằng, nước da các quý bà ở ta trông mịn màng đẹp đẽ như vậy thì chẳng qua là do vóc dáng người họ nhỏ bé như chúng ta mà thôi, quả là vậy, vì nếu đem kính hiển vi ra mà soi thì dù những đường nét tươi tắn nhất, mịn màng nhất cũng hiện ra thô lỗ và nhọt nhọt.

Tôi còn nhớ, hồi còn ở Lilliput, nước da của những người dân nhỏ bé ở đây, tôi cho rằng nó mịn màng nhất thế giới này. Có lần tôi nói chuyện này với một người bạn thân, có học thức, ông ta bảo khi ông đứng dưới đất nhìn lên thì da mặt tôi có vẻ mịn hơn và trơn tru hơn là khi tôi cầm ông ta trên tay để ông ta nhìn tôi gần hơn, lúc ấy, tôi thật đáng kinh tởm. Ông ta bảo ông ta có thể nhìn thấy những lỗ to tướng trên da tôi, râu tôi to gấp mười lông tê giác, da tôi thì lấm lốm, lấm sẫm, trông chẳng đẹp tí nào. Nhưng tôi có thể khẳng định với các bạn rằng da tôi cũng mịn không kém da đồng bào xứ sở tôi, và tôi đi du lịch nhiều, nên da tôi xạm đi đôi chút, tôi tự bào chữa cho mình như vậy. Mặt khác, khi nói đến các vị phu nhân nơi cung đình, ông bạn của tôi vẫn thường bảo bà này có tàn hương, bà kia môi quá dày, bà khác thì mũi tẹt, nhưng tôi không hề nhận ra. Thú thật rằng những ý nghĩ ấy là lẽ tất nhiên, song tôi cần phải ghi lại ở đây, e có bạn tưởng rằng những người khổng lồ ở xứ sở này là những người dị dạng. Nói cho công bằng, phải khẳng định đó là một giống người rất đẹp. Ông chủ tôi, tuy chỉ là một chủ trại bình thường, nhưng có những nét rất cân đối khi tôi ngắm nhìn ông ta từ trên cao sáu mươi *foot*.

Khi bữa ăn vừa xong, theo giọng nói và cử chỉ của ông chủ, tôi hiểu rằng ông ra đồng với thợ và giao cho vợ trách nhiệm trông nom tôi thật cẩn thận. Tôi mệt quá, lại buồn ngủ, bà chủ biết thế, liền đặt tôi nằm ở ngay giường bà, lấy chiếc khăn mùi soa sạch làm chăn, cái chăn rộng hơn và cứng hơn lá buồm của một chiến hạm.

Tôi ngủ chừng hai giờ và nằm mơ thấy mình đang ở nhà với vợ con. Giấc mơ làm tôi bùi ngùi trong dạ. Tôi nằm một mình, trơ trọi trong căn buồng rộng mênh mông, bề rộng tới hai, ba trăm *foot*, cao tới hai trăm *foot*, tôi nằm lọt thỏm trong cái giường rộng mười *fathom*. Bà chủ bận việc dọn dẹp trong nhà, để tôi nằm đó, khóa trái cửa lại. Giường cao tới bốn *fathom*. Vì nhu cầu tự nhiên và cấp thiết nên tôi muốn tụt xuống đất, nhưng tôi không dám gọi, mà dù có gọi cũng không ai nghe thấy tiếng vì tôi nhỏ mà nơi mọi người nghỉ ngơi lại xa. Giữa lúc ấy có hai con chuột leo trên búi rơm rồi chạy lung tung lên giường, ngửi ngửi, hít hít khắp nơi, một con gí mũi gần sát mặt tôi. Tôi khựng khiếp đứng phắt dậy, rút kiếm ra để tự vệ. Hai con vật đáng sợ ấy dám cùng một lúc tiến công tôi từ hai bên, một con lấy hai chân trước chẹn cổ tôi, nhưng

may mắn làm sao, tôi đã kịp đưa lưỡi kiếm chọc được vào bụng nó trước khi nó cắn xé tôi, con chuột ngã lặn chiềng dưới chân tôi, con kia, trước sổ phận của bạn, liền chạy trốn, nhưng không thoát khỏi một lưỡi kiếm rạch toạc ngang lưng, máu chảy lênh láng. Sau chiến công ấy, tôi đi đi lại lại trên giường cho hoàn hồn và lấy lại hơi sức. Chuột to bằng con chó săn, nhưng nhanh và hung dữ hơn nhiều, thành thử, nếu tôi mà cắt chiếc thắt lưng và thanh kiếm trước khi ngủ, chắc chắn tôi đã bị xé ra từng mảnh và bị nhai ngấu nghiến. Đuôi con chuột bị giết dài chỉ kém một *inch* là đầy một *fathom*, nhưng tôi không đủ can đảm kéo xác nó ra khỏi giường, đành mặc cho máu nó cứ tuôn ra, thấy nó chưa chết hẳn, tôi hóa kiếp cho nó bằng một nhát kiếm bổ vào đầu.

Một lúc sau, bà chủ vào, thấy tôi vấy đầy máu, vội chạy lại, hai tay cầm lấy tôi. Tôi chỉ con chuột, miệng mỉm cười, và bằng nhiều điệu bộ khác, tôi làm cho bà ta biết tôi không sao cả. Bà ta rất sung sướng, gọi chị giúp việc lên, chị lấy cái cặp gắp chuột vớt qua cửa sổ. Bà chủ đặt tôi lên bàn, tôi gơ thanh kiếm cho bà xem rồi lau kiếm vào vạt áo và tra vào bao. Đến lúc này, tôi cần làm một việc mà không ai làm thay tôi được. Tôi ra hiệu xin bà chủ đặt tôi xuống đất. Được đặt xuống đất nhưng vốn tính hay e thẹn nên tôi không giải thích để bà hiểu vì sao, mà chỉ gơ tay chỉ cái cửa và ngồi xồm xuống nhiều lần. Sau cùng, bà ta hiểu tôi muốn gì, bà cầm tôi mang ra vườn, đặt xuống đất. Tôi chạy một mạch độ một trăm *fathom*. Lúc yên trí rằng bà ta không nhìn theo mà cũng không đi theo tôi nữa, tôi lên vào giữa hai chiếc lá me chua để thực hiện quy định của tự nhiên.

Tôi mong bạn đọc yêu quý đừng trách tôi về những chi tiết trên. Dù đối với những người trần mắt thịt, nó chẳng có ý nghĩa gì, song nó lại giúp nhà triết học mở rộng tầm tư tưởng và óc tưởng tượng, như thế, có thể ứng dụng và phục vụ công ích và lợi ích tư nhân, và đó mới là mục đích duy nhất của tôi khi tôi kể những chuyến phiêu lưu này. Vì thế, điều tôi quan tâm trước hết khi viết là tính chân thực, không một chút khoe khoang hoặc muốn làm văn. Cả cuộc hành trình để lại cho tôi một cảm tưởng mạnh mẽ, khắc sâu trong trí nhớ, nên khi biết, tôi không hề bỏ qua một trường hợp cụ thể nào. Song, lúc đọc lại, tôi xóa đi rất nhiều đoạn không hay lắm, sợ người ta cho tôi là nhàm chán, tẻ nhạt - lời mà người ta thường trách những ai kể chuyện phiêu lưu của mình thường mắc phải.



CHƯƠNG 2

Chân dung cô con gái ông chủ trại - Người ta mang tác giả ra chợ bán, rồi mang lên thủ đô - Chi tiết cuộc hành trình.

Bà chủ tôi có một cô con gái lên chín, sớm thông minh, đã biết khâu và may quần áo cho một em bé. Hai mẹ con dự định thu xếp cái nôi của búp bê cho tôi ngủ. Cái nôi đặt trong một cái ngăn kéo con, ngăn kéo lại đặt trên một mảnh ván treo lơ lửng, để không bị chuột cắn. Đây, suốt thời gian ở gia đình này, tôi ngủ ở đây, và tôi đã học thêm tiếng nói của họ. Mọi người đã dần hiểu được ý thích của tôi còn tôi thì có đầy đủ tiện nghi hơn. Cô bé rất khéo tay, chỉ một vài lần tôi thay quần áo trước mặt cô là cô biết thay quần áo cho tôi, tuy rằng tôi chẳng thích thú gì cái việc cô quan tâm đến tôi như vậy. Cô chọn cho tôi một loại vải mịn nhất, may cho tôi bảy cái áo sơ-mi (song vải thô hơn bao tải của ta), bao giờ cũng chính tay cô giặt quần áo cho tôi và cô còn là cô giáo dạy tiếng cho tôi nữa. Tôi chỉ cái gì là cô gọi tên cái đó luôn, thành thử, chỉ ít ngày, tôi đã đòi được tất cả những cái gì tôi muốn. Cô bé bản tính rất tốt nhưng nhỏ người, cô cao chưa tới bốn mươi *foot*. Cô đặt tên cho tôi là *Grildrig*. Sau này, cả nhà đều gọi như thế, rồi tất cả xứ sở cũng cứ tên ấy mà gọi. *Grildrig* có thể dịch ra tiếng Latin là *Nanunculus*, ra tiếng Ý là *Homunculetino*, và tiếng Anh là *Manikin*¹⁵. Tôi sống được ở nước này chính là nhờ cô bé. Tôi còn ở đây thì hai chúng tôi không bao giờ xa nhau. Tôi gọi cô là *Glumdalclitch*, có nghĩa là cô vú nuôi bé nhỏ của tôi. Tôi sẽ trở thành người bạc bẽo nhất nếu như tôi không còn nhớ đến những sự chăm sóc đêm ngày, đến tấm lòng hiền dịu của cô đối với tôi.

Hàng xóm láng giềng bắt đầu biết tôi. Người ta kháo chuyện về tôi. Người ta truyền tai nhau rằng ông chủ tôi đã tìm thấy ở ngoài đồng một con vật kỳ lạ chỉ to bằng con *splacnuck* nhưng hình dáng như hết con người, cử chỉ đáng điệu cũng vậy, nói một thứ tiếng riêng, rằng người đó đã học được nhiều tiếng ở đây, đi được bằng hai chân, có kỷ luật và dễ thương, khi người ta gọi thì đến, bảo làm gì thì làm nấy, chân tay nhỏ nhắn nhất trần đời, nước da mịn hơn cả nước da cô gái đại quý tộc lúc ba tuổi. Một người chủ ấp ở không xa đây lắm, bạn thân của ông chủ tôi đã phải đến tận nơi để xác minh câu chuyện là có thực. Thế là tôi ra biểu diễn ngay tức khắc. Người ta đặt tôi lên bàn, tôi đi lại theo lệnh chỉ huy, tôi rút kiếm ra, tra vào bao, cúi chào theo yêu cầu của ông chủ tôi, rồi dùng tiếng thổ dân ở đây cất tiếng hỏi: "Bác có được mạnh khỏe không?" chúc mừng ông ta theo lời chỉ bảo của cô vú nhỏ bé nhỏ. Ông khách đã già, mắt mờ, nên ông ta đeo kính để nom tôi cho rõ. Tôi bật cười, bởi vì hai con mắt ông ta giống như hai mặt trăng chiếu sáng trong một căn buồng có hai cửa sổ. Cả nhà biết vì sao tôi cười nên cũng vui vẻ cười theo khiến lão già cục mịch kia thấy bức mình và phát cáu lên. Lão ta nôi tiếng là người keo kiệt. Thật chẳng ngoa, mà cũng vô phúc cho tôi, lão khuyên ông chủ nên mang tôi sang chợ thành phố bên cạnh trưng bày cho công chúng xem để thu tiền, chợ cách ấp chúng tôi hai mươi dặm, đi ngựa mất nửa tiếng đồng hồ. Nhìn ông chủ tôi và lão già thì thăm to nhỏ với nhau, thỉnh



thoảng lại chỉ trở tôi, tôi đoán chừng có việc gì không hay đang được bàn bạc. Tôi sợ quá, đoán sai một vài lời nói của hai người. Sáng hôm sau, cô bé cho tôi biết tất cả câu chuyện mà cô đã khéo léo moi được của mẹ. Cô bé ôm chặt tôi vào lòng, nức nở khóc vì buồn rầu và xấu hổ. Cô sợ đám dân chúng sẽ làm khổ tôi. Họ có thể bóp chết tôi, bẻ gãy chân, gãy tay tôi. Cô còn biết tính tôi hay e thẹn và biết giữ danh dự, mà bây giờ phải ra mắt làm trò cho đám dân chúng xem để lấy tiền thì sẽ nhục nhã cho tôi. Cô bảo bố mẹ cô đã hứa *Grildrig* sẽ hoàn toàn là của cô, nhưng cô đã biết lời hứa ấy chẳng có gì bảo đảm, cũng như năm ngoái, bố mẹ cô hứa cho cô một con cừu con, nhưng khi cừu lớn, bố mẹ cô bán mất. Về phần tôi, tôi có thể chân thật nói rằng tôi chẳng buồn phiền bằng cô bé. Tôi vẫn hy vọng một ngày kia tôi sẽ lại được tự do. Còn việc bị làm nhục lúc bị đưa ra trưng bày như một vật kỳ lạ, thì tôi tự coi là người hoàn toàn xa lạ với xứ sở này, nếu tôi ở trên đất nước Anh thì điều sỉ nhục đó mới đáng trách, bởi vì trong hoàn cảnh như tôi hiện nay, có lẽ ngay Anh hoàng cũng đành phải chịu số phận như thế.

Theo lời khuyên của ông bạn, đến phiên chợ đầu tiên của thành phố bên cạnh, ông chủ tôi cho tôi vào một cái hộp và mang cô con gái đi theo, cô ngồi trên một cái nệm phía sau. Hộp đóng kín mít, có một cái cửa để tôi ra vào và mấy lỗ hổng bé tí teo để không khí lọt vào. Cô bé đã cẩn thận đặt trong hộp cái thảm chùi chân ở giường búp bê để tôi khỏi đau. Cuộc hành trình chỉ mất nửa giờ, nhưng tôi bị hất lên hất xuống một cách kinh khủng. Mỗi bước ngựa phi dài tới bốn mươi *foot*, và nó nhảy cao đến mức tôi tưởng như đang ở trong thuyền, gặp một trận bão táp dữ dội nhưng nhịp điệu nhanh hơn. Con đường xa hơn từ Luân Đôn đến St. Alban một chút. Ông chủ tôi đỗ xe ngựa ở một cái quán ông ta thường nghỉ chân. Sau một hồi bàn bạc với chủ quán và chuẩn bị vài ba thứ cần thiết, ông ta thuê một anh *grultrud*, tức là một anh giao hàng, báo cho khắp thành phố biết về một con vật kỳ lạ mà người ta sẽ đem triển lãm ở quán Chim Ưng Xanh con vật kỳ quái này bé hơn con *splacnuck*¹⁶, giống hệt người về mọi mặt biết nói và biết làm hàng trăm nghìn trò vui.

Người ta đặt tôi lên bàn, trong căn phòng lớn nhất của quán hàng, mỗi bề tới ba trăm *foot*. Cô bé chủ ngồi ở ghế đầu kê cạnh bàn để trông nom tôi và sai khiến tôi làm trò. Để tránh cảnh hỗn loạn. Ông chủ tôi chỉ cho từng tốp ba mươi người vào xem. Tuân theo lệnh của cô chủ, tôi đi lại trên bàn, cô đặt mấy câu hỏi mà cô biết tôi trả lời được, tôi căng phồng mồm ra mà hét to tướng. Tôi chào đám người xem nhiều lần, chúc mừng họ, tôi đã học thuộc lòng mấy câu đó. Tôi đón lấy cái đê đầy rượu ở tay cô bé chủ và uống mừng sức khỏe mọi người. Tôi rút thanh kiếm ra, quay tít mấy vòng như kiểu người đấu kiếm ở nước Anh. Cô chủ đưa cho tôi cọng rơm làm ngọn giáo và múa như tôi đã học được hồi còn ít tuổi. Ngày hôm ấy, mười hai lượt người đã vào xem, tôi phải diễn lại những trò khỉ ấy cho đến khi kiệt sức và xấu hổ gần chết. Những người đã được xem kể những chuyện diệu kỳ khiến cho dân chúng suýt phá cửa để vào xem. Vì quyền lợi của bản thân mình, ông chủ tôi cấm mọi người sờ đến tôi, chỉ trừ cô chủ, để ngăn ngừa mọi nguy hiểm, ông ta cho kê một dãy ghế dài quanh bàn khá xa, để người xem khỏi với tay tóm được tôi. Tuy vậy, một thằng nhãi độc ác cầm quả hạt dẻ đã ném suýt trúng đầu tôi, nếu trúng thì đầu tôi sẽ vỡ tan vì quả hạt dẻ to bằng quả bí đỏ. Nhưng tôi đã hài lòng khi thấy thằng tướng cướp nhãi nhép ấy bị một trận đòn trước khi bị đuổi ra khỏi phòng.

Ông chủ tôi báo tin cho mọi người biết, đến phiên chợ sau, ông chủ tôi lại cho tôi ra làm trò. Ông ta chuẩn bị cho tôi một cái xe tốt hơn, điều đó cũng đúng thôi, bởi vì sau cuộc hành trình thứ nhất và sau tám giờ làm trò liên tục, tôi đứng không vững, khản cổ đến mất cả tiếng. Phải mất ba ngày tôi mới hồi sức. Thế vẫn chưa đủ, lại thêm lúc tôi về đến nhà tôi đâu có được nghỉ thật sự, danh tiếng tôi đã đồn xa đến hàng trăm dặm quanh vùng và người ta đến tận nhà chủ tôi để xem. Có ngày đến hơn ba mươi lượt người cùng vợ con và vô khối đàn bà và trẻ con (bởi vì xứ này rất đông dân), dù chỉ là một gia đình, chủ tôi cũng bắt trả tiền, thành ra suốt tuần lễ không mấy khi tôi được yên thân (trừ ngày thứ tư là ngày chủ nhật của họ). Thấy tôi là nguồn lợi lớn cho mình, chủ tôi quyết định cho tôi đi biểu diễn tại các thành phố lớn trong nước. Sau khi sắm sửa đầy đủ những thứ cần thiết cho một cuộc hành trình lâu dài và thu xếp việc nhà, ông ta từ biệt vợ và ngày 17 tháng tám 1703 khoảng hai tháng sau khi tôi đặt chân lên đất nước này, chúng tôi khởi hành lên thủ đô ở gần trung tâm xứ sở, cách nơi chúng tôi ở một nghìn năm trăm dặm. Ông chủ cho cô con gái *Glumdalclitch* ngồi trên ông ngựa phía sau ông. Cô bé đặt tôi vào cái túi của cô, nhét thêm một cái hộp buộc chặt vào mình cô. Cô lấy thứ vải

nhẹ nhất đem tứ phía cái hộp. Tôi được một cái giường búp bê, có quần áo và tất cả những cái cần thiết cho đời sống. Đoàn tùy tùng có độc một anh người ở trẻ tuổi để vác đồ đạc.

Ông chủ dự định cho tôi biểu diễn ở tất cả các thành phố trên dọc đường đi, và rẽ vào làng nào hoặc lâu đài nào có thể kiếm lời, cách đường cái năm mươi hay một trăm dặm. Mỗi ngày đoàn đường chúng tôi đi thường không quá một trăm năm mươi dặm. Bởi vì cô bé hay kêu đi ngựa chóng mệt, cốt để cho tôi được nghỉ ngơi. Cô hay lấy tôi ra khỏi hộp để tôi được thoáng mát và xem phong cảnh, và bao giờ cũng giữ một đầu dây buộc tôi thật chắc. Chúng tôi qua năm, sáu con sông rộng hơn sông Nile hoặc sông Ganges nhiều. Ở đây chẳng có con suối nào nhỏ như sông Thames ở Luân Đôn. Cuộc hành trình đã được mười tuần lễ và tôi đã biểu diễn ở mười tám thành phố lớn chưa kể các lâu đài, làng mạc.

Ngày 26 tháng mười, chúng tôi tiến vào thủ đô, tên gọi *Lorbrulgrud* hay Kiêu hãnh của vũ trụ. Ông chủ tôi thuê một căn nhà ở phố chính cách không xa cung điện nhà vua. Ông cho dán những tờ quảng cáo theo thường lệ, những tờ quảng cáo miêu tả con người và tài năng của tôi. Ông thuê một căn phòng lớn, rộng tới ba hay bốn trăm *foot*, đặt một cái bàn tròn đường kính sáu mươi *foot* làm nơi tôi biểu diễn, và làm một cái rào chung quanh, cách mép bàn ba *foot* cho tôi khỏi ngã. Mỗi ngày tôi ra mắt công chúng mười lần, lần nào cũng làm cho người xem ngạc nhiên, khoái chí. Bây giờ tôi đã tạm nói được tiếng của họ và hiểu tất cả những lời họ nói về tôi. Thêm nữa, tôi học chữ viết của họ, thỉnh thoảng đọc được một câu, vì lúc ở nhà cô chủ đã dạy tôi học, và cả bây giờ nữa, những khi nhàn rỗi. Cô mang theo một quyển sách nhỏ to hơn quyển át lát của chúng ta. Đó là một quyển sách dành cho các cô gái, cổ dùng nó để dạy chữ cái và giải nghĩa từng từ cho tôi.



CHƯƠNG 3

Tác giả được lệnh phải vào triều đình - hoàng hậu mua tác giả của ông chủ trại - Hoàng hậu giới thiệu tác cả với đức vua - Bàn luận với những nhà bác học của hoàng thượng - Sửa soạn một căn phòng cho tác giả - Tác giả trở thành thân cận của hoàng hậu và bảo vệ danh dự cho tổ quốc - Xung đột với gã lùn của hoàng hậu.

Công việc vất vả và mệt nhọc làm cho sức khỏe tôi chỉ trong vài tuần đã giảm sút hẳn. Càng thu được nhiều tiền ông chủ tôi càng muốn có nhiều hơn nữa. Tôi ăn không còn biết ngon, thân gầy như que củi. Ông chủ nhận thấy điều đó, ông nghĩ rằng tôi sắp chết nên quyết định khai thác đến mức tối đa những ngày cuối cùng của tôi. Trong khi ông nghiền ngẫm và thực hiện ý đồ ấy thì ông *sardral*, tức ông trưởng tòa từ triều đình tới ra lệnh cho ông chủ, mang ngay tức khắc về triều đình để giải trí cho hoàng hậu và đoàn nữ tùy tùng. Vài ba bà đã đến xem tôi và kể lể chuyện ly kỳ về hình dáng tư cách và tính nết hiền hậu của tôi. Thấy dáng điệu cử chỉ của tôi, hoàng hậu và đoàn tùy tùng rất vui thích. Tôi quỳ xuống và vinh dự được hôn chân hoàng hậu nhưng bà hoàng hậu dễ thương đã đặt tôi lên bàn, rồi chìa ngón tay út ra, tôi dang hai tay ôm lấy ngón tay hoàng hậu mà hôn một cách hết sức trang trọng. Bà đặt những câu hỏi chung chung về xứ sở của tôi, về các cuộc du lịch. Tôi đáp lại hết sức rõ ràng và ngắn gọn. Bà hỏi ông chủ tôi có bằng lòng bán tôi với một giá cao không. Ông ta tính tôi chỉ còn sống được một tháng nữa nên bằng lòng bán ngay, lão đòi một nghìn đồng tiền vàng và tiền được trao ngay, mỗi đồng to bằng độ tám trăm đồng tiền Bồ Đào Nha, cứ theo tỉ lệ tương ứng giữa các vật ở nước này và ở nước Anh và theo giá trị vàng ở đây, thì số tiền ấy bằng đúng một nghìn bảng Anh. Tôi thưa với hoàng hậu rằng bây giờ tôi đã là chư hầu của bà, tôi xin bà ban ân huệ thu nhận cô bé *Glumdalclitch* - người vẫn chăm nom săn sóc tôi với một tấm lòng hiền dịu, được hầu hạ bà và tiếp tục làm cô vú nuôi. Hoàng hậu chấp nhận ngay đề nghị của tôi và ông chủ ấy cũng rất sung sướng được thấy con gái vào sống nơi cung đình. Cô bé không giấu nổi sự hân hoan của mình. Ông chủ của tôi ra về, chào mọi người và bảo rằng ông ta đã chọn cho tôi một nơi tốt đẹp. Tôi chỉ khẽ gật đầu chào ông theo phép lịch sự.

Hoàng hậu nhận thấy vẻ lạnh nhạt của tôi nên khi ông chủ đi rồi, bà hỏi tôi nguyên nhân tại sao. Tôi liền thưa rằng tôi chẳng mang ân huệ gì đối với ông ta, ngoài cái ân huệ là không bị ông ta dẫm bẹp ở ngoài đồng. Vả lại, công ơn ấy đã được đền bù quá đầy đủ bằng số tiền ông thu được trong thời gian tôi biểu diễn khắp nửa xứ sở và bằng số tiền ông vừa bán tôi. Cuộc đời mà tôi vừa trải qua quá nặng nhọc, sự nặng nhọc ấy có thể giết chết một con vật khỏe gấp mười tôi, sức khỏe tôi sút hẳn đi vì những trò biểu diễn liên miên suốt ngày, và nếu ông ta không nghĩ rằng tôi sắp sửa chết đến nơi thì ông đã không bán rẻ đến thế. Bây giờ được sống với sự che chở của một bà hoàng vĩ đại và đức hạnh, niềm tự hào của vũ trụ, được cả thế giới mến yêu, niềm vui sướng của mọi thần dân, chim phượng hoàng của sự sáng tạo, tôi không còn sợ bị dọa dẫm nữa, tôi không phải lo sợ như khi ở với ông chủ cũ nữa, chỉ cần nhờ ảnh hưởng sự có mặt của hoàng hậu là tôi như đã sống lại rồi.

Đó là tôi tóm tắt bài diễn văn tôi đã đọc ngắc nga ngắc ngứ và đầy những tiếng dùng sai. Đoạn cuối được soạn theo lối văn phong đặc biệt của dân tộc xứ này mà cô giáo *Glumdalclitch* đã dạy tôi lúc đưa tôi về triều đình. Hoàng hậu sẵn lòng độ lượng tha thứ cho tất cả những thiếu sót trong bài diễn văn nhưng tỏ vẻ ngạc nhiên thấy một con vật bé tí teo như thế lại tinh khôn và có lương tri như thế. Bà cầm lấy tôi trong hai tay đưa về cung điện nhà vua, vua lúc ấy đang ở phòng riêng. Đức vua có dáng nghiêm trang và khắc khổ. Thoạt tiên, ngài không nhìn tôi mà chỉ lạnh lùng hỏi hoàng hậu thích con *Splacnuck* từ bao giờ. Hoàng hậu vốn người rất ý nhị và vui tính, khẽ đặt tôi đứng trên bàn giấy và bảo tôi giải thích cho đức vua biết tôi là ai, tôi đáp mấy tiếng gọn lỏn. Cô bé *Glumdalclitch* vẫn chờ ở ngoài cửa phòng, cô không thể dỗi xa tôi được lâu hơn nữa nên người ta đưa cô vào và xác minh những điều đã xảy ra từ khi tôi đến gia đình cô.

Đức vua là người thông thái hơn bất cứ ai ở nước ngài, ngài là chuyên gia triết học và nhất là toán học. Song, khi ngài quan sát hình thù tôi và thấy tôi đi lại ngài cứ nghĩ tôi là một cái máy



đồng hồ (một nghề hoàn hảo ở xứ này) do một nhà nghệ sĩ tài hoa sáng chế. Nhưng khi nghe tôi nói từng tiếng rõ ràng và mạch lạc, ngài không giấu nổi vẻ ngạc nhiên. Ngài không tin những điều tôi kể việc đã đến xứ sở của ngài như thế nào, ngài cho đó là một câu chuyện do hai cha con ông chủ tự nghĩ ra rồi dạy tôi nói vài ba tiếng để bán được giá đắt. Xuất phát từ ý nghĩ ấy, ngài đặt mấy câu hỏi nữa, tôi trả lời đầu vào đấy, có điều giọng nói còn lơ lơ như giọng của người nước ngoài, và còn có những lỗi về ngôn ngữ và cách nói quê mùa mà tôi đã học được ở nhà ông chủ trại, nó không văn vẻ như cách nói nơi cung đình.

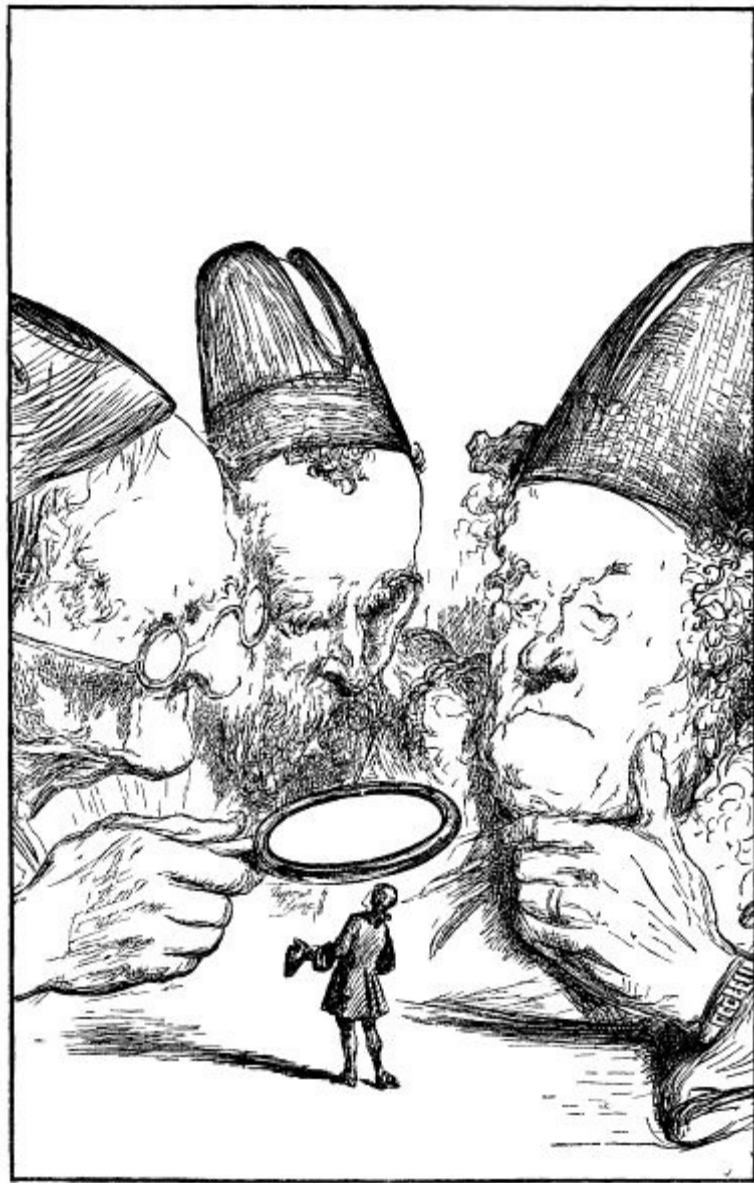
Nhà vua cho đi mời ba nhà bác học nổi tiếng đang trực trong tuần lễ này theo tục lệ của xứ sở. Sau khi xem xét tôi từng li từng tí, ba nhà bác học có ba ý kiến khác nhau. Nhưng họ đồng tình cho rằng tôi không thể sinh ra theo những quy luật bình thường của tự nhiên, bởi vì tôi không thể chạy nhanh, cũng như không thể leo cây hay đào hố dưới đất để tự bảo vệ mình. Sau khi xem xét kỹ lưỡng hai hàm răng tôi họ kết luận tôi thuộc giống ăn thịt. Nhưng hầu hết giống vật bốn chân đều khỏe hơn tôi, loài chuột hay bất kỳ loài gì khác cũng đều lanh lẹ hơn, cho nên họ không hình dung nổi bằng cách nào tôi có thể kiếm ăn được, nếu không phải là tôi ăn ốc sên hay sâu bọ. Nhưng bằng nhiều lập luận, họ chứng minh là điều này không thể xảy ra. Một trong những nhà bác học ấy cho rằng tôi là một cái quái thai hay một con chim đẻ non, nhưng ý kiến này bị hai nhà bác học kia bác bỏ ngay, họ nhận xét chân tay tôi nhỏ nhắn nhưng hoàn thiện vì tôi đã sống được lâu năm - điều này là dĩ nhiên, theo cách quan sát từng sợi râu của tôi qua ống kính phóng đại. Họ không muốn công nhận tôi là một thằng lùn bởi vì tôi bé quá sức. Gã lùn của hoàng hậu - người nhỏ bé nhất lúc này - cao gần ba mươi foot. Bàn luận hồi lâu họ nhất trí kết luận rằng tôi là một *replum scalcath*, dịch từng chữ một nghĩa là *lusus naturae*, kết luận này rất phù hợp với triết học hiện đại ở châu Âu. Theo đó những giáo sư của thứ triết học

này coi khinh cái thói lọc lừa cũ rích, (những lý do thần bí) mà những món đó theo học thuyết Aristotles¹⁷ thường viện ra để giấu sự dốt nát của mình. Họ phát minh ra cách giải quyết là điều ấy cho tất cả mọi khó khăn trên con đường tiến bộ của khoa học loài người.

Nghe sự phán quyết cuối cùng ấy, tôi xin phép được nói một đôi lời. Tôi khẳng định với đức vua rằng, trước đây, tôi ở một xứ sở mà dân cư cả nam lẫn nữ, có đến hàng triệu người, cũng bé nhỏ như tôi. Cỏ cây, súc vật, nhà cửa cũng theo tỉ lệ tương ứng. Bởi vậy, tôi đủ sức tự bảo vệ mình và kiếm ăn: chẳng khác gì các thần dân của ngài ở đây. Tôi nghĩ lời nói của tôi sẽ sổ toẹt mọi lập luận của các nhà bác học nhưng, họ chỉ đáp lại bằng một nụ cười khinh bỉ, họ cho rằng ông chủ trại của tôi đã khéo dạy tôi cách đối đáp.

Nhà vua vốn sáng suốt hơn nên cho các bác học về và cho gọi bác chủ trại đến. Thật là may bác ta còn ở thủ đô chưa về. Sau khi hỏi chuyện riêng bác ta, vua cho tôi gặp hai cha con bác, thế là ba mặt một lời, ngài bắt đầu tin những lời tôi nói là thật. Ngài báo hoàng hậu cho người trông nom chăm sóc tôi cẩn thận và bằng lòng để cho cô *Glumdalclitch* tiếp tục bảo ban tôi, bởi vì ngài thấy hai chúng tôi thân thiết nhau như thế nào. Người ta dành cho cô một căn phòng trong cung đình, cô được một bà bảo mẫu dạy dỗ, lại có một người hầu phòng và hai người ở gái. Cô được giao nhiệm vụ chăm sóc tôi. Hoàng hậu ra lệnh cho bác thợ đóng đồ gỗ quý làm một cái hộp dùng làm phòng cho tôi ở theo kiểu mẫu mà *Glumdalclitch* và tôi ưa thích. Bác thợ là một nghệ nhân rất khéo tay, theo lời tôi chỉ dẫn, chỉ trong ba tuần lễ, bác làm xong một cái phòng bằng gỗ, mỗi cạnh mười sáu *foot*, cao mười hai *foot*, cửa sổ có khe để đẩy cánh cửa ra vào, một cửa lớn và hai căn phòng nhỏ bên trong, như kiểu nhà ở Luân Đôn. Tấm ván làm trần có hai bản lề có thể mở lên để đưa giường vào phòng. Một bác thợ làm thảm trong triều đình cung cấp cho tôi cái giường và chính tay cô *Glumdalclitch* hằng ngày mang giường ra ngoài, xếp dọn khăn, nệm, và mỗi tối lại kê giường vào, rồi đóng nắp trần xuống, cài then cẩn thận khi tôi lên thường đi ngủ. Một người thợ thủ công nổi tiếng về những công trình chạm trổ bé tí xiu, làm cho tôi hai cái ghế bằng chất gì giống như ngà, hai cái bàn và một cái tủ để tôi xếp đồ dùng. Khắp các mặt phòng được lót nệm, cả sàn nhà và trần nhà nữa, để tránh mọi tai nạn khi người ta chuyển tôi từ nơi này qua nơi khác, và để đỡ xóc khi tôi đi xe ngựa. Tôi muốn một cái khóa cửa để chuột không vào được nên một bác thợ khóa, sau nhiều lần thử đã hoàn thành một cái ổ khóa bé tí xiu chưa từng thấy ở nước này. Tôi được giao giữ chìa khóa trong túi vì sợ cô *Glumdalclitch* cầm lot tay đánh rơi mất. Hoàng hậu đặt dặt những tấm lụa mỏng nhất để may quần áo cho tôi, nó không, dày hơn khăn trải giường ở nước Anh mấy tí, nhưng rất vương, phải một thời gian tôi mới quen. Quần áo may theo mẫu của dân tộc này, kiểu nửa Ba Tư nửa Trung Quốc, vừa long trọng, vừa lịch sự.

Hoàng hậu rất thích ở gần tôi, ăn cơm cũng phải có tôi ở bên cạnh. Bữa ăn của tôi đặt trên bàn của hoàng hậu, ngang tầm khuỷu tay bà, lại kê một cái ghế cho tôi ngồi. Cô bé *Glumdalclitch* ngồi ở một cái ghế đầu liền sát đầu bàn tôi, để giúp đỡ và trông nom cho tiện. Tôi có một bộ đồ ăn hoàn chỉnh, gồm đĩa to, đĩa nhỏ như thứ đồ chơi của trẻ con tôi thấy bán ở cửa hàng thiếu nhi ở Luân Đôn. Cô bé vú nuôi của tôi cất bộ đồ ăn trong một cái hộp, hộp để



trong túi áo, đến bữa ăn mới dọn ra và chính tay cô rửa bát cho tôi. Không ai ăn cơm cùng với hoàng hậu, trừ hai công chúa, cô lớn mười sáu tuổi, cô bé mười ba tuổi một tháng. Hoàng hậu thường đặt vào đĩa ăn của tôi một miếng thịt, tôi mang dao ra và tự cắt lấy. Bà tỏ ra rất thích thú khi xem tôi cắt nhỏ miếng thịt ra. Tuy da dày bà thuộc loại yếu, nhưng một miếng thịt bà ăn cũng đủ cho một bữa cơm của mười hai bác chủ ấp ở bên Anh, lúc đầu thấy thế, tôi phát kinh lên. Bà nhai cánh chim sơn ca cả xương, mặc dù mỗi cánh chim to gấp chín lần cánh chim gà tây, và bỏ vào miệng một miếng bánh to bằng hai cái bánh nặng bốn *pound*¹⁸. Bà uống rượu rót trong một cái cốc bằng vàng, mỗi hợp bằng cả một thùng ton-nô. Dao thì dài bằng hai cái lưỡi liềm cắm thẳng vào cán. Thìa, đĩa và các đồ dùng khác đều to, với tỉ lệ như thế. Tôi còn nhớ một hôm cô bé *Glumdalclitch* dắt tôi đi xem mấy cái bàn, bên trên mười hay mười hai con dao và đĩa to tướng xếp thành hàng, chưa bao giờ tôi thấy một cảnh tượng rùng rợn như thế.

Thứ tư mỗi tuần (như tôi đã nói, thứ tư là ngày nghỉ của họ), vua, hoàng hậu và con trai, con gái hoàng tộc cùng ăn chung trong cung điện. Tôi trở thành một cận thần của nhà vua nên bàn và ghế của tôi kê bên trái ngài, trước một bình muối. Đức vua rất thích nói chuyện với tôi, ngài hỏi tôi về phong tục, tôn giáo, luật pháp, chính quyền và trình độ khoa học ở châu Âu, tôi đem hết sự hiểu biết của mình để trả lời ngài. Với trí thông minh linh hoạt, sự phán đoán chính xác, ngài phát biểu những ý kiến rất khôn ngoan, những nhận xét hợp tình hợp lý về tất cả những điều tôi trình bày. Nhưng phải kể thật với các bạn một câu chuyện: một hôm tôi nói hơi quá nhiều về Tổ quốc thân yêu của tôi, về thương mại, những trận chiến tranh trên đất và dưới biển, những ý kiến của tôi về tôn giáo, những đảng phái chính trị. Nhưng do những thành kiến của nhà vua và sự giáo dục của ngài dẫn ngài đi quá xa, nên ngài cầm lấy tôi, nhấc tôi bỏ vào bàn tay phải, còn tay trái thì vuốt ve âu yếm, ngài khà khà cười vui vẻ, hỏi xem tôi thuộc đảng Tự do hay đảng Bảo thủ ở Anh. Rồi, quay lại vị tể tướng cầm trong tay một cái gậy trắng to bằng cột buồm lớn tàu Royal Sovereign, ngài bảo rằng, sự vĩ đại của con người thật như cái rơm, cái rác, bởi vì ngay con sâu con bọ bé nhỏ như tôi cũng có thể bắt chước được họ. Thế nhưng - ngài nói tiếp - tôi tin rằng những con vật này cũng có tước vị, huy chương hoàng, chúng nó làm tổ, xây dựng thị trấn mà chúng nó gọi là nhà cửa, thành phố, chúng nó có nghi lễ và những đoàn tùy tùng, chúng nó yêu, đấu tranh, đánh nhau, lừa gạt, phản bội. Và cứ thế, ngài nói mãi, và sắc mặt tôi ngày càng biến đổi khi thấy Tổ quốc cao quý của tôi, *chúa tể của nghệ thuật và vũ trụ, là nỗi sợ hãi của nước Pháp, là người cầm vận mệnh của châu Âu, là trung tâm của đức hạnh, danh dự và chân lý, niềm tự hào và sự khao khát của vũ trụ*, bị nhục mạ như vậy. Nhưng hoàn cảnh của tôi không cho phép tôi rửa nhục. Sau khi suy nghĩ chín chắn, tôi tự hỏi xem có phải thật sự mình bị lăng nhục không. Tôi nhớ lại rằng, sau nhiều tháng sống chung với những người khổng lồ, chuyện trò với họ, nhận thấy mỗi vật quanh tôi đều tương ứng với mọi thứ khác, nên cảm tưởng khủng khiếp lúc đầu trước thân hình to lớn và đáng vẻ của họ dần dần biến mất. Bây giờ, nếu tôi thấy các vị quý tộc và các bà phu nhân ấy tụ tập nhau lại, với đồ trang sức đầy người, quần áo xênh xang, hành động đúng theo cương vị chức tước của mỗi người, đi đi lại lại, chào hỏi, chuyện trò với nhau, thì, nói thật tôi cũng muốn cười nhạo họ, cũng như nhà vua và các quan cười nhạo tôi. Một lần, tôi không thể không mỉm cười khi hoàng hậu đặt tôi trong lòng bàn tay đứng trước tấm gương, gương mặt hai người tạo nên một cái gì tương phản hết sức buồn cười, lúc ấy tôi tưởng tượng rằng chính bản thân tôi bị thu nhỏ đi rất nhiều.

Không gì làm tôi điên ruột và nhục nhã bằng gã lùn của hoàng hậu. Thân hình nó nhỏ chưa từng thấy ở nước này (chắc chưa đầy ba mươi *foot*), nên thấy một kẻ bé nhỏ hơn nó, nó vô cùng tức tối. Trong khi tôi đứng trên bàn, bạn nói chuyện với một ông quan hay một bà phu nhân nào đó, nó đi đi lại lại bên cạnh tôi, trong phòng, bên ngoài phòng hoàng hậu, huênh hoang, làm ra vẻ một người quan trọng. Nó luôn chế giễu thân hình bé xiu của tôi, tôi chỉ biết trả thù bằng cách gọi nó là "cậu cả" hoặc thách nó đánh nhau và trả đũa bằng những lời cãi vã quen thuộc của bọn gia nhân. Một hôm, giữa bữa ăn, thằng nhãi nhép tai ác ấy tức mình vì một câu tôi nói với nó, nó leo lên lưng ghế hoàng hậu tóm lấy ngang lưng tôi trong lúc tôi ngồi ngoan ngoãn trên ghế, nó vút tôi vào cái bát bằng bạc đầy kem, rồi chạy biến mất. Nếu tôi không phải là tay bơi giỏi, có lẽ tôi đã chết đuối trong bát kem rồi, bởi vì cô bé *Glumdalclitch* ở tận tít đầu bàn bên kia, còn hoàng hậu thì hoảng hốt nên chẳng biết nên làm gì. Cô bé chạy vội

lại vớt tôi lên sau khi tôi uống hai ngậm kem. Người ta mang tôi đến giường nằm, tuy nhiên tôi không việc gì, chỉ hỏng bộ quần áo do ngấm sữa. Gã lùn bị một trận đòn phạt và phải uống hết bát kem nó vừa ném tôi vào. Mọi người chẳng ưa gì nó nữa và hoàng hậu tặng nó cho một bà quan lớn. Thành thử từ đó tôi không bao giờ còn trông thấy nó, tôi rất khoái, bởi vì tôi không thể nói trước được rằng thằng ôn vật quái ác ấy sẽ báo thù tôi bằng cách nào. Trước vụ này nó đã chơi tôi một vở khá đau, làm cho hoàng hậu phải bật cười, tuy trong thâm tâm bà rất không vui, nếu tôi không có lòng độ lượng khuyên can thì bà đã tống nó đi ngay tức khắc rồi. Hoàng hậu bữa ấy ăn món tủy còn ở trong ống xương, sau khi hút tủy, bà để dụng cụ ống xương trên đĩa ăn như thường lệ, gã lùn thừa dịp cô bé *Glumdalclitch* đi ra ngoài, liền trèo lên ghế đầu của cô bé, hai tay tóm lấy tôi bóp chặt hai ống chân lại nhét tôi vào lỗ ống xương đến tận ngang bụng. Tôi chờ người ra, mặt buồn thiu. Có lẽ đến một phút mọi người mới trông thấy tôi ở tình trạng ấy, bởi vì tôi cho rằng kêu cứu là hèn quá. Cũng may gia đình nhà vua ít khi ăn nóng, nên chân tôi không bị bỏng chỉ đôi chút và cái quần là bị hỏng. Nhờ tôi xin hoàng hậu nên thằng lùn chỉ bị đánh đòn trừng phạt.



Thấy tôi hay khiếp sợ, hoàng hậu thường chế giễu tôi và hỏi những người nước tôi có nhát thế không. Số là tại đàn ruồi, vào mùa hè, ruồi ở đây nhiều vô kể, mỗi con to bằng con chim sơn ca, đến bữa ăn, không bao giờ chúng để tôi yên, chúng o o, vè vè bên tai tôi. Thỉnh thoảng

chúng đầu lên thức ăn của tôi, ỉa một bãi hoắc để trứng, tôi trông rất rõ, nhưng những người khổng lồ không trông thấy được như tôi. Có khi ruồi đầu lên mũi tôi hoặc lên trán, đốt tôi rất đau, nó tiết ra một mùi hôi thối khó chịu. Tôi thấy rất rõ một chất sền sệt, mà theo các nhà sinh vật ở nước chúng ta, khiến cho loài muỗi có thể bò đi trên trần nhà. Tôi phải vất vả lắm mới chống lại được những con vật ghê gớm ấy, khi chúng đến sát gần, tôi giật mình đến thót một cái, còn thằng lùn hay bắt một vài con, cầm trong tay như trẻ con nước chúng ta, rồi bất thình lình thả ngay dưới mũi tôi làm cho tôi hết vía và để làm trò cho hoàng hậu. Tôi có mỗi cách để chống lại chúng là lấy dao chém chúng ra từng mảnh khi chúng đang bay, thấy tôi làm việc này khá lạnh lẹn, mọi người phục lẫn tài khéo léo của tôi.

Tôi còn nhớ một buổi sáng, *Glumdalclitch* đặt cái hộp đựng tôi trên cửa sổ. Mỗi khi trời đẹp, cô bé vẫn làm thế để cho tôi thở không khí trong sạch (bởi vì tôi không thích cô treo cái hộp của tôi vào một cái đinh gần cửa sổ, như chúng ta theo cái lồng chim họa mi). Tôi mở cửa sổ phòng, vừa ngồi xuống bàn lấy cái bánh ngọt ra ăn bữa lót dạ thì hơn hai chục con ong vò vẽ thấy mùi bánh bay ủa vào phòng, tiếng vo vo to hơn tiếng hai mươi cái kèn tây. Mấy con xông đến cướp bánh, ngoạm từng miếng bay đi, những con khác bay quanh đầu, quanh mặt tôi, làm tai tôi ù lên, và nghĩ đến vòi ong, tôi khiếp quá, lạnh toát cả người. Song tôi còn đủ can đảm để đứng dậy rút kiếm ra, xông lên chém lia lịa, hạ được bốn con, những con khác sợ quá bay mất, lập tức tôi đóng cửa sổ lại. Những con ong vò vẽ tò bằng con chim trĩ ở ta, tôi cắt lấy một số ngòi của nó, mỗi cái dài tới một *inch* rưỡi và sắc như kim, tôi cất kỹ chúng cùng một số những vật lạ khác để sau này mang về châu Âu cho mọi người xem. Trở về Anh, tôi tặng trường đại học Gresham ba cái và giữ lại một cái cho mình.



CHƯƠNG 4

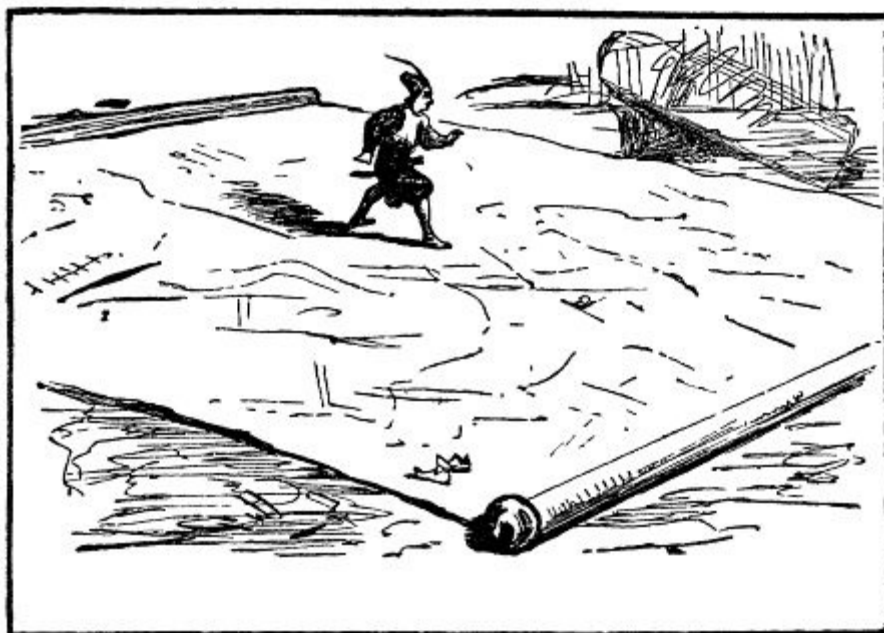
Miêu tả xứ sở - Đề nghị vẽ lại những bản đồ địa lý tốt hơn - Cung điện nhà vua - Máy cảnh
lượng thủ đô - Tác giả đi du lịch như thế nào - Miêu tả ngôi đền to nhất.

Bây giờ, tôi xin miêu tả cho bạn đọc biết cảnh tượng xứ này, theo như tôi biết trong khi đi gần nghìn dặm xung quanh thủ đô *Lorbrulgrud*. Đất đai của nhà vua dài chừng sáu nghìn dặm, rộng từ ba đến năm nghìn dặm. Vì vậy, tôi kết luận rằng các nhà địa lý học ở châu Âu đã lầm to khi họ nghĩ rằng giữa Nhật Bản và California chỉ có biển. Tôi nghĩ rằng ở vùng này phải có một lục địa lớn để cho cân đối với miền Mông Cổ mệnh mệnh. Vậy thì họ phải sửa lại tám bản đồ và nối liền phần đất này với miền tây bắc châu Mỹ. Tôi sẵn sàng cộng tác với họ về việc này.

Xứ này là một bán đảo, ở tận cùng về phía đông bắc là một dãy núi cao ba mươi dặm, nơi đây có núi lửa bao quanh nên không thể vượt qua. Những bậc tài giỏi nhất cũng không biết ở bên kia núi có giống người gì sống không - giả dụ là có người. Ba phía khác là biển cả bao bọc. Cả đất nước không có một hải cảng nào, những bờ biển, nơi cửa sông, lởm chởm những mỏm đá nhọn hoắt và biển ở đây sóng rất dữ, nên dù một con tàu nhỏ nhất cũng khó lòng mạo hiểm vào tới nơi được, thành thử, dân tộc sống ở đây bị cắt đứt mọi quan hệ với thế giới bên ngoài. Những sông lớn san sát thuyền bè và có nhiều loại cá ngon nên rất ít khi người ta đi đánh cá ngoài biển, bởi vì cá biển ở đây không to hơn cá biển ở châu Âu. Rõ ràng là tự nhiên trong việc sinh sản ra cỏ cây và súc vật đã hạn chế tính chất khổng lồ ở lục địa này. Về việc này tôi xin để các nhà triết học tìm xem lý do tại sao.

Tuy vậy đôi khi cá voi dạt vào bờ biển lởm chởm đá nhân dân sẵn lòng ăn loại cá này, có những con cá voi to đến mức một người vất vả lắm mới vác được lên vai. Thỉnh thoảng người ta cho cá voi vào thúng mang về thủ đô làm của lạ. Một lần, tôi thấy trên bàn ăn nhà vua một con cá voi nằm gọn trong đĩa ăn, nhưng hình như nhà vua không thích món ăn này lắm, chắc vì cá quá to, tuy vậy, ở Greenland tôi đã thấy những cá voi to hơn thế. Ở xứ này, dân cư đông đúc, có tới năm mươi một đô thị, hơn một trăm thành phố có thành lũy, và vô số làng mạc. Để thỏa mãn óc tò mò của bạn đọc, tôi nghĩ có thể miêu tả cảnh tượng thủ đô *Lorbrulgrud*. Ở đó có một con sông cắt ngang thành phố làm hai phần gần bằng nhau. Thành phố có tám vạn ngôi nhà, khoảng sáu mươi vạn người, nó có chiều dài ba *glomglung* rưỡi. Tôi biết điều này là do xem bản đồ được nhà vua ra lệnh vẽ, mỗi bề một trăm *foot* và người ta trải xuống đất cho tôi xem. Tôi cởi giày, đi lại nhiều lần khắp bề dọc, bề ngang đi vòng quanh rồi tính tỷ lệ một cách khá chính xác.

Cung điện nhà vua không xây dựng theo một kiến trúc cân đối. Đó là những ngôi nhà kế tiếp nhau lộn xộn, có chiều dài khoảng bảy dặm. Những phòng chính thường cao hơn hai trăm bốn mươi *foot* và bề rộng tương ứng. Cô *Glumdalclitch* và tôi được cấp riêng một xe ngựa, cô thường dùng xe dẫn tôi đi chơi phố và xem các cửa hàng. Cô thường cho tôi ngồi trong hộp. Nhưng cũng có những lúc chiều theo ý thích của tôi, cô cho tôi ra khỏi hộp. Lúc đi phố, cô cầm tôi ở trong tay để tôi nhìn rõ nhà cửa, dân chúng hơn. Theo tôi tính, xe ngựa của chúng tôi rộng bằng cung Westminster ở Anh, nhưng không cao bằng, song, tính như thế không thật chính xác. Một hôm, bà bảo mẫu cho xe đỗ trước mấy cửa hàng, một đám ăn xin thừa dịp bám đầy cửa xe, và bày ra trước mắt tôi những cảnh tượng hết sức



kính tởm mà con mắt người châu Âu chưa từng trông thấy. Một người đàn bà bị ung thư ở ngực, cái nhọt to tướng, đầy những lỗ sâu hoắm, tưởng tôi có thể bò vào và biến mất trong đó một cách dễ dàng. Một gã khác có cục u ở cổ to bằng năm kiên len, và một người nữa đi bằng hai chân gỗ, dài có tới trên hai mươi *foot*. Song, kính tởm nhất là những con bọ bò nhung nhúc trong quần áo họ. Bằng mắt trần tôi có thể nhìn thấy chân những con rận rõ hơn chúng ta nhìn một con bọ chết qua kính hiển vi. Tôi thấy những cái vòi ngoáy vào thịt giống như những cái mồm lợn. Lần đầu tiên tôi được nhìn như thế và tôi tò mò muốn được mổ xẻ những con rận ấy nếu tôi có trong tay những dụng cụ cần thiết (song, rủi thay, tôi đã bỏ cả dưới tàu biển) - tuy nhiên chỉ nhìn thôi tôi đã thấy lợm giọng rồi.

Ngoài cái hộp to người ta thường đựng tôi mang theo, hoàng hậu còn cho làm một cái nhỏ hơn, độ mười hai *foot* mỗi cạnh, cao mười *foot*, dùng để đi chơi cho đỡ cồng kềnh mỗi khi *Glumdalclitch* đặt nó lên đùi. Đó vẫn là công trình của nghệ nhân trước do tôi chỉ bảo cách làm. Cái hộp du lịch này là một hình khối vuông, ba mặt có cửa sổ, chẳng một cái lưới thép ở bên ngoài để đề phòng tai nạn trong các cuộc hành trình lâu dài. Mặt thứ tư không có cửa sổ nhưng có hai miếng sắt để khi nào tôi muốn đi ngựa, người mang tôi sẽ xỏ vào dây lưng rồi thắt vào lưng. Thường thường, một lão bộc trung thành và đứng đắn đảm nhiệm việc này khi tôi đi theo vua hay hoàng hậu, hoặc khi tôi muốn đi chơi trong vườn hay đi thăm một bà lớn hoặc một vị tổng trưởng mỗi khi cô bé *Glumdalclitch* ốm. Các quan đại thần đều biết tôi và khen ngợi tôi - tôi nghĩ là do tôi được nhà vua ưu đãi hơn là do tài đức của tôi. Trong các cuộc hành trình, khi tôi chán đi xe, một gia nhân cưỡi ngựa buộc cái hộp của tôi vào thắt lưng, rồi đặt hộp trên một cái gối để phía trước. Thế là qua ba cửa sổ, tôi có thể nhìn bao quát cả vùng. Trông buồng kê một tấm phản một cái võng mắc vào trần nhà, có hai cái ghế và một cái bàn bắt đinh ốc liền với sàn nhà phòng khi ngựa phi hay chạy cho khỏi đổ, mặc dù có khi xóc rất mạnh, nhưng tôi vốn quen đi biển nên chẳng hề gì.

Có khi cao hứng, tôi đi thăm thành phố. Bao giờ người ta cũng để tôi ngồi trong hộp du lịch, đặt trên đùi cô bé, cô ngồi trong một cái kiệu, theo tập quán của xứ sở, do bốn người khiêng và có hai người đi theo sau, họ đều mặc bộ đồ riêng của hoàng hậu may cho. Những người dân ở trong thành phố thường được nghe nói đến tôi, họ xúm đông, xúm đỏ quanh chúng tôi để xem. Cô bé vốn dễ tính nên cho kiệu dừng lại và cầm tôi trong tay cho mọi người trông rõ hơn.

Tôi khao khát được đi xem ngôi đền chính ở thủ đô, nhất là cái tháp trong đền, được coi là cao nhất nước. Vì vậy, một hôm cô *Glumdalclitch* dẫn tôi đến đấy, xin thú thực là tôi thấy thất vọng, bởi vì nó cao không quá ba nghìn *foot*, nếu cứ tính theo tỉ lệ tương ứng giữa những người ở đây và những người châu Âu chúng ta thì tháp cao như thế chẳng có gì đáng khâm phục, vì cái tháp này không cao bằng gác chuông ở Salisbury. Nhưng, không muốn có ý kiến chê bai một xứ sở mà suốt đời tôi phải chịu nhiều ơn huệ, nên tôi phải công nhận rằng cái tháp tuy không cao nhưng đẹp và vững chắc. Tường dày gần một trăm *foot*, xây bằng đá phiến, mỗi phiến chừng bốn mươi *foot* một cạnh. Tường đá tạc rất nhiều tượng các vị thần và các ông vua, to hơn tự nhiên. Một ngón tay út của một bức tượng rơi xuống đất, giữa đồng gạch vụn, tôi đo bề dài được đúng bốn *foot* một *inch*. Cô bé nhặt lên, lấy mùi soa bọc rồi nhét vào túi áo cùng vài ba đồ vật vãnh khác, trẻ con thường thích sưu tầm như thế.

Cái bếp của nhà vua quả là một ngôi nhà sang trọng. Phần trên xây hình vòm, cao độ sáu trăm *foot*. Chỉ còn thiếu mười bước nữa là cái lò chính rộng bằng vòm của nhà thờ St. Paul vì lúc trở về nước, để thỏa chí tò mò, tôi đã đo cái vòm này. Đáng lẽ ra tôi phải miêu tả cái bếp lò, những cái nồi vĩ đại, những cái xoong không sao tưởng tượng nổi, những miếng thịt trên cặp nướng và những chi tiết khác, nhưng tôi nghĩ khó ai tin được. Song, những nhà phê bình nghiêm khắc có thể trách tôi khuếch đại như phần lớn các nhà phiêu lưu khác. Để tránh bị trách móc, tôi sợ lại rơi vào cái cực đoan. Như vậy, nếu quyển sách được dịch sang tiếng Brobdingnag xứ này tên như vậy), nhà vua và nhân dân xứ này có thể than phiền về việc tôi lăng mạ họ bằng sự miêu tả sai sự thật, làm cho mọi vật đều nhỏ đi. Nhà vua ít khi có dưới sáu trăm con ngựa trong chuồng. Thường thường, ngựa cao từ năm mươi tư đến sáu mươi *foot*. Khi có việc quan trọng, một đoàn tùy tùng gồm năm trăm kỵ mã hộ vệ ngài: đó thật là một cảnh tượng kỳ diệu, không sao hình dung nổi, cho đến ngày tôi được xem một bộ phận quân

đội của nhà vua dần thế trận. Tôi dành dịp khác kể chuyện này.

CHƯƠNG 5

Tác giả gặp nhiều bước gian truân - Một tội phạm bị tử hình - Tác giả trở tài trong nghề hàng hải.

Nếu không vì thân hình tôi bé nhỏ quá mà bị nhiều vố vừa buồn cười vừa khó chịu thì tôi đã có thể sống vui sướng ở nước này. Tôi sẽ kể lại vài ba chuyện. Cô bé *Glumdalclitch* thường mang tôi trong hộp đi chơi trong vườn thượng uyển, có khi cô cho tôi ra khỏi hộp, cầm trong tay hay đặt xuống đất. Tôi còn nhớ một hôm gã lùn - lúc ấy chưa bị hoàng hậu đuổi đi - theo chúng tôi vào vườn. Cô bé đặt tôi xuống đất, thẳng lùn và tôi đứng cạnh hàng cây táo lùn, tôi thấy cần phải nói một câu châm chọc ám chỉ ví cây táo với nó. Thằng chết tiệt nhằm nhằm tìm dịp trả đũa, thừa lúc tôi đi dưới cây táo, nó rung cây rõ mạnh. Hàng chục quả to như quả bí đỏ rơi lộp bộp chung quanh tôi, một quả rơi trúng lưng lúc tôi đang cúi lom khom, quật tôi ngã chúi mũi xuống đất. Tôi chỉ bị ngã đau, xong không việc gì. Thằng lùn không bị trừng phạt bởi vì chính tôi là kẻ khích bác nó trước.

Một hôm khác, *Glumdalclitch* đặt tôi chơi trên một bãi cỏ mịn, rồi cùng với ba bảo mẫu đi quanh gần đấy. Bỗng, một trận mưa đá vạt tôi ngã úp mặt xuống đất. Cứ thế, những cục đá nện khắp người tôi, những cục đá rắn và nảy như những quả bóng quần vợt. Song, tôi cố nhồm dầy, bò được đến chân hàng rào bách lý hương, nằm bẹp gí ở đây. Tôi bị thương từ đầu đến chân phải mất mười ngày mới khỏi. Chẳng có gì lạ cả vì ở xứ sở này, cái gì cũng giữ cái mức tỷ lệ tương đối trong tất cả vạn vật, một cục mưa đá ở đây to hơn ở châu Âu một nghìn tám trăm lần. Tôi biết thế là do kinh nghiệm, và tôi đã đo cẩn thận để thỏa mãn trí tò mò.

Nhưng có lần tôi đã gặp một tai nạn khác, nguy hiểm hơn, cũng trong khu vườn này. Cô bé *Glumdalclitch* nghĩ rằng đã đặt tôi ở một nơi yên ổn (tôi thường đòi được yên ổn như vậy để trầm tư suy nghĩ một mình), hộp lại để ở nhà cho đỡ bận tay, bận chân, cô đi chơi với bà bảo mẫu và mấy bà phu nhân sang khu vườn bên cạnh. Trong lúc cô không có đấy, con chó con lông xù của bác làm vườn tình cờ lạc vào trong vườn, chạy đến gần nơi tôi đang đi tha thẩn. Đánh hơi thấy tôi, nó chạy thẳng đến đón lấy tôi và tha ngay về nhà, đuôi nó ve vẩy và ngoan ngoãn đặt tôi xuống ngay trước mặt chủ. Cũng may con chó rất khôn, nó tha tôi như thế mà tôi không bị xây xát gì, quần áo cũng không rách. Bác làm vườn vốn biết và rất quý tôi, bác hoảng sợ, nhẹ nhàng bế tôi lên, hỏi tôi có việc gì không. Lúc ấy tôi còn chưa hoàn hồn và mệt lử nên không đáp được tiếng nào. Nhưng rồi tôi cũng bình tĩnh trở lại, bác mang tôi đến trả cho cô chủ, cô đang tìm tôi và lo sợ hết hồn hết vía vì gọi mà không thấy tôi thưa. Cô liền trách bác làm vườn vì để con chó tha tôi đi. Nhưng câu chuyện bị dập đi - triều đình không hề biết, bởi vì cô *Glumdalclitch* sợ bị hoàng hậu mắng và vì uy tín của tôi, nên không muốn một chuyện như thế được mọi người biết.



Sau vụ việc này, cô bé quyết định từ đây sẽ không dời tôi một bước. Tôi không thích quyết định này nên tôi đã giấu cô mấy việc rủi ro xảy ra những lúc tôi tha thân một mình. Một hôm, một con diều hâu lơ lửng trên vườn rồi đâm bổ xuống chỗ tôi, nếu tôi không nhanh tay rút kiếm ra và chạy núp vội bên dưới rặng cây trồng sát bên tường thì chắc chắn nó đã cắp tôi đi mất rồi. Một lần khác, tôi leo lên một cái ổ chuột chũi mới và tôi bị thụt đến cổ đúng vào cái lỗ chuột vừa đào đất lên. Khi về nhà tôi bịa ra một lý do để giải thích là tại sao quần áo tôi bị bẩn. Một lần khác, trong khi tôi đi thơ thẩn, lòng nhớ đến nước Anh xa xôi, tôi vấp phải một vỏ con ốc sên khiến xương ống chân suýt gãy.

Tôi không biết đây là điều đáng lấy làm vinh hạnh hay là tủi nhục khi tôi nhận xét thấy các con chim nhỏ ở đây không tỏ vẻ sợ tôi chút nào. Lúc tôi tha thân một mình, loài chim nhỏ nhảy nhót quanh tôi chỉ cách nửa *fathom*, thản nhiên kiếm sâu bọ kiếm ăn, như tôi không có đấy. Tôi còn nhớ một con chim họa mi táo tợn mổ miếng bánh tôi cầm trên tay ăn bữa sáng, khi tôi định bắt nó, tức thì nó quay lại, xông vào tôi mà mổ ngón tay tôi, chẳng e dè gì. Thế rồi, chẳng thèm nhìn tôi, nó nhảy đi nơi khác, kiếm sâu bọ như chẳng có gì xảy ra. Một hôm tôi chuẩn bị một cái gậy ngắn rõ cứng, lấy hết sức bình sinh lăng trúng một con chim hồng tước, nó ngã lăn quay xuống đất, hai tay tôi túm lấy cổ chim, lôi một mạch về chỗ cô bé. Nhưng con chim chỉ bị đau nên lặng đi, bây giờ hồi tỉnh, hai cánh đập tứ tung vào đầu, vào mình tôi mấy chục lần khiến tôi suýt phải buông ra. Đúng lúc đó có một người giúp việc chạy lại cứu tôi, anh ta vãn cổ con chim, và theo lệnh của hoàng hậu ban xuống, con chim bị làm thịt cho tôi chén bữa lót dạ hôm sau. Và theo trí nhớ của tôi thì con hồng tước này to hơn con thiên nga ở nước Anh.

Các cô nương trong đoàn tùy tùng hay mời *Glumdalclitch* sang phòng các cô chơi và đòi mang tôi theo, để các cô nhìn và sờ vào người tôi cho thỏa thích. Các cô thường cởi sạch quần áo tôi ra, ôm ghì vào lòng khiến tôi phát kinh lên được, bởi vì, nói thật là, da các cô tỏa ra một mùi rất khó chịu. Nhận xét này không phải tôi có ý nói xấu các cô gái tuyệt vời ấy - những người mà tôi lắt tẩn kính, mà ý tôi là do người tôi nhỏ bé hơn so với họ, nên khứu giác của tôi rất nhạy bén vì vậy mới ngửi thấy những mùi như vậy. Nhưng dù sao, tôi vẫn thấy cái mùi tự nhiên ở thân thể họ còn dễ chịu hơn nước hoa họ dùng, cứ nghĩ thấy mùi nước hoa là tôi lăn ra bất tỉnh ngay tức khắc. Tôi còn nhớ đã có lần một người bạn thân của tôi ở Lilliput, vào một ngày oi bức, tôi vận động nhiều, ông ta đã thẳng thắn than phiền vì mùi hôi toát ra từ thân thể tôi - mặc dù về phương diện này, tôi chẳng có gì đặc biệt hơn những người khác. Nên tôi cho rằng cái mũi của ông ta thính hơn mũi tôi, cũng như mũi tôi thính hơn mũi những người ở đây. Về phương diện này, tôi không thể không nói thật rằng hoàng hậu, bà chủ tôi và cô *Glumdalclitch*, cô vú nuôi tôi, rất thơm tho, chẳng kém gì các bà phu nhân ở Anh...

Một hôm, một vị quý tộc trẻ tuổi, cháu bà bảo mẫu của cô *Glumdalclitch*, đến ép hai người phải đi dự vụ xử chém một người phạm tội giết bạn. Cô bé, tuy không muốn, vì cô là người dễ xúc động nhưng vẫn bị bạn bè kéo đi. Còn tôi tuy khiếp sợ nhưng cảnh ấy, nhưng vì tò mò, tôi muốn xem một việc chắc chắn là ghê gớm lắm. Tôi nhân bị trói vào cái ghế trên cái máy chém,



một lưới kiếm dài bốn mươi *foot* chém phứt một cái đứt đầu. Máu phun ra rất nhiều, phun cao tít lên trời, ăn đứt một tia nước phun ở điện Versailles. Cái đầu lâu lơ lửng một cái xuống máy chém, làm tôi giật mình mặc dù tôi ở cách xa không kém nửa dặm Anh.

Hoàng hậu hay nói chuyện về những cuộc hành trình trên mặt biển, và mỗi khi thấy tôi buồn bà lại tìm cách giải khuây cho tôi. Một hôm bà hỏi tôi có biết lái thuyền buồm hay chèo thuyền không. Tôi đáp tôi lái buồm và chèo thuyền đều giỏi cả, bởi vì, tuy tôi làm nghề phẫu thuật hay thầy thuốc trên tàu, song nhiều khi do nhu cầu bắt buộc nên tôi phải làm việc như một thủy thủ. Nhưng tôi loay hoay không biết xử trí thế nào ở nước này, nơi mà chiếc ca nô bé nhất cũng bằng tàu chiến to nhất ở nước chúng ta. Còn một chiếc thuyền hợp với cỡ người và sức khỏe của tôi thì đi làm sao được trên những dòng sông ở đây. Hoàng hậu bảo nếu tôi thiết kế được một cái tàu thì bác thợ mộc của bà có thể làm được, và hoàng hậu sẽ tìm cho tôi một nơi mà ở đó tôi có thể bơi thuyền được. Bác thợ mộc là người khéo tay, sau mười ngày làm việc dưới sự chỉ dẫn của tôi, bác hoàn thành một chiếc du thuyền đầy đủ buồm lái, chở được tám người châu Âu ngồi vừa đẹp. Hoàng hậu vui sướng quá ôm con thuyền vào váy chạy đến khoe nhà vua. Vua cho thả thuyền, có tôi ngồi trong, vào một cái chậu đầy nước, nhưng chậu chật quá, tôi không dùng được mái chèo. Hoàng hậu nghĩ ra cách là bảo bác thợ mộc đóng một cái thùng gỗ dài ba trăm *foot*, rộng năm mươi *foot* và sâu tám *foot*, rồi cho quét một lượt hắc ín cho khỏi rò nước. Người ta đặt chậu xuống đất dọc bức tường trong phòng bên cạnh. Cái chậu có một cái vòi tháo nước ra và hai người đầy tớ chỉ cần nửa giờ là đổ nước đầy chậu. Chính trong cái chậu này tôi hay chèo thuyền để vui chơi và để cho hoàng hậu cùng các phu nhân xem. Các bà rất thú vị thấy tôi chèo lái giỏi và khéo. Thỉnh thoảng tôi kéo buồm lên, chỉ việc giữ bánh lái, các bà lấy quạt phe phẩy làm thành những cơn gió nhẹ, khi các bà mệt, đến lượt một gia nhân quạt, còn tôi ra sức trở tời, khi chạy bên phải, khi sang bên trái, tùy theo ý muốn. Trò bơi thuyền xong, cô *Glumdalclitch* mang thuyền về phòng, treo lên một cái đinh hong cho khô.

Một hôm trong khi bơi thuyền tôi suýt mất mạng. Một gia nhân đặt thuyền vào chậu nước, bà bảo mẫu của cô bé khẽ nhắc tôi lên đặt vào thuyền, song tôi rớt xuống, rất may là trong khi rơi tôi mắc vào cái đinh ghim cài ở áo lót bà bảo mẫu, không thì đã tan xương, vì chỗ ấy cách mặt đất bốn mươi *foot*. Đầu đinh ghim xuyên vào giữa áo sơ mi và thắt lưng tôi, thành thử tôi cứ treo lơ lửng như thế cho đến khi *Glumdalclitch* chạy đến cứu được.

Một lần khác, người gia nhân có nhiệm vụ cứ ba ngày thay nước một lần đã vô ý đổ cả một con nhái ở trong xô nước vào chậu mà không biết. Nó nấu mình ẩn dưới nước, khi tôi ngồi trên thuyền đầu vào đấy, nhìn thấy chỗ có thể nghỉ ngơi được, nó leo lên thuyền, làm thuyền nghiêng hẳn về một bên, tôi phải cố hết sức dè lên bên kia để thuyền khỏi chìm ngấm. Nó nhảy hẳn lên thuyền, chiếm nửa khoang, rồi nhảy lên đầu tôi đi lại, làm mặt mũi và quần áo tôi bê bết cái chất nhờn rất kinh tởm. Nó to quá, trông thật khủng khiếp. Song, tôi bảo cô *Glumdalclitch* mặc tôi xoay xỏa một mình, rồi tôi cầm mái chèo, cứ thế đập lia lịa, cuối cùng con nhái phải nhảy xuống nước.



Tai nạn lớn nhất mà tôi gặp phải ở xứ này là do con khỉ của một bác phụ bếp. Một hôm, *Glumdalclitch* nhốt tôi trong phòng vì cô bận việc riêng. Trời nóng bức, cửa sổ phòng cô mở toang, cả cửa sổ và cửa lớn của cái hộp to cũng mở. Tôi thường ở cái hộp này, vì nó rộng rãi lại đầy đủ tiện nghi, trong lúc tôi đang ngồi nghiêm trang ở bàn và suy nghĩ thì bỗng có cái gì nhảy tót qua cửa sổ phòng, rồi tiếng chân nhảy nhót khắp nơi. Hoảng quá, tôi ngồi im tại chỗ, liếc nhìn ra ngoài, tôi trông thấy con khỉ đến gần cái hộp, vừa lộn nhào vừa nhảy tâng tâng, nó nhìn cái hộp rất thú vị và chăm chú, nó liếc mắt nhìn qua cửa lớn và hai cửa sổ. Tôi đánh bài chuồn, lù vào cái xó xa nhất, nhưng con khỉ nhìn khắp xung quanh làm tôi chết khiếp, không còn đủ nhanh trí để chui xuống gầm giường - như thế có khó khăn gì. Nó nhìn, nó nhăn nhó, nó kêu chít chít một lát, rồi cuối cùng trông thấy tôi, nó luồn một tay qua cửa như con mèo vờn con chuột, mặc dù tôi cố hết sức tránh, nhưng nó túm được vạt áo tôi (áo bằng lụa, nghĩa là rất dày và rất dai) kéo tuột ra ngoài. Nó nhấc tôi lên và ôm lấy tôi, như một vú nuôi sắp cho em bé bú - như hết cái cảnh tôi đã có lần



trông thấy ở châu Âu, một con khỉ bế con mèo con. Tôi kháng cự lại, nó ôm chặt thêm. Tôi nghĩ. khôn hơn cả là đành chịu khuất phục. Chắc nó tưởng tôi là một con khỉ con, bởi vì tôi thấy nó lấy tay xoa xoa mặt tôi. Bỗng một tiếng động ở ngoài cửa phòng hình như có ai mở, làm nó dừng tay lại. Nó nhảy phốc qua cửa sổ, rồi leo lên ống máng, ống dẫn nước, nó đi bằng ba chân, còn một chân trước ôm lấy tôi, cứ thế trèo lên nóc nhà hàng xóm. Đúng lúc đó tôi nghe thấy cô bé *Glumdalclitch* thét lên một tiếng, cô bé như hóa điên hóa dại. Cả khu vực cung điện náo động rồi gia nhân nhốn nháo chạy đi tìm thang. Hàng trăm người chứng kiến cảnh con khỉ ở trên đỉnh nóc nhà, một tay bế tôi như bế đứa bé, một tay ấn vào miệng cho tôi ăn thức ăn nó để dành ở má. Thấy tôi không chịu ăn, nó khe khẽ vỗ về... Thấy vậy đám người tụ tập ở dưới không thể không cười rộ lên. Tôi không thể trách họ, chắc cái cảnh này tức cười thật, trừ có riêng tôi. Mấy người định lấy đá ném cho nó xuống nhưng bị cấm ngay vì người ta sợ ném đá có thể làm vỡ sọ tôi.

Thang được dựng vào tường vì người ta leo lên. Bị bao vây tứ phía, con khỉ thấy đi ba chân không được nhanh, bèn thả tôi xuống một hòn ngói rồi chạy trốn. Tôi ngồi đấy cách mặt đất một trăm năm mươi *fathom*, tôi chờ đợi từng giây, lo bị cơn gió bốc đi hay vì chóng mặt mà lăn lông lốc từ trên đỉnh cao xuống ống máng. Nhưng một cậu bé, người giúp việc của cô *Glumdalclitch*, đã kíp lên nhét tôi vào túi quần rồi mang tôi xuống an toàn.

Tôi suýt chết ngạt vì thứ rác rưởi mà con khỉ nhét đầy miệng tôi. Cô bé lấy cái kim kéo ra một đồng tướng, thế là tôi nôn thốc nôn tháo, nhẹ hẫng người. Song, sức tôi yếu quá, sườn thì đau nhức nhối vì con vật đáng ghét ấy ôm mạnh quá nên phải nằm liệt giường tới hai tuần lễ. Đức vua, hoàng hậu và tất cả triều đình ngày nào cũng đến hỏi thăm. Hoàng hậu mỗi ngày mấy bận đến thăm nom trong suốt thời gian tôi dưỡng bệnh. Khi sức khỏe bình phục, tôi xin yết kiến đức vua để cảm tạ nhưng ngài có ý chế giễu tôi. Ngài hỏi lúc con khỉ ôm tôi, tôi đã có những suy tư thâm trầm gì, và lúc nó nhét thức ăn vào miệng, tôi thấy mùi vị ra sao, tôi nghĩ gì khi ăn

uống như vậy, và không khí mát mẻ trên mái nhà có làm tôi thấy đói không. Ngài còn hỏi nếu như ở nước tôi xảy ra chuyện như vậy thì tôi làm thế nào. Tôi đáp, ở châu Âu không có khí, người ta mang khí ở nơi khác đến cho lạ mắt, và nó rất nhỏ. Nếu nó táo tợn tấn công tôi thì tôi đánh đuổi được một tá khí như bốn. Còn con quái vật này to bốn con voi, nếu không vì sợ quá mà tôi quên mất thanh kiếm (tôi lấy về kiêu hãnh và vỗ mạnh một cái vào đốc kiếm), lúc nó luồn tay vào hộp, tôi đã cho nó một nhát và nó phải lấy làm sung sướng mà rút tay về nhanh hơn là lúc thò tay vào. Tôi nói mấy câu đó bằng một giọng kiên quyết, như một người không muốn ai nghi ngờ về lòng dũng cảm của mình. Song, những lời tôi nói chỉ làm mọi người phì cười. Tuy trước mặt đức vua phải giữ lễ độ nhưng không ai nhìn được. Điều này làm tôi nghĩ đến những ai cố làm cho những người trong bậc thang xã hội hơn hẳn mình phục mình vì lòng kiêu ngạo, phải đánh giá mình đúng mức. Và ở nước Anh tôi vẫn thường thấy cảnh ấy: một kẻ tay trắng, dòng dõi không, nhân phẩm không, tài năng, tâm tính cũng chẳng có gì đặc sắc, lại muốn tỏ vẻ ta đây là quan trọng và tự đặt mình ngang hàng với các quan đại thần trong triều.

Mỗi ngày tôi cung cấp cho triều đình một câu chuyện vui. Cô *Glumdalclitch*, mặc dù rất mến tôi, nhưng cô vẫn thường kể với hoàng hậu mọi sự rò rỉ của tôi để làm quà. Một hôm cô bị ốm, bà bảo mẫu dắt cô ra ngoài ô chơi - đi bộ khoảng một tiếng đồng hồ, cách thành phố ba mươi dặm - để thay đổi không khí, mọi người xuống xe ngựa bên một ngõ hẻm trên cánh đồng. Cô đặt cái hộp xuống đất, tôi chui ra để chơi. Trong ngõ có một đồng phân bò. Tôi muốn nhảy qua để thử sức, tôi lấy đà, nhưng thật vô phúc, tôi nhảy đầu cổ được như tôi dự tính, nên rơi tõm vào giữa đồng phân bò, sâu đến đầu gối, phải khó nhọc lắm mới rút được chân lên. Một người giúp việc lấy mùi soa cổ sức lau đôi chân bê bối những phân của tôi. Cô *Glumdalclitch* nhốt tôi trong hộp cho đến khi về nhà. Hoàng hậu biết ngay câu chuyện vừa xảy ra, anh người làm đưa tin cho mọi người biết, và người ta giấu tôi mấy hôm liền.

CHƯƠNG 6

Mấy sáng kiến làm vui lòng vua và hàng hậu - Tài chơi nhạc của tác giả - Nhà vua hỏi về nước Anh - Lời đáp của tác giả - Nhận xét của nhà vua.

Mỗi tuần lễ, tôi thường được một, hai buổi vào yết kiến nhà vua lúc ngài ngủ dậy, và tôi cũng thường được xem bác thợ cạo cạo râu Ngài. Thật là khủng khiếp: con dao cạo to bằng cái lưỡi liềm. Theo tục lệ của xứ sở, mỗi tuần lễ vua cạo râu hai lần. Một hôm, tôi xin được bác thợ cạo một nắm bọt xà phòng và bới ra được chừng bốn chục cái râu. Tôi kiếm một mẫu gỗ tốt, đục gọt thành một cái lược, rồi lấy cái kim nhỏ nhất của cô *Glumdalclitch* khoét một hàng lỗ cách xa đều nhau. Tôi rửa sạch râu, cắt chéo mỗi sợi rồi cắm vào hàng lỗ, thế là được một cái lược khá đẹp mắt. Thật là tiện lợi vì lược của tôi đã gãy gần hết răng. Ở đây, tôi chưa thấy người thợ nào đủ chính xác và tỉ mỉ để làm cho tôi một cái lược vừa ý.

Câu chuyện này nhắc tôi đến một công việc khá vui đã chiếm của tôi nhiều thì giờ nhàn rỗi. Tôi năn nỉ bà hầu phòng hoàng hậu để dành cho tôi những món tóc rối mỗi khi bà chải đầu cho hoàng hậu. Chẳng mấy ngày, tôi được một nắm tương. Sau khi hội đàm với ông bạn thợ mộc của tôi, người đã nhận được lệnh phải làm những việc tôi yêu cầu, rồi tôi bảo ông ta đóng cho tôi hai cái khung ghế kích thước bằng ghế trong hộp, và lấy cái khoan nhỏ tí xiu đục cho tôi mấy hàng lỗ ở chỗ tựa và chỗ ngồi, sau đó tôi chọn những sợi tóc bền nhất, xỏ vào hàng lỗ đan như người đan rổ rá ở châu Âu. Ghế làm xong, tôi đem tặng nhà vua. Vua cho cất trong tủ kính để mỗi khi khách đến mang ra khoe, và đồ vật kỳ lạ ấy đã làm cho mọi người phải ngạc nhiên. Hoàng hậu bảo tôi ngồi lên ghế nhưng tôi nhất định không nghe, bởi vì thà chết chứ tôi không chịu đặt cái bộ phận chẳng quý báu gì của tôi trên món tóc quý ấy. Vẫn do cái tài khéo vặt của tôi, tôi còn lấy tóc đan một cái ví tiền rất xinh, dài độ năm *foot*, có thêu tên hoàng hậu, bằng chữ vàng, được sự đồng ý của hoàng hậu, tôi tặng cái túi ấy cô *Glumdalclitch*, nhưng cái ví chỉ đẹp chứ không dùng được việc, bởi vì nó không đựng được những đồng tiền quá nặng, thành thử cô bé chỉ dùng đựng mấy cái đồ chơi và lấy làm sung sướng lắm.

Vua thích âm nhạc, ngài thường tổ chức những buổi hòa nhạc trong triều đình, thỉnh thoảng tôi được mời đến nghe. Người ta để tôi trong hộp đặt lên bàn cho tôi nghe. Nhưng âm thanh ở đây to quá, tôi chỉ thấy inh tai nên không phân biệt được điệu nhạc. Tôi tin chắc rằng dù tất cả đội trống kèn của quân nhạc hoàng gia Anh có khuếch tán bên tai bạn cũng không âm ỹ như vậy. Bởi vậy, tôi bảo họ mang cái hộp ra rõ xa, là tôi đóng kín các cửa lại, buông rèm xuống, đến lúc ấy tôi mới thường thức được cái hay của các bản nhạc. Thuở nhỏ, tôi được học đánh đàn *spinet*. Cô *Glumdalclitch* có một cái đàn *spinet*, mỗi tuần thầy giáo đến dạy cô hai lần. Cái đàn này tôi gọi là đàn *spinet* bởi vì hình dáng và cách chơi na ná giống như đàn *spinet* của chúng ta. Có một lần tôi chợt nghĩ là phải đánh một điệu nhạc Anh cho vua và hoàng hậu nghe, nhưng thật là khó, bởi vì chiếc đàn này dài tới sáu mươi *foot*, mỗi phím đàn gần một *foot*, thành thử tôi không thể bấm quá năm phím. Muốn đàn kêu lên tiếng, tôi phải bấm thật mạnh, vừa tốn sức vừa chẳng kết quả gì lắm. Tôi liền nghĩ ra một cách thế này, tôi làm hai cái gậy, một đầu to, một đầu nhỏ, tôi lấy da chuột quấn ở đầu to để khỏi hỏng phím đàn và khỏi giảm âm thanh. Người ta đặt trước đàn một cái ghế dài, thấp hơn mặt bàn bốn *foot*. Tôi đứng trên ghế, chạy từ đầu nọ đến đầu kia, đi đi lại lại rõ nhanh, lấy hai gậy nên thất lực vào phím đàn, thế là tôi chơi được một bản nhạc Anh làm cho vua và hoàng hậu rất thú vị. Còn tôi thì mệt bỏ hơi tai. Tuy vậy, tôi cũng chỉ chơi có mười sáu phím, và chẳng như các nhạc sĩ thực thụ, tôi không vừa ca vừa đánh đàn được, như thế chiến công bị hạn chế quá nhiều.

Như tôi đã nói, đức vua là một người hiểu biết, ngài thường ra lệnh mang hộp của tôi vào phòng làm việc. Ngài bảo tôi chui ra khỏi hộp, tôi mang theo một cái ghế rồi ngồi xuống, ngang tầm mặt ngài. Như thế, nhiều lần tôi đã nói chuyện với ngài. Một hôm, tôi mạnh dạn bảo ngài rằng thái độ khinh khỉnh của ngài đối với châu Âu và các nước khác trên thế giới không phù hợp với những phẩm chất cao quý của ngài. Tôi nghĩ sự hiểu biết của con người không theo tỷ lệ của tầm vóc, ngược lại, ở nước chúng tôi, những người to lớn nhất thường là những người ít thông minh nhất, và trong các loài vật, con ong cái kiến lại nổi tiếng là những con vật chăm chỉ,

khéo léo và tinh nhanh hơn nhiều loài to hơn nó. Cuối cùng tuy tôi nhỏ bé, nhưng tôi hy vọng có thể sống lâu để giúp nhà vua một công việc gì ra trò. Nhà vua chăm chú nghe, và từ đấy, có ý nghĩ tốt hơn về tôi. Ngài bảo tôi tường trình thật chính xác cho ngài biết việc cai trị ở nước tôi, bởi vì, tuy các ông vua thường tha thiết với phong tục tập quán của nước mình (ngài có nhận xét này dựa theo những câu chuyện tôi đã kể với ngài trước đây), nhưng ngài sẽ sung sướng được biết bất cứ điều gì có thể học hỏi được.

Bạn đọc thân mến, bạn đọc thử tưởng tượng bấy giờ tôi ao ước đến mức nào được có tài hùng biện của *Demosthenes*¹⁹ hay *Cicero*²⁰, để ca ngợi Tổ quốc thân yêu bằng những lời văn xứng đáng với những kỳ tích và sự vĩ đại của nó. Mở đầu câu chuyện, tôi kể với nhà vua rằng nước chúng tôi gồm có hai hòn đảo, có ba quốc gia dưới sự cai trị của một nhà vua, đó là chưa kể những thuộc địa ở châu Mỹ. Tôi nói kỹ về đất đai phì nhiêu và khí hậu dịu mát ở nước chúng tôi. Rồi tôi nói về tổ chức quốc hội Anh, về Thượng nghị viện, về dòng dõi quý tộc, đại diện cho những gia đình có truyền thống lâu đời nhất. Tôi kể rằng người ta rất chú ý đến việc giáo dục họ về phương diện khoa học và quân sự, để họ có thể trở thành những cố vấn sáng suốt cho nhà vua và quốc gia, có thể tham gia quyền lập pháp, có thể trở thành ủy viên của những tòa án cao cấp nhất, những tòa thượng thẩm, những người lúc nào cũng sẵn sàng đứng ra bảo vệ nhà vua và Tổ quốc vì họ là những người có phẩm chất đức hạnh và trung thành... Tôi còn nói với nhà vua về Hạ nghị viện, tất cả Hạ nghị sĩ đều là những người thuộc xã hội thượng lưu, do nhân dân tự do bầu cử và lựa chọn. Họ là những người có khả năng và lòng yêu nước, họ tiêu biểu cho trí tuệ của nhân dân. Hai viện ấy hợp thành quốc hội uy nghiêm nhất châu Âu, cùng với nhà vua nắm quyền lập pháp. Sau đó tôi nói đến những tòa án. Các vị chánh án là những người thi hành luật pháp một cách tài giỏi, họ là người bảo vệ những quyền bị xâm phạm, là kẻ thù của thói hư tật xấu và là người bênh vực những kẻ vô tội... Trước hết, Ngài hỏi tôi những cách thức thông thường để rèn luyện trí tuệ của lớp quý tộc trẻ những biện pháp phải có khi một gia đình quý tộc bị đoạn tuyệt, điều này vẫn đôi khi xảy ra, những đức tính gì là cần thiết đối với những ai được nhậm chức Thượng nghị sĩ mới, có bao giờ nguyên nhân của những sự đề bạt ấy là do tính khí thất thường hoặc ý thích cá nhân của một ông hoàng, của nhà vua, hay do một món tiền đút lót cho một phu nhân nào đó trong triều, hay một sủng thần, hoặc do ý đồ tăng thêm vây cánh cho một đảng phái đối lập với quyền lợi của công chúng, các thượng nghị sĩ phải am hiểu luật pháp nước mình đến trình độ nào đó và làm sao họ lại trở thành người có khả năng quyết định tối hậu mọi quyền hành của đồng bào họ, có phải bao giờ họ cũng không mắc phải thói biến lộn và không có những thành kiến không, các vị giám mục thần thánh mà tôi đã nói đến có phải bao giờ cũng đạt tới chức vụ cao cả ấy bằng trình độ uyên bác của họ trong các vấn đề thần học và do cuộc sống cao cả có tính chất thần thánh của họ không. Ngài muốn biết khi còn là những cha xứ bình thường, họ có bàn mưu lập kế gì không, họ có bao giờ làm giáo sĩ cho một vị đại thần. rồi nhờ đó mà leo lên chức giám mục, và nếu như vậy, họ có bao giờ phải nhắm mắt tuân theo những ý kiến của vị đại thần đó, và trong những buổi họp tại Nghị viện, họ có phục vụ nhưng đam mê và những thành kiến của vị ấy không.



Ngài muốn biết người ta làm thế nào để bầu ra những người mà tôi gọi là Hạ nghị sĩ, một người vô danh nhưng túi đầy vàng, liệu có thể đôi khi dùng tiền mua được nhiều phiếu bầu của cử tri hơn là những người có danh tiếng, có đức tính cao quý trong hàng quý tộc ở gần quanh đấy, tại sao người ta lại ham mê đến thế việc được bầu vào Nghị viện, vì mỗi lần ra ứng cử này là một lần phải tiêu rất tốn mà về sau lại không có ích gì hết, vậy những vị được bầu ấy phải là những con người hết sức vô tư và có đạo đức cao cả, hay họ hy vọng sẽ được nhà vua và các vị đại thần bồi thường, trả lại gấp bội, bằng cách họ hy sinh quyền lợi của công chúng cho các vị kể trên. Hoàng đế đưa ra cho tôi những câu hỏi hóc búa về vấn đề này, mà tính khôn ngoan dè dặt không cho phép tôi nhắc lại.

Về nhưng điều mà tôi đã trình bày với nhà vua là tòa án, Hoàng đế muốn tôi nói rõ về nhiều vấn đề. Tôi cũng am hiểu khá rõ vấn đề này để thỏa mãn ý muốn của Ngài, vì xưa kia tôi cũng đã gần khuynh gia bại sản vì một vụ kiện cáo lâu dài tại tòa án, vụ án này về sau tôi thắng kiện và được lĩnh cả án phí.

Hoàng đế hỏi tôi thường thường thì trong thời gian bao nhiêu lâu người ta có thể đưa một vụ kiện ra xét xử được, phát đơn kiện có phải tốn nhiều tiền không, các luật sư có quyền tự do bênh vực những người bị xử rõ ràng là bất công không, có bao giờ thấy những thế lực hoặc đạo giáo xen vào làm nghiêng lệch cán cân công lý không, các luật sư ấy có biết gì về những nguyên lý đầu tiên luật đại cương về lẽ công bằng không, hay họ không cần biết đến những đạo luật mà tùy tiện xét xử theo tập quán địa phương, và các quan tòa có quyền giải thích, hay họ bình luận luật pháp theo ý thích của họ, những nguyên đơn và việc bắt giữ có khi nào trái nghịch lại nhau trong cùng một loại không, các đoàn luật sư giàu hay nghèo, có luật sư có nhận tiền để bào chữa hoặc góp ý kiến không, sau hết là có khi nào họ được bầu vào Hạ nghị viện không?

Sau đó, Ngài thiết tha hỏi tôi về việc quản lý tài chính. Ngài bảo có lẽ tôi đã nhầm lẫn về vấn đề này vì như tôi đã nói, thuế nhà nước thu mỗi năm chỉ được năm hoặc sáu triệu, trong khi đó nhà nước chi tiêu thâm hụt rất nhiều.

Ngài nói, Ngài không thể tưởng tượng nổi một vương quốc lại dám tiêu xài quá số thu và ăn vào của cải của mình như một kẻ hoang phí như vậy. Ngài hỏi, vậy nước tôi đi vay của những ai, và về sau lấy đâu để trả nợ. Đối với chủ nợ, nhà nước tôi có còn giữ các qui luật về thiên nhiên, về lý trí và về lẽ công bằng không. Ngài rất ngạc nhiên với những chi tiết tôi đưa ra về các cuộc chiến tranh đã tiến hành ở nước tôi cùng những chi phí cực kỳ quá mức mà chiến tranh đòi hỏi. Ngài nói chắc chắn các anh phải là một dân tộc hay gây gỗ, quá lo lắng, hoặc các anh có những nước láng giềng tồi. Ngài nói thêm, tương tá ở nước các anh hẳn phải giàu hơn vua, các anh còn bới chuyện làm gì ở bên ngoài mấy hòn đảo của các anh? Hẳn ở đây các anh phải còn có những công việc khác để làm ngoài việc buôn bán? Hẳn các anh đã nghĩ đến chuyện đi xâm chiếm đất nước người ta? Thế giữ vững các cảng và bờ biển nước Anh vẫn chưa đủ ư? Điều làm nhà vua hết sức ngạc nhiên là khi thấy nói nước chúng tôi vẫn duy trì một đạo quân lớn ngay trong thời bình và ở giữa lòng một dân tộc tự do. Ngài nói, nếu chính quyền của



chúng tôi thực sự do dân bầu ra, thì Ngài không thể tưởng, tưởng được là chúng tôi còn sợ ai, còn phải đánh đập ai. Ngài hỏi, nhà của một người nếu được chính anh ta cùng lũ con và gia nhân đầy tớ bảo vệ, còn hơn là để một lũ côn đồ, kẻ cắp vợ bừa bãi từ đám căn bã dân chúng làm việc ấy, với số tiền lương ít ỏi, mà chúng có thể kiếm gấp trăm lần hơn, bằng cách đi bóp cổ người khác.

Ngài cười ngặt nghẽo về môn số học kỳ lạ của tôi (Ngài vẫn gọi đùa như vậy) khi tôi ước tính dân số nước tôi bằng cách tính các môn phái trong nước, về đạo giáo và về chính trị.

Ngài không thể hiểu nổi làm sao người ta lại có thể ngăn cấm không cho có những ý kiến trái với nền an ninh quốc gia, cũng như làm sao lại có thể nói toạc ra những ý kiến ấy. Cấm đoán là một hành động độc đoán, còn để cho nói là một biểu hiện yếu đuối. Vì nếu ngăn cấm một người không được chứa chất độc trong nhà thì người ta phải cấm không cho họ làm ra nó.

Ngài còn để ý đến việc đánh bạc mà tôi đã nêu ra trong số các trò chơi giải trí của lớp người quý tộc ở nước tôi. Ngài muốn biết thường thường ở tuổi nào thì người hay đánh bạc và bao giờ thì người ta thôi không đánh nữa, người ta thường mất bao nhiêu thời gian về trò chơi này, có khi nào khiến người chơi khuynh gia bại sản không và khiến họ phải có những hành động hèn hạ đáng xấu hổ không, có chuyện những kẻ hèn hạ hư hỏng đôi khi do mảnh khoe tinh xảo trong nghề này lại kiếm được những món tiền khổng lồ, khiến chúng có thể xỏ mũi được ngay cả những vị Thượng nghị sĩ, bắt họ phải phụ thuộc vào chúng, khiến họ không còn nghĩ gì đến chuyện trau dồi trí tuệ cho mình, không còn chú tâm gì đến công việc gia đình và buộc họ do thua bạc quá nhiều, phải đi đến chỗ có thể cũng học tập chính ngay những mảnh khoe như nhuốc, đã khiến họ khuynh gia bại sản.

Phải mất năm buổi gặp gỡ, mỗi buổi kéo dài nhiều giờ, câu chuyện mới chấm dứt. Nhà vua theo dõi rất chăm chú, ghi chép luôn tay và chuẩn bị một loạt câu hỏi để tôi trả lời... Ngài hết sức ngạc nhiên khi tôi kể những sự kiện xảy ra trong thế kỷ trước ở châu Âu. Theo ngài, những trang lịch sử đó chỉ là một loạt những vụ âm mưu, nổi loạn, giết người, tàn sát, khởi nghĩa, trục xuất, nó là kết quả tệ hại của lòng tham, của óc bẻ phái, đạo đức giả, lừa lọc, tàn ác, điên rồ, thù hằn, thèm khát, xa hoa thiếu thật thà và tham vọng sinh ra.

Trong một buổi hội kiến khác, nhà vua đã chịu khó ghi chép tất cả những điều tôi nói với ngài, rồi cầm lấy tôi trong tay, ngài vừa khẽ vỗ vỗ vào tôi vừa nói những lời tôi không sao quên được: "Anh bạn bé nhỏ *Grildrig* à, bạn đã ca ngợi Tổ quốc bạn một cách tuyệt diệu. Bạn chứng minh rõ ràng rằng, những người làm ra pháp luật là những người dốt nát, ăn không ngồi rồi và hư hỏng, rằng luật pháp được giải thích, thi hành chủ yếu bởi những người vì quyền lợi riêng mà xuyên tạc, giày xéo hay né tránh. Tôi nhận xét thấy một vài nguyên tắc, về nguồn gốc, có thể chấp nhận được, song đã bị sự tham nhũng gọt bỏ một nửa và hoàn toàn bị bóp méo. Qua những điều bạn nói, người ta không hề thấy rằng, muốn có một chức vị nào đó, người ta phải có năng lực, càng không phải người ta được phong tước này, tước khác là do đức hạnh, hay các vị quan tòa được cất nhắc là do thanh liêm, hay người được bầu làm nghị sĩ là do lòng yêu nước. Còn bạn, bạn đã dành phần lớn cuộc đời cho những cuộc du lịch, tôi nghĩ rằng, cho đến



nay, bạn đã không bị tiêm nhiễm nhiều thói hư tật xấu của nước bạn. Nhưng, theo những điều bạn nói và những câu ta buộc bạn phải trả lời những điều ta không tin mà hỏi lại, thì ta có thể kết luận rằng, đồng bào của bạn là loài sâu bọ đáng nguyên rủa nhất mà tự nhiên đã để nó ngo nguậy trên quả đất này".

CHƯƠNG 7

Lòng yêu nước của tác giả - Tác giả đề đạt với vua một kiến nghị có lợi - Kiến nghị bị bác bỏ - Sự đốt nát của nhà vua về vấn đề chính trị - Việc giáo dục thiếu sót và thiển cận ở xứ này - Luật pháp - Đời sống quân sự và các đảng phái trong nước.

Chỉ vì vô cùng tha thiết với sự thật, tôi mới không thể bỏ qua được phần này của câu chuyện. Hễ tôi tỏ ý bất bình là tôi bị chế giễu ngay tức khắc, thế là tôi cứ phải lảng lảng mà nghe, trong khi Tổ quốc tôi bị sỉ nhục đủ điều. Vệc xảy ra như vậy khiến tôi não lòng não ruột như bất cứ bạn đọc nào khác. Nhưng vì nhà vua thích hiểu sâu sắc đến tận chân tơ kẽ tóc nên tôi không thể nào từ chối được, bởi chúng tôi bị ràng buộc bằng những ân huệ ngài đã ban cho tôi và những quy định sơ đẳng về phép lễ độ. Thế nhưng, để tự biện bạch, tôi có thể nói rằng, tôi đã tránh né vô khối những câu hỏi mà vua đặt ra, và tôi đã liệu bề giải đáp thế nào cho thuận lợi hơn là sự thật cho phép, bởi vì lúc nào tôi cũng đứng về phía Tổ quốc tôi mà giải bày. Tôi che giấu những điểm yếu, những điều phi lý và làm nổi bật những đức hạnh và vẻ đẹp của đất nước tôi. Trong biết bao nhiêu cuộc đàm luận, tôi đã cố gắng hết sức làm như vậy nhưng cuối cùng chẳng có kết quả gì.

Nhưng dù sao cũng phải đánh giá một cách rộng lượng một ông vua vốn sống cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài, và do đó không hiểu những phong tục, tập quán của các nước khác. Vì không hiểu biết như vậy nên sinh ra nhiều thành kiến và suy nghĩ hẹp hòi, tất nhiên không thấy có ở các nước châu Âu văn minh hơn. Và sự thật, không thể lấy quan niệm, những ý kiến của một ông vua sống biệt lập như vậy để làm mẫu mực cho đức hạnh của toàn thể nhân loại.

Để dẫn chứng điều này và để chứng tỏ kết quả tai hại của sự giáo dục thiển cận như thế, tôi xin kể tỉ các bạn một câu chuyện khó có thể tin được là thật. Với hy vọng được vua đánh giá đúng mức, tôi kể với ngài một phát minh của chúng ta cách đây ba, bốn trăm năm. Đó là sự phát minh thứ bột kỳ diệu, chỉ cần một tia lửa nhỏ là đồng bột, dù to bằng cả trái núi, tức khắc nổ tung, gây nên tiếng nổ và sức phá hoại hơn sét đánh. Chỉ cần một ít bột ấy nhét vào các ống đồng hay ống sắt là đủ lao đi một viên đạn sắt hay đạn chì với một sức mạnh và một tốc độ không sức gì cản nổi. Những viên đạn lớn bắn đi như thế không những có thể quét sạch một đạo quân mà còn có thể phá vỡ những thành trì vững chãi nhất, đánh đắm những tàu thủy chứa hàng nghìn người, và nếu người ta buộc những viên đạn ấy thành một chuỗi thì buồm, cột buồm và hàng trăm người có thể bị cắt đôi ra cả một vùng bị tàn phá tan hoang. Thường thường, chúng tôi còn nhồi thứ bột ấy vào những thùng rỗng, hình cầu rồi dùng máy móc lao vào những thanh phố bị vây hãm, thế là nhà cửa nổ tung tất cả mọi người trong vùng chết tươi. Tôi nói: "Tôi biết cách chế thứ bột ấy giá rẻ lắm, và tôi cũng biết cách hướng dẫn thợ làm các thứ ống nhồi thuốc ấy. Tất nhiên, mọi thứ sẽ làm theo kích thước tương đối với mọi vật khác ở xứ sở này, ống to nhất không cần dài một trăm *foot*. Chỉ cần hai mươi hoặc ba mươi ống là đủ phá tan tành những bức tường thành của một thành phố vững chãi của nước ngài, trong mấy tiếng đồng hồ, hoặc, nếu cần, thì nó có thể phá hủy được cả thủ đô của ngài". Sau cùng tôi thưa với hoàng thượng rằng, để tỏ lòng biết ơn của tôi đối với sự chăm sóc, ưu đãi và che chở của nhà vua mà tôi được hưởng. Tôi sẽ tặng vua phát minh ấy.

Vua khiếp đảm khi nghe lời tôi miêu tả những máy móc ấy và lời đề nghị của tôi. Ngài tự hỏi lại sao một con sâu bọ oắt con và hèn kém như thế (do chính là những từ ngài dùng) lại có thể nghĩ ra được một thứ khủng khiếp và lại kể một cách bình thản như thế, hình như không xúc động tí gì trước những cảnh tàn sát và hủy hoại mà nó miêu tả. Chắc hẳn kẻ đã sáng chế ra thứ máy đó phải là một hung thần, là kẻ thù của nhân loại. Còn về riêng ngài, mặc dù ngài rất khao khát các việc phát minh, nhưng thà mất hẳn một nửa nước còn hơn là biết sự bí mật kia. Ngài bảo tôi, nếu tôi còn tha thiết với cuộc sống, thì từ nay không được nói đến cái thứ phát minh ấy nữa.

Quả là những nguyên tắc hẹp hòi và thiển cận Một ông vua có đầy đủ đức hạnh khiến cho mọi người kính phục, yêu mến, vốn thông minh tính trời, lại khôn ngoan, hiểu biết sâu sắc, có tài

năng, lại được thần dân kính yêu, mà, chỉ vì một chút bần khoản quá mức mà người châu Âu chúng ta không bao giờ nghĩ đến, có thể bác bỏ điều khiến ông ta có thể trở thành chủ nhân tuyệt đối của cuộc đời, của tự do, và có thể chiếm lĩnh toàn bộ của cải của thần dân mình! Tôi không hề có ý định làm giảm uy danh của ông vua tuyệt vời ấy, nhưng tôi e ngại bạn đọc người Anh có thể bớt kính phục ngài sau sự việc này. Tôi nghĩ rằng khuyết điểm này là do sự dốt nát mà ra. Ở xứ sở này, người ta chưa coi chính trị là khoa học, như những bộ óc thông minh nhất ở châu Âu thường nghĩ. Tôi nhớ một hôm, tôi thưa với ngài rằng, ở châu Âu có hàng nghìn quyển sách nói về nghệ thuật trị nước, thì ngài kết luận ngay (trái hẳn với điều tôi suy nghĩ) rằng chúng ta hẳn là những kẻ kém thông minh. Ngài khinh bỉ và coi rẻ tất cả mọi thứ bí mật, khôn khéo, mưu mô xảo quyệt của bất cứ ông vua hay vị tổng trưởng nào. Ngài không sao hiểu nổi thế nào là "bí mật quốc gia" nếu không phải là ám chỉ một kẻ thù hoặc một nước thù địch nào. Ngài khẳng khái cho rằng khoa học trị nước chỉ bao gồm lương tri, sự độ lượng và sự quyết định mau chóng trong những việc dân sự và hình sự. Ngài cho rằng bất cứ ai trồng được hai bông lúa hay hai ngọn cỏ ở nơi mà trước đây chỉ trồng được một, đều có ích cho loài người ta cho Tổ quốc hơn tất cả những người làm chính trị cộng lại.

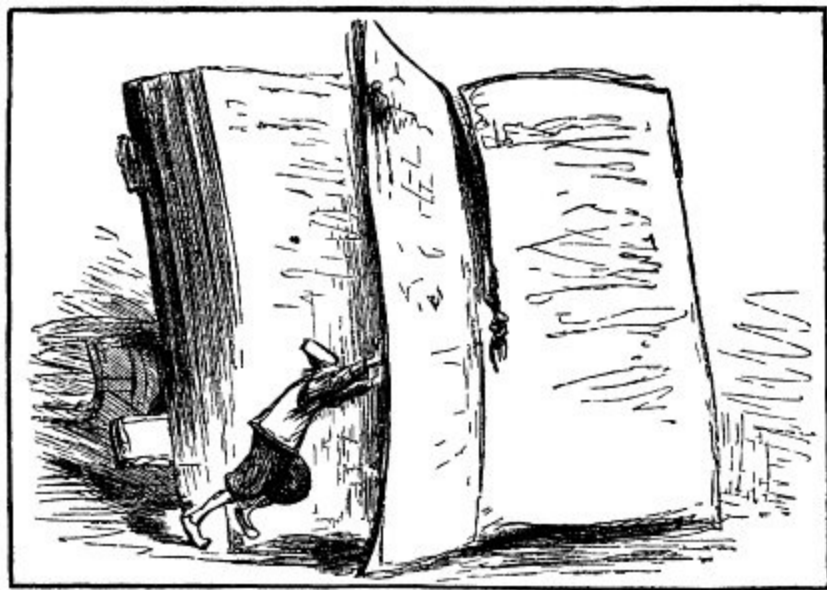
Sự hiểu biết khoa học của dân xứ này quả là ít ỏi, nhưng phải công nhận rằng họ rất giỏi về các môn lý luận học, sử học, thơ ca và toán học. Môn toán học duy nhất là toán học thực hành nhằm để phục vụ nông nghiệp và các công nghệ cơ khí, còn ở châu Âu chúng ta, chắc bộ môn ấy không được đánh giá cao. Còn về các vấn đề tư tưởng, thực thể, siêu hình học, họ không có một khái niệm gì.

Không một đạo luật nào của xứ sở này được dài quá số chữ cái trong bảng vần chữ cái của họ, mà bảng vần chỉ bao gồm hai mươi hai chữ. Sự thật các đạo luật đều ghi ngắn gọn dưới con số hai mươi hai, giản dị và sáng sủa, thành thử không một người nào có thể giải thích theo nhiều nghĩa. Vả lại, ở đây bình luận một đạo luật là một trọng tội.

Cũng như người Trung Quốc, từ lâu lắm, họ biết nghề in, nhưng các thư viện không to lắm. Thư viện của nhà vua, được công nhận là thư viện to nhất quốc gia, cũng không có quá một nghìn cuốn sách, xếp trong một hành lang dài một nghìn hai năm *foot*. Tất cả các sách của thư viện, tôi được sử dụng hết. Bác thợ mộc của hoàng hậu đóng cho cô *Glumdalclitch* một cái bục bằng gỗ cao hai mươi năm *foot*, có nhiều bậc, mỗi bậc rộng năm mươi *foot* cái bục ấy có thể mang đi mang lại được, vì đặt cách xa tường chừng mười *foot*. Quyển sách tôi đọc đặt tựa vào tường. Thoạt tiên, tôi trèo lên chồm cái bục, quay mặt vào cuốn sách. Tôi bắt đầu đọc những dòng trên cùng, đi từ phải sang trái chừng tám hay mười bước, tùy theo bề dài của dòng chữ, cho đến khi dòng chữ thấp quá, không đọc được nữa thì tôi xuống một bậc, cứ thế cho đến hết trang, rồi tôi lại trèo lên để đọc trang sau. Tôi phải dùng hai tay để giữ sách. Điều này chẳng khó khăn gì, bởi vì mỗi tờ giấy dày và cứng bằng bìa carton của chúng ta. Nhưng quyển sách cỡ to nhất bề dài không quá mười tám hay hai mươi *foot*.



Văn phong của họ rõ ràng, mạnh mẽ và giản dị, không một chút bay bướm vì người ta hết sức tránh dùng những từ không cần thiết và những cách đặt câu cầu kỳ. Tôi chăm chú đọc nhiều sách của họ, đặc biệt là những loại sách sử học và luân lý học. Tôi rất thích một cuốn sách nhỏ đã cũ, lúc nào cũng để trong phòng ngủ của cô *Glumdalclitch*. Cuốn sách này là của bà bảo mẫu, một người có vẻ đảm chiêu và trang nghiêm, luôn luôn chú ý đến vấn đề luân lý và sự sùng đạo. Quyển sách bàn về sự yếu đuối của loài người, nó không được mọi người chú ý lắm, trừ phụ nữ và đám dân chúng. Dù sao tôi cũng muốn biết một nhà văn của xứ sở này suy nghĩ về vấn đề đó ra sao. Tác giả cũng chỉ nói những điều ấy rất chung chung như những nhà luân lý học ở châu Âu. Ông ta chứng minh rằng, về bản chất: con người là một sinh vật nhỏ bé, bất lực, không thể chống chọi được với những hiện tượng tự nhiên cũng như với sự hung bạo của thú dữ, và chẳng thể đo sức được với con vật này hay con vật khác về các mặt sức khỏe, nhanh nhẹn, về sự lo xa hay sáng kiến. Ông nói thêm rằng, từ mấy thế kỷ nay tự nhiên đã thoái hóa dần, và hiện nay, nó chỉ sinh ra những quái thai so với thời xưa thời xưa. Ông ta nghĩ rằng, loài người lúc mới sinh ra không những to lớn hơn ngày nay mà còn có những người khổng lồ nữa. Ông nói điều này không chỉ được chứng minh bằng lịch sử và truyền thống, mà còn bằng những bộ xương và sọ người ngẫu nhiên tìm thấy ở nhiều nơi trong nước, nó to lớn hơn nhiều so với loài người cần cỗi hiện nay. Ông ta khẳng định rằng quy luật của tự nhiên đòi hỏi lúc mới sinh thành loài người rất to lớn và khỏe mạnh, chẳng đến nỗi phải bỏ xác vì một hòn ngói rơi từ trên mái nhà xuống hoặc vì một hòn đá do trẻ con ném, hoặc vì trượt chân ngã xuống suối. Từ những lý luận như vậy, tác giả rút ra những nguyên lý bổ ích cho cách xử thế trong cuộc đời, nói ra đây cũng chẳng ích gì. Về phần tôi, tôi không thể không nhận định rằng cách thuyết giáo luân lý kiểu ấy, cách than oán tự nhiên và thói phồng phếu điểm của loài người ấy hiện nay rất phổ biến. Và tôi nghĩ, nếu xem xét một cách nghiêm túc thì những lời than oán ấy chẳng có cơ sở ở châu Âu chúng ta cũng như ở nước những người khổng lồ này.



Lực lượng quân sự của họ gồm một trăm mười sáu nghìn bộ binh và ba mươi hai nghìn kỵ binh. Tuy nhiên, nếu đây cũng có thể gọi là quân đội khi lính chỉ gồm những nhà buôn, nông dân, và các chỉ huy là những vị đại thần, các nhà quý tộc, những người này không lĩnh một đồng lương hoặc một chút tiền thưởng nào. Sự thực, việc luyện tập của họ rất chu đáo, họ có một kỷ luật rất nghiêm, và điều này cũng không có gì đáng ngạc nhiên, vì chỉ huy của mỗi người nông dân lại chính là lãnh chúa của anh ta, của mỗi thị dân là các vị chức sắc trong thành phố, những người đã được bầu ra theo lối bầu phiếu như ở thành Venice.

Tôi thường thấy lính vệ binh ở *Lorbrulgrad* tập ở một quảng trường gần thủ đô. Tất cả có không quá hai mươi nghìn lính bộ và sáu nghìn kỵ sĩ nhưng họ tập trên một vùng quá rộng nên tôi không thể đếm chính xác con số được. Một kỵ sĩ cưỡi trên lưng ngựa cao tới chín mươi *foot*. Một tiếng hô, tất cả đội quân đồng loạt rút gươm ra khỏi vỏ, cảnh tượng nom thực oai hùng. Tưởng chừng hàng vạn tia chớp cùng lóe lên một lúc trên. Tôi tò mò muốn biết, tại sao đất nước này hiếm trở biết bao, vậy nhà vua còn dạy dân luyện tập kỷ luật quân sự làm gì, nhưng chỉ ít lâu sau, qua những buổi nói chuyện với nhiều người về vấn đề này, hoặc đọc lịch sử của họ, tôi đã hiểu rõ vấn đề. Chẳng là suốt trong nhiều thế kỷ, người dân ở đây đã mắc phải một chứng bệnh mà con người ai cũng không thoát được, là các nhà quý tộc thì đánh nhau để tranh giành quyền hành, dân chúng thì đấu tranh để đòi tự do và nhà vua thì gây chiến để độc tài thống trị.

Căn bệnh đó tuy đã được luật pháp của đất nước ngăn chặn rất thông minh, nhưng đôi khi những luật pháp ấy vẫn bị một trong ba loại người trên vi phạm, do đó đã nổ ra những cuộc nội

chiến, và cuộc nội chiến cuối cùng đã may mắn được ông nội nhà vua hiện nay chấm dứt. Đức vua này đã dàn xếp để ai cũng được thỏa mãn, nhưng đội vệ binh vì đã được mọi người nhất trí tổ chức nên, do đó nó vẫn cứ tồn tại từ ngày đó, và tuân theo một kỷ luật rất nghiêm.

CHƯƠNG 8

Tác giả theo vua và hoàng hậu đi chơi biển - Những chi tiết về việc tác giả dời bỏ xứ này - Trở về nước Anh.

Tôi vẫn có linh cảm một ngày kia tôi sẽ được trở lại tự do, tuy tôi không thể biết bằng cách nào, mà cũng không thể vạch ra một kế hoạch bỏ trốn mang lại hiệu quả. Con tàu đưa tôi đến đây là con tàu đầu tiên cập bờ biển xứ này. Vua ban xuống những lệnh nghiêm ngặt bắt mọi người, nếu thấy xuất hiện chiếc tàu thứ hai thì phải kéo lên cạn và dùng xe bò đưa cả tàu lẫn toàn bộ thủy thủ và hành khách về *Lorbrulgrud*. Vua rất mong tìm được cho tôi một người vợ cùng tầm thước với tôi để truyền giống, nhưng thà chết còn hơn, chứ tôi không chịu để lại một hậu thế bị nhốt trong hộp như chim bạch yến trong lồng, hoặc để người ta đem bán khắp nơi cho những nhà quý tộc làm của lạ. Nói thật, tôi được đối đãi hết sức tử tế, tôi được một ông vua và một bà hoàng hậu yêu mến, cả triều đình chiều chuộng, nhưng chẳng xứng đáng với phẩm cách của loài người tí nào. Tôi không thể quên vợ con tôi ở nhà. Vả lại, tôi muốn sống ở một nơi tôi được bình đẳng với mọi người, nơi tôi có thể được đi chơi phố hay về nông thôn mà không sợ bị giẫm chết như một con nhái hay con chó con. Tôi đã được thấy tự do sớm hơn tôi mong mỏi - một sự việc rất lạ lùng. Để tôi kể các bạn nghe thật chính xác, với những chi tiết đầy đủ.

Tôi ở xứ này đã được hai năm, năm thứ ba bắt đầu Cô *Glumdalclitch* với tôi tham gia đoàn tùy tùng đi theo nhà vua và hoàng hậu trong một cuộc hành trình về bờ biển phía nam. Như thường lệ tôi ở trong một cái hộp du lịch rất đầy đủ tiện nghi, mỗi bề mười hai *foot*. Chiều theo ý tôi, người ta mắc cho tôi cái võng bằng bốn sợi dây lụa mắc lên bốn góc phòng cho đỡ lắc trong khi một gia nhân đeo tôi đi ngựa. Trên mái nhà, phía trên cái võng, bác thợ mộc đục cho tôi một cái lỗ vuông mỗi bề một *foot* cho thoáng gió khi trời oi bức. Tôi có thể mở hay đóng cái lỗ ấy bằng một tấm ván.

Đến gần bờ biển, vua dừng lại nghỉ trong một biệt thự gần Flanflasnic, đây là một thành phố cách biển mười tám dặm Anh. Cô *Glumdalclitch* và tôi rất mệt, tôi bị cảm còn cô *Glumdalclitch* thì ốm quá không dậy được. Tôi khao khát được xem biển vì đây là con đường thoát duy nhất của tôi. Tôi vờ ốm nặng nên được phép đi cùng anh gia nhân ra biển thở không khí trong lành. Anh ta vẫn thường được giao chăm nom tôi và là người mà tôi rất mến. Tôi không bao giờ quên vẻ mặt không bằng lòng của cô *Glumdalclitch* lúc cho phép tôi đi biển và những lời cô dặn dò anh gia nhân. Cô vừa nói vừa khóc như linh cảm việc gì sẽ xảy ra. Cậu người hầu mang tôi trong cái hộp ra những mỏm đá nơi bờ biển, cách dinh thự nửa tiếng đồng hồ đi bộ. Tôi bảo cậu đặt tôi xuống đất, tôi mở cửa sổ, bâng khuâng nhìn biển cả. Tôi thấy mỗi mệt và bảo cậu bé tôi muốn nằm võng ngủ một giấc. Tôi lên võng nằm và cậu ta đóng cửa sổ lại cho tôi đỡ lạnh. Một lúc sau tôi ngủ thiếp đi, và đây là những việc đã xảy ra, theo trí tưởng tượng của tôi. Trong lúc tôi ngủ, cậu bé đoán chừng không có nguy hiểm gì, liền bỏ đi kiếm trứng chim trong khe đá. Lúc trước, qua cửa sổ, tôi thấy cậu ta nhặt vài quả trong một hốc đá. Mặc dù việc xảy ra thế nào tôi cũng không biết rõ, chỉ biết bỗng tôi thấy bị lắc rất mạnh một cái, tôi bừng tỉnh dậy, tôi cảm thấy cái hộp đang bị nhấc bổng lên, bay rất cao lên trời với một tốc độ ghê gớm. Cái lắc đầu tiên có thể hất tôi ngã xuống sàn nhà, nhưng sau đó êm dần. Tôi lấy hết sức bình sinh gọi hét lên nhưng vô hiệu. Nhìn qua cửa sổ chỉ thấy trời và mây. Trên đầu tôi, tôi nghe thấy tiếng sột soạt giống như tiếng cánh chim đập. Lúc ấy tôi mới hiểu cái hoàn cảnh bi đát của tôi, tôi nghĩ chắc hẳn một con chim ưng lấy mỏ cắp lấy cái vòng trên nắp hộp, với ý định để hộp rơi xuống đá cho vỡ, như thế nó vẫn ăn thịt rùa theo cách ấy, nó sẽ lôi tôi ra để ngấu nghiến. Chim ưng vốn mắt rất tinh và mũi rất thính, nên từ xa nó đã phát hiện ra tôi, dù tôi có giấu kín hơn tôi dưới những tấm ván dày hai *inch*.

Tôi thấy tiếng cánh đập rít lên ngày càng nhanh. Chiếc hộp đảo lộn, bay phần phật như lá cờ lệnh gặp một ngày lông gió. Tôi nghe thấy mấy tiếng mổ rõ mạnh vào con chim ưng (bởi vì một loài chim khác không thể cắp cái hộp của tôi như thế được). Thế rồi hột một cái, tôi thấy tôi đang rơi thẳng từ trên trời xuống, đến mấy phút, với tốc độ kinh khủng làm tôi suýt tắc thở.

Bỗng cái hộp dừng lại, chung quanh tôi, nước bắn tung tóe âm ỉ như tiếng thác đổ - mạnh hơn cả tiếng thác Niagara. Rồi chung quanh tối sầm lại đến một phút, cái hộp bị hất lên cao lại có ánh sáng chiếu phía trên cửa sổ. Cái hộp, vì có sức ắn của tôi, của đồ đạc và những miếng sắt đóng ghép vào ván cho chắc ở các góc nên nó chìm sâu xuống nước khoảng năm *foot*. Lúc ấy, tôi nghĩ - và bây giờ tôi vẫn nghĩ như vậy - con chim ưng tha hộp của tôi bị hai, ba con chim ưng khác đuổi theo và bắt buộc phải nhả cái hộp ra để đánh trả lại những con chim định cướp mồi của nó. Những miếng sắt đóng ở các góc bên dưới dày hơn nên giữ được cái hộp ở thể thăng bằng lúc nó rơi và khỏi bị vỡ toang khi đập xuống mặt biển. Mọi chỗ ghép hộp đều đóng rất chắc, cửa không có bản lề mà đẩy đi đẩy lại trên rãnh nên phòng rất kín, chỉ có một tí tí nước rỉ vào. Tôi đánh liều mở cái nắp con trên trần nhà ra để thở vì suýt ngạt, rồi nhảy xuống sàn.

Lúc ấy, tôi ước ao cô *Glumdalclitch* thân yêu ở bên cạnh, tôi mới xa cô chưa đầy một tiếng đồng hồ mà nên nỗi này! Tôi có thể thật thà nói rằng trong lúc gian nguy ấy tôi không thể không thương hại cô bé, tôi nghĩ đến nỗi lo buồn của cô, đến sự bức mình của hoàng hậu, có lẽ cô sẽ bị ghét bỏ. Tôi tin chắc rất ít khách du lịch gặp hoàn cảnh thê thảm như tôi hiện nay. Từng giây, từng phút tôi chờ đợi trong lo âu về cái hộp sẽ bị vỡ tan ra từng mảnh, hay ít nhất cũng bị cơn gió mạnh lật úp hoặc một đợt sóng nhấn chìm, và chỉ một khung kính vỡ là đủ làm tôi chết thảng thối. Cũng may, để đề phòng mọi tai nạn trong các cuộc hành trình, người ta đã đóng bên ngoài cửa kính những tấm lưới sắt. Tôi thấy nước rỉ vào qua nhiều khe hở, tôi ra sức bít lại tất cả. Tôi không đủ sức nhấc cái mái hộp lên để leo lên ngồi trên nóc và kéo dài sự sống thêm mấy giờ hơn là ngồi tù trong hầm tàu như thế này (thôi thì cứ tạm gọi như vậy). Giả thử tôi có thoát được những cơn nguy hiểm này một, hai ngày, thử hỏi tôi còn hy vọng gì ngoài chết đói và chết khát? Suốt bốn tiếng đồng hồ tôi sống trong tình trạng ấy chờ chết, hay nói đúng hơn, mong chết ngay đi cho rồi.

Tôi đã kể với các bạn, ở một mặt hộp không có cửa sổ, chỉ có hai cái tai chắc chắn để gia nhân khi mang tôi xâu vào thắt lưng da buộc quanh mình. Giữa lúc tôi không còn hy vọng gì nữa, bỗng tôi nghe thấy - hay ít nhất, tưởng nghe thấy có tiếng cào cào bên ngoài hộp, chỗ hai tai sắt. Một lúc sau, hình như cái hộp bị kéo hay bị móc đi, bởi vì thỉnh thoảng sóng lại dâng lên, che lấp cửa sổ làm cho buồng tối om. Tôi hy vọng đôi chút, tuy tôi không thể tưởng tượng tôi sẽ được cứu sống bằng cách nào. Tôi đánh liều tháo đinh vít đóng ghế liền vào sàn, và tìm cách đóng ghế vào bên dưới tấm ván trần tôi vừa mở lúc nãy. Rồi tôi trèo lên ghế, vươn cổ lên, lấy hết sức kêu cứu bằng mọi thứ tiếng mà tôi biết, sau đó tôi buộc mùi soa vào một cái gậy không lúc nào tôi rời, chọc qua lỗ hổng, vẩy vẩy, để nếu có tàu nào qua gần đấy, thủy thủ biết có kẻ không may bị nhốt trong hộp.

Tôi làm như vậy chẳng có hiệu quả gì, nhưng tôi biết chắc chắn rằng, cái hộp của tôi đang bị kéo đi. Được một giờ hay hơn thế, hộp vấp phải cái gì về phía có hai tai sắt. Tôi sợ đó là một hòn đá, rồi tôi bị lắc mạnh hơn bao giờ hết. Tôi nghe rất rõ một tiếng động trên mái nhà, tôi nghĩ có lẽ một sợi dây cáp đang được xâu vào một cái vòng trên nóc. Tôi cảm thấy đang được nhấc cao lên dần, có lẽ đến ba *foot*. Tôi lại vẩy vẩy cái mùi soa buộc ở đầu gậy và thét tướng lên



đến khản cả giọng. Tôi nghe một tiếng đáp, nhắc lại ba lần, khiến tôi sung sướng quá, không bút nào tả xiết. Bây giờ, tôi nghe thấy tiếng chân nện trên đầu, và có ai đó ghé vào lỗ hổng kêu lên bằng tiếng Anh: "Ai ở dưới ấy, nói đi!". Tôi trả lời, tôi là người Anh, bị số phận đen đủi đẩy ải vào cảnh khổ nhục chưa từng ai ở trần gian này phải chịu, và tôi van nài, các ngài vì Chúa hãy cứu tôi thoát khỏi cái nhà tù này. Tiếng nói đáp lại rằng tôi đã được cứu sống, bởi vì cái hộp đã kéo vào đến tàu. Anh thợ mộc đến cửa một cái lỗ để tôi ra. Tôi bảo không cần làm như vậy mà chỉ cần ai đó cứ việc móc vào cái vòng trên nóc hộp và đưa vào buồng thuyền trưởng. Thấy tôi nói vậy, có người tưởng tôi điên những người khác phá lên cười. Sự thật, tôi chưa biết là mình đang sống giữa những người tầm vóc như tôi, sức khỏe như tôi. Anh thợ mộc đến và chỉ mấy phút, anh đã đưa được một cái lỗ mỗi bề chừng bốn *foot* anh đưa xuống một cái thang nhỏ. tôi leo lên và được đưa lên tàu, sức khỏe sút hẳn đi.

Thủy thủ đã hết sức ngạc nhiên, đặt nhiều câu hỏi, nhưng tôi không buồn trả lời. Về phần tôi, tôi ngạc nhiên thấy nhiều người tí hon đến thế, bởi vì, từ lâu nay đã quen nhìn những người khổng lồ, tôi tưởng thủy thủ là những người thuộc nước tí hon. Ông thuyền trưởng Thomas Wilcocks, một người trung thực, có phẩm hạnh, ở vùng Shropshire, thấy tôi sắp xỉu đi, bèn dắt tôi vào phòng riêng, ông cho tôi uống một liều thuốc bổ, cho đặt tôi lên giường và bảo tôi cần phải nằm nghỉ. Trước khi ngủ, tôi bảo ông rằng ở trong hộp, tôi có nhiều đồ gỗ quý nên giữ lấy một cái vớng to, một cái giường đẹp, mấy cái ghế, một cái bàn, một cái tủ, buồng tôi trái phẩm, hay đúng hơn, trái một thứ nệm bằng lụa và vải bông. Tôi còn bảo ông nên cho một người mang cái hộp của tôi vào phòng ông để tôi mở cho ông xem các thứ bên trong. Nghe những lời kỳ lạ như thế, ông thuyền trưởng tưởng tôi mê. Tuy nhiên chắc là để tôi yên lòng, ông ta hứa sẽ làm những điều tôi cần dặn ông ra ngoài boong tàu, cho mấy người vào trong cái hộp mang đồ đạc và cái nệm bông ra. Tủ, ghế, giường hồng cả, bởi vì mấy gã thủy thủ ngu dốt đã không tháo đinh vít ra, lấy sức mạnh mà giật. Họ tháo những tấm ván tốt nhất và chiếm vài ba thứ hay hay, còn lại họ vứt cả xuống biển. Cái hộp lỗ chỗ những lỗ thủng ở dưới đáy và ở khắp bốn mặt nên trôi tuột xuống đáy biển. Nói thật, tôi vui mừng vì không phải chứng kiến cái cảnh tàn phá ấy. Cái đó có thể gọi cho tôi những kỷ niệm mà tôi muốn quên đi.

Tôi ngủ được mấy giờ, một giấc ngủ đầy ác mộng. Tôi mơ thấy xứ sở tôi vừa thoát khỏi, thấy những cơn nguy hiểm tôi vừa trải qua. Nhưng lúc trở dậy, trong người thấy dễ chịu hơn nhiều. Khoảng tám giờ tối, thuyền trưởng bảo dọn cơm cho tôi ăn, ông ta tưởng tôi nhin đói từ lâu lắm rồi. Ông ta tiếp tôi rất tử tế và nhận thấy tôi không có vẻ gì là mê sảng vì những lời tôi nói rất mạch lạc. Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, ông bảo tôi kể cho ông nghe các cuộc du lịch của tôi và sự rủi ro nào đã dẫn tôi đến chỗ lênh đênh trên mặt biển như thế này. Ông nói, khoảng giữa trưa, qua ống nhòm, ông thấy cái hòm và tưởng là một con thuyền, ông cho lái tàu về phía ấy để mua bánh bích quy, vì tàu gần hết bánh. Đến gần mới biết là mình lầm, ông liền thả một chiếc xuống xuống biển đi dò la. Thủy thủ quay trở lại hoảng hốt báo tin là có một căn nhà trôi dạt trên biển. Ông cười, cho là họ điên rồi đích thân ông xuống xuống, ra lệnh cho thủy thủ



đem theo dây cáp, lúc ấy biển lặng, họ bơi mấy vòng quanh cái hòm thấy có cửa sổ và hai lưới dây thép bên ngoài cửa. Thuyền trưởng trông thấy hai cái tai hòm liền cho buộc dây cáp vào đấy rồi kéo đến tàu. Một dây cáp thứ hai được xâu vào cái vòng trên mái nhà rồi người ta dùng bánh xe nhắc bổng cái hòm lên cao chừng hai, ba *foot*. Họ thấy mùi soa buộc vào đầu một cái gậy và kết luận rằng chắc một kẻ xấu số nào đó bị nhốt bên trong. Tôi hỏi thuyền trưởng xem ông hoặc một người nào khác, lúc thoát tiên thấy cái hòm có ai trông thấy con chim khổng lồ ở trên trời không. Ông đáp, trong khi tôi ngủ có đưa vấn đề này ra hỏi mọi người, và một thủy thủ nói có trông thấy ba con chim bay về hướng bắc nhưng là loài chim bình thường thôi, theo tôi nghĩ là vì chim bay rất cao nên từ xa anh ta nhìn thấy nó cũng bình thường như các con chim khác.

Tôi hỏi thuyền trưởng xem chúng tôi đang cách đất liền bao xa. Sau khi tính toán, ước lượng thì ông trả lời tàu của ông đang cách xa đất liền ít nhất cũng một trăm dặm. Tôi bảo ông đã tính sai gần một nửa, bởi vì từ khi tôi rời xứ sở người khổng lồ đến khi tôi rơi xuống biển, chưa đầy hai tiếng đồng hồ. Đến đây ông cho là tôi quẩn trí nên khuyên tôi đi nghỉ ở một buồng riêng dành cho khách. Tôi khẳng khái đáp rằng, nhờ bữa cơm ông vừa thết tôi và việc được hầu chuyện với ông đã làm cho tôi bình phục hoàn toàn, và trí óc tôi sáng suốt hơn bao giờ hết. Ông trở lại nghiêm nghị và hỏi tôi xem lương tâm tôi có bị cắn rứt vì tôi đã phạm vào một trọng tội gì không. Ông nghĩ tôi bị một ông vua nào đó trừng phạt bằng cách nhốt vào trong hòm rồi đem vớt xuống biển giống như ở một số nước, những kẻ phạm trọng tội bị nhốt vào trong một cái tàu thủng, không lương thực, để trôi giữa biển khơi. Ông hỏi hận đã vớt lên tàu một thằng đạo tặc như tôi, song ông cam đoan sẽ để tôi lên bến đầu tiên và không làm gì tôi cả. Ông nói thêm, những điều ông nghi ngờ đã được xác minh bằng những câu chuyện phi lý mà tôi đã nói với thủy thủ rồi nói với ông về cái hộp hay cái hòm, cũng như bằng vẻ mặt lạ lùng, cử chỉ của tôi trong suốt bữa cơm.

Tôi xin ông kiên nhẫn nghe đầu đuôi câu chuyện. Tôi kể rất trung thực những cuộc phiêu lưu từ ngày tôi từ giã nước Anh đến khi tôi được ông vớt lên tàu. Cuối cùng, sự thật đã thắng. Ông vốn là người hiểu biết, trung thực và có phẩm hạnh, không phải là không có học thức, biết phân biệt điều hay lẽ phải, nên ông tin vào lòng ngay thật của tôi và cho câu chuyện tôi kể là đúng sự thật. Để có chứng cứ rõ ràng, tôi đề nghị ông cho người mang cái tủ lên vì tôi còn giữ chìa khóa tủ trong túi. Trước mắt ông, tôi mở tủ ra, cho ông xem các đồ vật kỳ lạ tôi đã thu lượm được ở cái xứ sở mà tôi đã thoát khỏi một cách kỳ diệu ấy: một cái lược làm bằng những sợi râu của vua, mà lưng nó là một mảnh móng tay của hoàng hậu. Có cả một loạt kim và đinh ghim dài một *foot*, bốn cái vôi ong vò vẽ to bằng cái đỉnh đóng xà nhà. Lại có cái nhẫn của hoàng hậu tặng tôi, hôm ấy, bà tháo chiếc nhẫn ở tay út ra rồi đeo vào cổ tôi làm cái vòng. Tôi đề nghị thuyền trưởng nhận cho cái nhẫn ấy làm kỷ niệm của một kẻ mang ơn ông, nhưng ông nhất quyết chối từ. Tôi cho ông xem cái chai chân, chính tay tôi đã cắt ở ngón chân một cô tùy tùng của hoàng hậu, nó to đúng bằng quả táo. Nó rắn quá, nên lúc về đến nước Anh, tôi cho gọt thành hình một cái cốc và đặt trên đế bạc. Sau cùng, tôi mời thuyền trưởng xem cái quần đùi



tôi đang mặc được cắt bằng da chuột.

Thuyền trưởng chỉ nhận cái răng của một gia nhân và ông xem xét ra vẻ thích thú và lạ lùng lắm. Ông cảm ơn tôi rồi rút vì một vật nhỏ mọn không đáng được cảm ơn nhiều đến như thế. Chiếc răng này là của anh đầy tớ cô *Glumdalclitch* được một nhà sĩ tời bẻ nhằm, vì nó không sâu một tí nào. Tôi cho rửa sạch rồi cất vào tủ. Nó dài chừng một *foot* và đường kính bốn *inch*.

Nghe tôi kể chuyện xong, thuyền trưởng vui thích hết sức - ông mong mỗi khi về nước Anh, tôi sẽ viết một quyển sách cho mọi người biết. Tôi đáp, sách kể chuyện du lịch ngày nay thiếu gì, tác giả viết sách cốt để phô trương hay vì quyền lợi riêng tư hơn là để nói sự thật. Vả lại, câu chuyện của tôi chẳng có gì huyền hoặc, tôi cũng chẳng miêu tả những cỏ cây những chim muông kỳ dị, mà tôi cũng không nói đến những phong tục, tập quán của những dân tộc dã man đầy rẫy trong các sách hiện nay. Dù sao tôi cũng cảm ơn ý kiến tốt của thuyền trưởng và hứa sẽ nghĩ về vấn đề này.

Ông rất ngạc nhiên thấy tôi nói to như hét và hỏi tôi nhà vua và hoàng hậu xứ ấy có nghênh ngang không. Tôi phải giải thích đó là thói quen từ hai năm nay và về phần tôi, tôi rất yêu thích cách nói của thuyền trưởng và của thủy thủ, nghe êm ái như tiếng thì thầm. Còn ở xứ kia, lúc nói tôi phải hét to như gọi khách qua đường, và người khách như từ trên gác chuông nhìn xuống - trừ khi người ta đặt tôi trên bàn hay trong lòng bàn tay. Tôi cũng nói thật với thuyền trưởng rằng, lúc tôi leo lên tàu, chung quanh là thủy thủ, tôi coi họ như những con vật nhỏ bé đáng khinh nhất trần đời. Bởi vì, trong suốt thời gian ở xứ ấy, không bao giờ tôi soi gương. Tôi quen sống với những người khổng lồ, chắc hẳn bên cạnh họ, tôi sẽ thấy tôi là kẻ chẳng đáng giá đồng xu. Thuyền trưởng bảo, lúc tôi ăn cơm, ông ta thấy tôi nhìn cái gì cũng như lạ lùng và hình như tôi cố nhin không cười phá lên. Lúc ấy, ông ta không hiểu được đáng điều, cử chỉ của tôi và nghĩ rằng tôi hơi điên. Tôi đáp rằng, ông ta đã nhận xét đúng, tôi hết sức lạ lùng thấy đĩa ăn chỉ to bằng đồng hai xu, jambon bằng một mẩu bánh con, tách uống nước như quả hạt dẻ, và, cứ thế, tôi miêu tả bát đĩa và thức ăn của ông như những thứ cùng loại mà tôi vẫn nhìn thấy. Mặc dù hoàng hậu thừa cho tôi những đồ dùng hợp với tầm vóc của tôi, nhưng suốt ngày tôi chỉ có trông thấy những đồ dùng to tướng quanh mình nên tôi không buồn nghĩ đến thân hình bé nhỏ của tôi, cũng như người ta không nghĩ đến lỗi lầm của mình. Thuyền trưởng rất thú vị về câu châm biếm của tôi và ông ta vui vẻ bảo, giá như mất một trăm *sterling* mà được thấy tôi bị treo lơ lửng nơi mỏ chim ưng rồi rơi phăng phăng xuống biển ông cũng vui lòng. Quả là một cảnh tượng xứng đáng được ghi lại cho những thế hệ mai sau. Rồi ông so sánh với bức tranh Phaeton²¹ rất giống trường hợp của tôi, tuy tôi không tán thành lắm cái lối châm chọc ấy.

Sau khi cho tàu ghé ở Đông Dương, thuyền trưởng trở về Anh, nhưng tàu bị thổi về hướng đông bắc, vĩ tuyến 44, kinh tuyến 143. Nhưng hai hôm sau, gặp luồng gió tây, chúng tôi đi về hướng nam rồi đi qua đảo Tân Hòa Lan, tiến theo hướng tây nam rồi nam tây nam, cho đến khi vượt qua mũi Hảo Vọng. Cuộc hành trình rất may mắn, nhưng tôi chẳng kể lại những trang nhật ký trên tàu, sợ làm phiền các bạn. Thuyền trưởng đỗ lại ở một vài bến để lấy lương thực và lấy nước ngọt. Nhưng tôi ở lì trên tàu cho đến khi cập bến ở Downs ngày 3 tháng sáu 1706, khoảng chín tháng sau khi tôi tự do. Tôi đề nghị với thuyền trưởng cho tôi để lại mọi đồ đạc của tôi thay tiền tàu, nhưng ông chẳng nhận gì hết. Chúng tôi từ biệt nhau như những người bạn lâu năm. Tôi năn nỉ ông phải hứa sẽ đến thăm tôi tại Redriff. Tôi mượn của ông năm shilling để thuê ngựa và người dẫn đường.

Đọc đường, thấy nhà cửa, cây cối, súc vật và mọi người, cái gì cũng bé tí ti, tôi tưởng như mình trở lại nước Lilliput. Tôi sợ giẫm nát những người đi đường nên luôn mồm quát họ tránh cho tôi đi, thành thử đến vài ba lần suýt bị đánh vì tính lỗ mãng của mình.

Khi tôi về đến nhà (tôi phải hỏi thăm, bởi vì tôi không nhận ra nhà của tôi nữa), một anh dày tớ ra mở cửa. Lúc vào nhà, tôi khom khom lưng đầu đưa ra phía trước chẳng khác gì con ngỗng, vì tôi sợ đụng đầu. Vợ tôi chạy ra ôm hôn tôi. Tôi liền quỳ xuống, thấp quá đầu gối vợ, tôi nghĩ có thể mới vừa tầm cho vợ hôn. Đứa con gái bé quỳ xuống chân tôi để tôi bạn phước lành, nhưng tôi chỉ thấy nó lúc nó đứng thẳng dậy vì tôi, vẫn giữ thói quen luôn luôn nhìn lên trời. Tôi muốn một tay cầm ngang lưng nó để nhắc nó lên. Từ trên cao, tôi nhìn xuống những người

làm trong nhà và vài ba người bạn đến thăm tôi, như thể họ là những người tí hon, còn tôi là người khổng lồ. Tôi bảo rằng vợ tôi sống kham khổ quá nên nhỏ hủ đi, cả con cháu gái bé nữa. Nói ngắn gọn, tôi đã có nhưng cử chỉ lạ lùng như đối với thuyền trưởng, nên cả nhà tưởng tôi loạn óc. Tôi ghi lại những chi tiết này ra để các bạn thấy sức mạnh đáng sợ của tập quán và định kiến.

Chỉ ít lâu sau, tôi với gia đình và bạn bè không hiểu làm nhau nữa. Vợ tôi bảo từ nay tôi không được đi du lịch đâu hết. Nhưng, khốn nỗi, số phận tôi lại quyết định cách khác, độc giả sẽ biết sau này. Đến đây chấm dứt cuộc du lịch đen đủi thứ hai của tôi.

Chia sẻ ebook :

<http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage :

<https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

